

BAN TUYỂN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

**117 CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

HÀ NỘI - 2007

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

**117 CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

HÀ NỘI - 2007

Chỉ đạo biên soạn:

PGS.TS. Đào Duy Quát

Chủ biên:

Ths. Trương Minh Tuấn

Biên soạn:

Ngô Bá Toại

Nguyễn Đức Bình

Trịnh Duy Kim

Lương Thị Bích Hường

Nguyễn Minh Khai

Nguyễn Quán Phú

Nguyễn Thị Oanh

MỤC LỤC	Trang
Lời nói đầu	9
1. Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Véc - xây.	10
2. "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin".	17
3. Bác Hồ với cụ Phan Châu Trinh.	20
4. Bác Hồ với cụ Phan Bội Châu.	31
5. Bác Hồ với cụ Huỳnh Thúc Kháng.	33
6. Tôi là người cộng sản như thế này này!	41
7. Một lần nhớ mãi.	45
8. "Vừa đẹp vừa đỡ chọi mắt đồng bào...".	47
9. Bác tặng khăn quàng.	49
10. Người công giáo ghi ơn Bác Hồ.	50
11. Bữa cơm gia đình.	52
12. "Lịch sử" ba bộ quần áo của Bác.	55
13. Bác Hồ thích ăn món gì nhất.	56
14. Tài ứng khẩu của Bác.	59
15. Cách ứng đáp miễn tiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	69
16. Trong quốc dân Đại hội Tân Trào.	72
17. Cũng Hồ biết thuốc giới lắm.	73
18. Một ngày thu không thể quên.	75

19. Bác Hồ với trung thu độc lập đầu tiên.	77
20. Bác nhớ các cháu thiếu niên dũng sĩ miền Nam.	81
21. Ba lần được gặp Bác Hồ.	83
22. Bác cùng các cháu thiếu niên dũng sĩ miền Nam tiếp đoàn đại biểu Hội hữu nghị Cuba - Việt Nam sang thăm nước ta.	85
23. Những khách "đặc biệt" của Bác Hồ.	87
24. Đôi thủ đáng yêu.	91
25. Quà của Bác Hồ tặng các cháu.	92
26. Một cuộc đối thoại sinh động.	93
27. Cháu của Bác Hồ.	94
28. Thường ngày Bác yêu trẻ con một cách lạ.	95
29. Dành cho các cháu.	97
30. Để các cháu làm chủ.	99
31. Trong Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước.	101
32. Bác Hồ chứ còn ai!.	103
33. Cuộc gặp bất ngờ.	105
34. Bác Hồ thăm vườn hoa nghìn việc tốt.	107
35. Các em sạch và ngoan thật!	109
36. Đối với các cháu bé.	110
37. Quây quần bên Bác.	112

38. Bác Hồ đến với các cháu mồ côi.	114
39. Bác Hồ với việc học tập và sử dụng tiếng nước ngoài.	118
40. Bác Hồ ở Pác Bó.	155
41. Từ Pác Bó đến Tân Trào.	163
42. Những ngày ở Tân Trào.	179
43. Bác Hồ đóng vai thầy mo.	197
44. Dưới gốc đa Tân Trào.	199
45. Tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội.	202
46. Chủ tịch nước cũng không có đặc quyền.	207
47. "Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi".	209
48. Tăng tiêu chuẩn cho chiến sĩ.	211
49. Bác Hồ với bộ đội ở Đền Hùng.	213
50. Bác kết luận.	215
51. Bác không thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai.	216
52. Các chú có báo không.	219
53. Các chú nói có lý nhưng chưa hợp lý.	222
54. Chú nói đúng, nhưng chưa đủ.	224
55. Chú trả lời cho rõ hơn.	225
56. "Đạn bọc đường".	228
57. Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?	229
58. Được Bác đổi tên.	233

59. Giờ chú tuyên truyền gì.	235
60. Nhận tên mới.	237
61. Nướng sắn.	238
62. Sự phân công.	241
63. Tặng Thủ tướng bó hoa này thì tốt lắm.	242
64. Bài thơ nổi tiếng của Bác Hồ căn dặn thanh niên được ra đời như thế nào.	244
65. Thế phụ nữ miền Bắc có dám thi đua với phụ nữ miền Nam không?	249
66. Các cháu hát được bài kết đoàn chứ?	250
67. Thanh niên phải gương mẫu trong kỷ luật.	252
68. Câu chuyện tâm đắc của hai cụ đồ Nho ở huyện Nam Đàn.	254
69. Sự ra đời của một bài thơ.	258
70. Bác Hồ là thế đấy.	260
71. Cây đào Nhật Tân.	262
72. Việc chi tiêu của Bác Hồ.	264
73. Chú sang xông nhà cho Bác.	266
74. Bác Hồ tặng gia rau cải.	268
75. Câu chuyện về 3 chiếc ba lô.	272
76. Không ai được vào đây.	273
77. Bát chè xê đôi.	275
78. Một bữa ăn tối của Bác.	276

79. Thời gian quý báu lắm.	279
80. Chú còn trẻ, chú vào hầm trú ẩn trước đi.	282
81. Bác có phải là vua đâu?	283
82. Từ đôi dép đến chiếc ô tô.	286
83. Bữa cơm kháng chiến.	290
84. Quyền lao động của Bác.	292
85. Ai ăn thì người ấy trả tiền.	293
86. Quả táo Bác Hồ cho em bé.	294
87. Mừng cho các cháu, Bác càng thương nhớ mẹ.	295
88. So sánh.	296
89. Đạo đức người ăn cơm.	298
90. Gương mẫu tôn trọng luật lệ.	300
91. Nước nóng, nước nguội.	302
92. Chú ngã có đau không.	304
93. Ăn no rồi hãy đến làm việc.	306
94. Tấm lòng Bác Hồ với chiến sĩ.	308
95. Chú để Bác thuyết minh cho.	311
96. Chú làm như thế là không được.	314
97. Để Bác quạt.	316
98. Bác Hồ với chiến sĩ người dân tộc.	317
99. Tấm lòng của Bác với thương binh, liệt sĩ.	319

100. Tấm lòng của Bác.	322
101. Bác Hồ tắm cho trẻ ở Việt Bắc.	324
102. Bác Hồ quan tâm đến nữ phóng viên.	326
103. Tình thương yêu bao la.	327
104. Đi làm ruộng với nông dân.	333
105. Người Pháp, người Mỹ.	340
106. Cái đuôi Tôn Ngộ Không.	343
107. Thi đua về lòng yêu nước thì ta thắng.	345
108. Phải quan tâm đến mọi người hơn.	347
109. Đời sống của người dân quan trọng hơn.	349
110. Ứng biến nhanh giặc nào cũng thắng.	351
111. Chữ "quan liêu" viết thế nào?	353
112. Làm sao lo cho các cháu ăn no, có quần áo mặc.	355
113. Dù tá hay tướng đều phải lo phục vụ nhân dân.	356
114. Có ăn bớt phần cơm của con không.	358
115. Bác muốn biết sự thật kia.	360
116. Đón vua hay đón Bác.	362
117. "Cách mạng" theo ý Bác Hồ.	365

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới. Sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Người sống mãi trong lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam. Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của Người mãi mãi là tấm gương cho các thế hệ chúng ta học tập và noi theo.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị và lễ phát động tổ chức thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" của Ban Chấp hành Trung ương tại lễ kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 117 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890 - 19/5/2007); Hướng dẫn số 11-HD/TTVH (ngày 6/12/2006) của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương). Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng chọn lọc, sưu tập và biên soạn 117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần cung cấp những tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập và làm theo tấm gương của Bác. Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các tác giả, cơ quan, đơn vị: Bảo tàng Hồ Chí Minh, NXB Giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia, NXB Quân đội nhân dân, ... có những tư liệu và bài viết giúp chúng tôi sưu tầm và tập hợp 117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng

1. BẢN YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM GỬI HỘI NGHỊ VÉC-XÂY

Tháng 6 năm 1919, nghe tin các đoàn đại biểu mười mấy nước Đồng minh chiến thắng họp ở Véc-xây cách thủ đô Pa-ri 14 ki-lô-mét, Nguyễn Tất Thành bàn với nhà yêu nước Phan Châu Trinh và luật sư, tiến sĩ Phan Văn Trường viết bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi Hội nghị Véc-xây. Nhà yêu nước họ Phan trịnh trọng nói:

- Bảy điều yêu sách mà anh Thành nêu ra, theo tôi thật là xác đáng và đúng như bọn mình thường trao đổi với nhau. Chú Trường xem có nên thêm điều gì không?

- Tôi thấy thế là tốt... Thử xem còn vấn đề gì về quyền của nhân dân ta cần đòi... - Văn Trường nói và gõ nhẹ vào trán mình theo thói quen của ông khi cần suy tính một điều gì.

- Thưa hai bác - Tất Thành lên tiếng - Hôm trước cháu phác thảo ra 7 điều yêu sách đưa hai bác xem, nhưng đêm hôm qua cháu mới nảy thêm một ý. Cháu thấy rằng ở Đông Dương, bọn quan lại chỉ dựa vào các sắc lệnh của tên toàn quyền để cai trị dân ta mà không hề có luật. Cháu muốn đưa thêm một điều yêu sách nữa: *"Thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật pháp"*.

- Đúng! Đúng! Luật sư họ Phan sôi nổi hưởng ứng. Muốn cho dân ta có tự do thì phải đòi họ cai trị theo luật pháp!

- Tôi cũng tán đồng! Phan Châu Trinh nói như kết luận buổi gặp mặt. Bây giờ ta làm thế nào để chuyển bản *Yêu sách* tới Hội nghị Véc-xây đây?

Tất Thành:

- Thưa bác, cháu nghĩ rằng phải nhờ bác Phan Văn Trường viết ngay ra bằng tiếng Pháp thì mới kịp.

Hai ngày sau, Nguyễn Tất Thành đã ngồi bên luật sư Phan Văn Trường, trước bản “Yêu sách của nhân dân Việt Nam” vừa thảo xong bằng chữ Pháp.

- Chúng ta sẽ đứng tên dưới bản yêu sách này như thế nào đây? Bác đứng tên nhé. Nguyễn Tất Thành nêu ý kiến.

- Không! Phan Văn Trường đáp - bản *Yêu sách* này tuy là tôi chấp bút viết ra bằng tiếng Pháp. Nhưng tôi phải viết chỉ vì anh chưa thông thạo Pháp văn mà thôi, chứ sáng kiến lớn lao này của anh, và hầu hết ý kiến nêu ra trong bản *Yêu sách* cũng là của anh.

- Thưa bác, sáng kiến của cháu cũng chỉ là phản ánh nguyện vọng chung của những người yêu nước chứ có phải của riêng cháu đâu. Bác là một nhân vật có danh tiếng, bà con Việt kiều trên đất Pháp đều biết bác là một luật sư yêu nước dám bênh vực công lý, che chở cho bà con. Bác đứng tên cho bản yêu sách này thì giá trị của nó càng cao, ảnh hưởng của nó càng rộng.

- Không! Không thể được! Tôi tuy có chút danh vọng hơn anh ngày nay, nhưng cái tâm, cái chí của anh còn lớn hơn tôi nhiều. Và lại về nguyên tắc, người trí thức không

được phép lấy công người khác làm công của mình: “Cái gì của Xê-da thì phải trả lại cho Xê-da”. Đó mới là lẽ phải. Chẳng những tôi không thể đứng tên, mà bác Hy Mã Phan Châu Trinh cũng không nên đứng tên.

Cuộc trao đổi giữa hai nhà yêu nước đi tới kết luận: dùng một cái tên gì tiêu biểu cho nguyện vọng chung của nhân dân, nhưng phải là tên một cá nhân thì tính chất pháp nhân của văn bản mới có giá trị. Cuối cùng anh Nguyễn quyết định tự mình đứng mũi chịu sào với cái tên chung cho tấm lòng của mọi người. Anh ký:

Thay mặt những người yêu nước Việt Nam
Nguyễn Ái Quốc

Ngay buổi chiều hôm ấy, sau khi bản *Yêu sách* được gửi đi, anh Nguyễn rời khỏi nhà số 6 đường Vi-la đê Gô-bơ-lanh, nơi anh vẫn ở với luật sư Phan Văn Trường. Anh sống bí mật, đề phòng sự truy lùng ráo riết của bọn mật thám Bộ Thuộc địa Pháp.

*

* *

Vào buổi sáng sớm có người đến bấm chuông căn nhà số 6, phố Đô-bi-nhi. Đây là nhà của Giuyn Căm-bông, đại sứ cũ của Pháp ở Đức, hiện là thành viên của đoàn đại biểu Pháp đi dự Hội nghị Véc-xây. Giơ-nơ-vi-e-vơ Ta-bu-i, cô cháu gái trẻ của Căm-bông ra mở cửa. Sau này cô là một nhà báo nổi tiếng, nhưng lúc bấy giờ cô là thư ký của cậu cô. Người bấm chuông là một thanh niên châu Á,

mảnh khảnh, có khuôn mặt cười mở, dễ mến, đôi mắt to, sáng long lanh. Anh lịch sự chào cô và nói bằng thứ tiếng Pháp không sõi:

- Tôi muốn trao cho ngài đại sứ Căm-bông một văn kiện.

Giơ-nơ-vi-e-vơ mời khách đến sớm vào nhà rồi ra hiệu cho khách ngồi xuống cạnh chiếc bàn dài chạm trổ theo kiểu đế chế. Chiếc bàn này hiện nay vẫn kê trong phòng khách gia đình Ta-bu-i. Cô gái hỏi người thanh niên là ai?

- Thưa cô, tôi là Nguyễn Ái Quốc, tôi muốn gặp ngài Căm-bông.

Chàng thanh niên lấy ra một cuốn giấy buộc bằng dây mảnh. Anh mở ra và trao cho cô gái.

- Tôi đến đây để trao cho ngài đại sứ “bản trần tình” của nhân dân Đông Dương.

Có thể thấy ngay là những tờ giấy trong cuộn giấy viết bằng một thứ chữ rất đẹp. Tờ đầu tiên là bức thư gửi cho chủ nhà:

Thưa ngài đại sứ Căm-bông, đại diện toàn quyền của nước Pháp tại Hội nghị Véc-xây. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc chậm phát triển, chúng tôi đã được biết thế nào là nền văn minh của nước Ngài...”.

Tài liệu mà người thanh niên châu Á mang đến có tên là “*Bản Yêu sách của nhân dân An Nam*”. Bản Yêu sách viết:

“Trong khi chờ đợi nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thực sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình bày với các quý Chính phủ Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1- Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2- Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3- Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;

4- Tự do *lập hội* và *hội họp*;

5- Tự do *cư trú* ở nước ngoài và tự do xuất dương;

6- Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7- Thay thế *ché độ* ra các sắc lệnh bằng *ché độ* ra các *dạo luật*;

8- Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Vài ngày sau, các đoàn đại biểu khác tham gia Hội nghị

và nhiều nghị sĩ Pháp cũng nhận được bản yêu sách tương tự như vậy. Kèm theo bản yêu sách có bức thư ngắn:

“Thưa ngài! Nhân dịp chiến thắng của Đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến Ngài kèm theo đây bản ghi những yêu sách của nhân dân An Nam. Tin tưởng ở sự độ lượng cao cả của Ngài, chúng tôi mong Ngài ủng hộ bản yêu sách này trước những người có thẩm quyền.

Thay mặt nhóm những người An Nam yêu nước: Nguyễn Ái Quốc”.

Người ta nhiều lần bắt gặp người thanh niên Việt Nam kiên trì này với tập giấy tờ cặm dưới nách tại các hành lang ồn ào, mù mịt khói thuốc của các ban biên tập báo ở Pa-ri, trong các gian phòng chật chội do các công đoàn và đảng Xã hội thuê để tổ chức các cuộc họp và mít tinh.

Lu-i Ác-nu, Trưởng ban Đông Dương của Sở Mật thám Pháp, sau này là Chánh Mật thám Pháp ở Đông Dương, nhún vai khi nghe báo cáo về hành động của một người nào đó tên là Nguyễn Ái Quốc và về nội dung một “tài liệu chống Pháp” đang được người đó phân phát khắp nơi. Do nghề nghiệp đòi hỏi, Ác-nu hầu như biết rất rõ mọi người An Nam khả nghi sống ở Pa-ri, được báo cáo tỉ mỉ về bước đi của “những kẻ chủ mưu gây bất an” từ Đông Dương sang. Một trong những người đó là Phan Châu Trinh, mở một hiệu ảnh và thực tế đã ngừng hoạt động chính trị. Và lại, hành động “khiêu khích” như vậy vốn không phải là Phan Châu Trinh, vì ông lúc nào cũng có thái độ kính nể nước Pháp. Một người khác là luật sư

Phan Văn Trường, cũng sống ở Pa-ri, được coi là nhà mác-xít, nhưng chỉ là người dịch sách báo chính trị ra tiếng Việt và không bao giờ tham gia làm những việc như vậy. Chỉ còn một người duy nhất trong số những nhân vật quen biết cũ của Sở Mật thám dám cả gan làm việc này là Phan Bội Châu. Nhưng Ác-nu biết chắc chắn Phan Bội Châu đang ở một nơi nào đó tại miền Nam Trung Quốc, hơn nữa, mới đây ông ta có cho đăng một bài báo, lời lẽ rất ôn hoà có lợi cho chủ trương hợp tác Pháp - Việt.

Cả Ác-nu - kẻ có con mắt cú vọ, nhòm ngó khắp nơi, thậm chí cả những người bạn gần gũi của người yêu nước trẻ tuổi đã cả gan cất lên tiếng nói bảo vệ nhân dân bị áp bức của mình ngay giữa trái tim của bọn đế quốc Pháp cũng không biết được và cũng không thể ngờ vào lúc đó rằng, Nguyễn Ái Quốc - tác giả bản *Yêu sách*, anh Văn Ba, người phụ bếp trên tàu biển, người con trai quan Phó bảng duy nhất ở làng Sen, cậu bé ham hiểu biết Nguyễn Tất Thành - cũng chỉ là một người mà thôi.

Kể chuyện Bác Hồ

NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, t. 2, tr. 19.

2. “CON ĐƯỜNG DẪN TÔI ĐẾN CHỦ NGHĨA LÊNIN”¹

Ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thuê ở Pa-ri, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ “đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa” (do một xưởng của người Pháp làm ra!). Hồi đó, tôi thường rải truyền đơn tố cáo tội ác bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết.

Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu.

Hồi ấy, trong các chi bộ của Đảng Xã hội, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề có nên ở lại trong Quốc tế thứ hai, hay là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai mới, hoặc tham gia Quốc tế thứ ba của Lênin? Tôi dự rất đều các cuộc họp một tuần hai hoặc ba lần. Tôi chăm chú nghe những người phát biểu ý kiến. Lúc đầu, tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy? Với Quốc tế thứ hai,

¹ Bài viết cho Tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của V.I. Lênin

hoặc thứ hai rưỡi, hay là thứ ba, thì người ta cũng đều làm được cách mạng cả, sao lại phải cãi nhau? Và còn Quốc tế thứ nhất nữa, người ta đã làm gì với nó rồi?

Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp là: vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?

Trong một cuộc họp, tôi đã nêu câu hỏi ấy lên, câu hỏi quan trọng nhất đối với tôi. Có mấy đồng chí đã trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo*.

Trong *Luận cương* ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Trước kia, trong các cuộc họp chi bộ, tôi chỉ ngồi nghe người ta nói; tôi cảm thấy người nào cũng có lý cả, tôi không phân biệt được ai đúng ai sai. Nhưng từ đó tôi cũng xông vào những cuộc tranh luận. Tôi tham gia thảo luận sôi nổi. Mặc dù chưa biết đủ tiếng Pháp để nói hết ý nghĩ của mình, tôi vẫn đập mạnh những lời lẽ chống lại Lênin, chống lại Quốc tế thứ ba. Lý lẽ duy nhất của tôi là: Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí

không bênh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?

Không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ mà thôi, tôi còn đến những chi bộ khác để bênh vực lập trường “của tôi”. Ở đây, tôi cần nhắc thêm rằng các đồng chí Mác-xen Ca-sanh, Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê, Mông-mút-xô và nhiều đồng chí khác đã giúp đỡ tôi hiểu biết thêm. Cuối cùng ở Đại hội thành phố Tua, tôi cùng các đồng chí ấy biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba.

Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Ở nước ta và ở Trung Quốc cũng vậy, có câu chuyện đời xưa về cái “cẩm nang” đầy phép lạ thần tình. Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cẩm nang ra, thì thấy ngay các giải pháp. Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10.

NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000

3. BÁC HỒ VỚI CỤ PHAN CHÂU TRINH

Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với cái tên là Ba rời Sài Gòn và ngày 15/7/1911 đến cảng Lơ Ha-vơ-rơ, còn Phan Châu Trinh rời Sài Gòn ngày 1/4/1911 và đến Pháp vào ngày 27/4 cùng năm, ngụ tại Pa-ri. Khoảng cách giữa Lơ Ha-vơ-rơ và Pa-ri - nơi cụ Phan đang sống - chỉ có hơn 100 cây số, đi lại dễ dàng... Chắc chắn trong dịp này Người đã tranh thủ đến Pa-ri gặp cụ Phan, làm quen với những người quanh Cụ, và đặc biệt đề bàn bạc với Cụ về hướng sống và học tập. Và có thể không phải chỉ đến một lần...

Có ba bức thư với thủ bút của Tất Thành mà cụ Phan còn giữ được đem về nước năm 1925 và gia đình đã gửi ra Việt Bắc tặng Trung ương trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nay lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh... Có lẽ do yêu cầu bảo mật, các thư đều không được ghi ngày tháng nhưng có thể phán đoán bức thư sau đây đã được viết vào dịp trên. Nguyên văn như sau:

Hy Mã nghi bá đại nhơn,

Cách đây không tiếp được tôn tín, không hay Bác hành chỉ thế nào và sự thế bên ta thế nào? Và cháu muốn biết như cháu có thể gặp Bác trước lúc Bác đi hay không, vì cháu rất cần một ít lời tôn hội, xin Bác trả lời liền cho cháu vì chừng trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu

"đi chưa biết đâu". Kính chúc Bác, M. Trường và em Dật và các đồng bào yên hảo".

C.Đ.* Tất Thành
10. orchard Place
Southampton England

Theo lời thư trên đây thì: Tất Thành biết rõ tình hình cụ Phan đang bị Bộ Thuộc địa ép phải đi khỏi Pa-ri nên yêu cầu Cụ trả lời ngay để đến gặp chỉ trong vòng một tuần lễ... Do đó có thể đoán là mặc dù ghi địa chỉ ở Anh nhưng lúc đó Tất Thành không phải ở Anh mà thực ra đang ở không xa Pa-ri, có thể ở nhà chủ tàu tại Anh A-đơ-ret-xơ (Saint - Adresse), ngoại ô Lơ Ha-vơ-rơ chỉ cách Pa-ri hơn một trăm cây số. Lời thăm hỏi rất thân tình về mọi người ở quanh Phan Châu Trinh lúc đó, kể cả luật sư Phan Văn Trường nói lên họ đã gặp gỡ nhau rồi.

Sau thư trên có thể đã có cuộc gặp gỡ giữa cụ Phan Châu Trinh và Tất Thành tại Pa-ri trước chuyến đi xa bằng tàu biển.

Theo phán đoán thì thời đó nơi dừng chân của Bác Hồ sau các chuyến đi là cảng Lơ Ha-vơ-rơ. Vì mấy nguyên nhân: đó là nơi dừng lâu nhất của tàu La-tút-sơ Tơ-rê-vin, có nhà của chủ tàu và nhiều bạn bè quen biết trên tàu có thể làm nơi tá túc; nơi đó rất gần Pa-ri, chỗ ở của cụ Phan và những người bạn khác, chỉ 1 đến 2 giờ là có thể đến gặp được; nơi đó có thể lánh sang đất Anh thuộc

* C.Đ.: Cường diệt: người cháu hăng say

chính quyền Hoàng gia vốn lúc này không mấy thân thiện với Pháp (như thể hiện trong năm 1915, Chính phủ Anh không đáp ứng yêu cầu của Pháp soát xét nơi ở của Tất Thành để tìm các thư phúc đáp của Phan Châu Trinh, hoặc cả sau này, khi Chính phủ Hoàng gia ký lệnh thả Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông năm 1931...).

Cần khám phá châu Mỹ và nước Mỹ đang thời kỳ phát triển mạnh mẽ, Tất Thành đã lên làm việc ở một chiếc tàu đi Nam Mỹ và Bắc Mỹ. Anh đã dừng lại ở Niu-Yóoc, lên bờ để làm thêm kiếm sống, viết thư về nước nhờ tìm tin, địa chỉ của cha, và đã gặp đại diện phong trào yêu nước Triều Tiên tại Mỹ và học tập kinh nghiệm đấu tranh của họ...

Nhưng Tất Thành không ở Mỹ lâu, trong khoảng năm 1913 Người đã trở về Lơ Ha-vơ-rơ, cùng bàn bạc với cụ Phan và chuyển sang ở Anh, Tất Thành đã gửi bức thư sau cho cụ Phan:

“Hy Mã nghi bá đại nhơn,

Cháu kính chúc Bác, em Dật và ông Trọng, mấy anh em ta ở Pa-ri đều mạnh giỏi. Nay cháu đã tìm nơi để học tiếng. Mấy bốn tháng rưỡi nay thì chỉ làm với Tây, nói tiếng Tây luôn luôn. Tuy ở Anh nhưng chẳng khác gì ở Pháp và ngày tháng chỉ lo làm cho khỏi đói chứ chẳng học được bao nhiêu. Cháu ao ước rằng 4, 5 tháng nữa khi gặp Bác thì cháu sẽ nói và hiểu được tiếng Anh nhiều nhiều.

Bên ta có gì mới không? Và nếu Bác dịch xong mấy

hỏi rồi xin Bác gởi cho cháu. Chuyến này Bác sẽ đi nghỉ hè ở đâu?

Nay kính
Cuồng Diệt Tất Thành.
Crayton Court Hotel
West Ealingw
London

Câu cuối thư hỏi về vấn đề đi nghỉ hè theo tập quán ở Phương Tây và không nói gì đến không khí chiến tranh, cho phép ta đoán thời gian viết thư khoảng giữa năm 1913.

Câu “*Xin gởi mấy hồi sau*” của một bản dịch chắc là của tập *Giai nhơn kỳ ngộ* mà Tất Thành đã đọc “mấy hồi trước” trong một chuyến đến thăm cụ Phan trước đó.

Ở Anh mà làm việc với người Pháp và nói tiếng Pháp, có thể là với sự gợi gắm của bạn bè Pháp, Tất Thành đã vào làm việc trong ê-kíp hầu hết là người Pháp của vua bép Ê-xcốp-phi-e.

Với lời ước hẹn “*4, 5 tháng nữa lúc gặp Bác cháu sẽ...*” có thể thấy rõ hơn trong tình hình Bác Phan khó đi chuyến vì bị kiểm soát, từ Anh, Tất Thành có thể đã có nhiều cuộc đến gặp Bác tại Pa-ri...

Ngoài hai bức thư trên, cụ Phan còn giữ được một cái “các” của Cuồng Diệt Tất Thành gửi từ một địa phương tên là “*Xu-pho-ra-rat*” mà tập sách *Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử* xác định là ở Anh. Nội dung là một bài thơ tám câu bảy chữ nói lên cảm xúc của bản thân với tác phẩm: “*Giai nhơn kỳ ngộ*”, Cụ Phan đã phóng tác...

Lời cuối thật thấm thiết “*Hy Mã nghi bá đại nhơn thấu Cuồng Diệt*”.

Có một bức thư thứ tư của Tất Thành do bà Thu Trang tìm được bản dịch tiếng Pháp ở thư khố Ô-di-nô của Bộ Ngoại giao Pháp đã dịch lại như sau:

“*Kính gởi Nghi bá đại nhơn*

Tiếng súng đã rền vang và thấy người đã phủ trên đất. Năm cường quốc đã vào vòng chiến và chín nước đang đánh nhau. Châu chột nhỏ đến thư cách đây mấy tháng đã viết về cơn dông bão này. Định mệnh sẽ dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước ai sẽ thắng...

Các nước trung lập đang còn lưỡng lự và các nước tham chiến chưa rõ được ý họ. Tình hình như vậy ai nhúng mũi vào thì chỉ có thể đứng về phía này hoặc phía kia. Hình như người Nhật có ý nhúng tay vào. Châu nghĩ trong vòng ba, bốn tháng nữa số phận châu Á sẽ thay đổi, và thay đổi nhiều. Mặc kệ những kẻ đang đánh nhau và bạo động, phần chúng ta hãy cứ bình tâm.

Xin gởi lời thăm Nghi bá và em Dật. Xin trả lời châu về địa chỉ sau đây:

Nguyễn Tất Thành

Số nhà 8

Stephen Totterham Rd. London”.

Thư trên được viết khi cuộc chiến đã diễn ra ác liệt. Nhưng theo tài liệu sưu tầm được thì Phan Châu Trinh cùng với Phan Văn Trường đã bị bắt ngày 14/9/1914, chỉ

hơn một tháng sau khi chiến tranh bắt đầu. Như vậy có thể là Tất Thành đã viết thư khi chưa biết cụ Phan bị bắt và thư này đã bị cơ quan điều tra lấy được, cho dịch và gửi cho Bộ Ngoại giao.

Ngoài ra, Báo cáo kết thúc vụ án của Dự thẩm toà án binh Ca-ron viết rõ là *“Soát nhà Phan Châu Trinh đã lấy được nhiều thư rất khả nghi trong đó có các thư của Tất Thành ở số 8 đường Stenphen Road - Totterham ở London, đã gửi công hàm cho Chính phủ Anh nhờ soát nhà Tất Thành nhưng không được phía Anh đáp ứng”*.

Trong biên bản thẩm vấn Cao Đắc Minh với tư cách nhân chứng, Ca-ron có đưa ra một thư và Đắc Minh đã khẳng định đó là thư Tất Thành trả lời cho Cụ Phan.

Trong bức thư bà Thu Trang tìm thấy được ở thư khố Ô-di-nô, Tất Thành cũng nhắc đến thư viết về *“con đông bão”* chắc cũng ở trong số thư đã bị lấy khi soát nhà Cụ Phan.

Các tài liệu trên cho thấy mối quan hệ thân tình giữa Bác Hồ và cụ Phan ngay từ trong nước và sự gắn bó giữa hai vị trong những năm đầu Người tham gia hoạt động cách mạng.

NIỀM HY VỌNG CUỐI ĐỜI CỦA PHAN CHÂU TRINH

Phan Châu Trinh là nhà yêu nước lớn của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Về tuổi tác, Phan Châu Trinh là bậc cha

chú của Nguyễn Ái Quốc. Mặc dù giữa hai người có sự khác nhau về phương pháp cứu nước, nhưng đối với Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc luôn một lòng tôn kính. Trong thời gian cả hai người cùng sống ở châu Âu, nhưng có lúc không gần nhau: Nguyễn Ái Quốc ở Anh, Phan Châu Trinh ở Pháp; Nguyễn Ái Quốc đã có một số lần viết thư gửi cụ Phan trong thời gian xảy ra Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc về hoạt động ở Pa-ri và được cụ Phan Châu Trinh giúp đỡ rất nhiều. Ở Pa-ri lúc đó còn có luật sư Phan Văn Trường. Vào tháng 11/1919, mật thám Pháp có nhận xét về ba người như sau:

“Đa số những người thông ngôn đã nhận xét về Phan Châu Trinh là một nhà cách mạng khôn khéo, Phan Văn Trường là người đã dịch tư tưởng của ông, còn Quốc thì là một nhà nho cộng sự của hai người trên, ít ai biết”.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đời sống ở Pháp rất khó khăn, vất vả. Phan Châu Trinh lúc ấy đã thành thạo nghề thợ chữa ảnh. Mỗi tháng Cụ kiếm được độ 100 quan, nên đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc được Khánh Ký và cụ Phan Châu Trinh trợ giúp để sinh sống. Nhiều mật báo đã gửi về cho Bộ Thuộc địa Pháp cho biết:

“Quốc ở nhờ nhà của Phan Văn Trường. Sinh sống thì do Khánh Ký và Phan Châu Trinh cấp dưỡng, mỗi tháng không quá 500 Francs”.

Ở Pa-ri, Nguyễn Ái Quốc có tham gia vào việc chuyên chữa ảnh tại xưởng chữa ảnh của Phan Châu Trinh để có thêm tiền tiêu dùng.

Ngoài việc giúp đỡ nói trên, trong thời gian đầu, cụ Phan Châu Trinh còn giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc làm quen với những người bạn Pháp.

Tài liệu thư khố cho biết, những người bạn Pháp có cảm tình với Phan Châu Trinh thì cũng trở thành bạn của Nguyễn Ái Quốc. Cụ Phan Châu Trinh đã giới thiệu những người Pháp mà Cụ biết chắc chắn có cảm tình với Việt Nam để những người này có thể giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc như Giu-lét Ru, Ma-rin Ma-tel, nhà báo Bác-buýt.

Bác-buýt là người đã vận động Hội Nhân quyền để cứu Phan Châu Trinh thoát án tử hình sau vụ chống thuế 1908.

Ru là nhà Việt Nam học, vào năm 1914, khi cụ Phan Châu Trinh bị bắt đã vận động ráo riết, tìm cách chứng minh cụ Phan Châu Trinh vô tội.

Ma-tel từng chống đối chính sách hà lạm, độc ác của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Nhờ cụ Phan Châu Trinh giới thiệu, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành bạn của những người nói trên.

Cùng có nhiệt tình yêu nước, cùng có trách nhiệm đối với nhân dân nhưng phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và cụ Phan Châu Trinh lúc đầu không hoàn toàn giống nhau. Cụ Phan Châu Trinh muốn giữ cương vị của

minh là một nhà chí sĩ yêu nước không đảng phái... còn Nguyễn Ái Quốc thì đến với học thuyết Mác - Lênin. Và sau nhiều thất bại, khi đã cảm thấy mình bất cập với thời thế, trong một bức thư đề ngày 18/2/1922 gửi từ Mác-xây cho Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri, cụ Phan Châu Trinh đã chân thành bộc bạch: *Tôi tự ví thân tôi như con ngựa già hết nước kiệu, phi nước tế. Thân tôi tựa như chim lồng, cá chậu. Và lại, cây già thì gió dễ lay, người già thì trí dễ lẫn. Cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, mà hơi tàn cũng phải gào cho hả, may ra có tình giắc hồn mê...*

Và ở cuối thư, cụ Phan Châu Trinh vui mừng viết rằng Nguyễn Ái Quốc “*như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hành, lý thuyết tinh thông*”. Cụ Phan Châu Trinh tin rằng “*không bao lâu nữa cái chủ nghĩa Anh tôn thờ (ý chỉ chủ nghĩa Mác - Lênin) sẽ thâm căn cố đế (sâu rễ bền gốc) trong đám dân tình chí sĩ nước ta*”.

Năm 1925, cụ Phan Châu Trinh về nước và sớm qua đời vào năm 1926. Trong thời gian đó, những đánh giá và niềm tin đối với Nguyễn Ái Quốc của Phan Châu Trinh vẫn nguyên vẹn. Cụ Phan thổ lộ với các đồng chí của mình như Lê Văn Huân, Huỳnh Thúc Kháng trước khi Cụ qua đời rằng “*Sự nghiệp độc lập nước nhà trông cậy vào Nguyễn Ái Quốc*”. Câu nói ấy cũng được nhắc lại với lớp người cách mạng trẻ như Trần Huy Liệu, Tôn Quang Phiệt... khi tìm đến hỏi Cụ về vận mệnh của đất nước.

Trong mọi trường hợp, thái độ tôn kính của Nguyễn Ái Quốc đối với cụ Phan Châu Trinh là điều dễ hiểu. Trong tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Trần Dân Tiên cho biết tình cảm của Nguyễn Tất Thành đối với cụ Phan Châu Trinh, khi Anh vui mừng viết thư cho bạn bè: “Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Châu Trinh”. Sau này, khi đã trở thành Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhớ lại cụ Phan, Người viết: “Cụ Phan Châu Trinh mở trường học, bí mật truyền bá chủ nghĩa yêu nước và công kích bọn cầm quyền Pháp. Vì vậy, Cụ bị kết án tử hình, nhưng được Hội Nhân quyền Pa-ri cứu”.

Tình cảm của Nguyễn Ái Quốc đối với cụ Phan Châu Trinh rất sâu sắc khi Cụ qua đời (1926). Nguyễn Ái Quốc trân trọng đúng mức tinh thần yêu nước của cụ Phan Châu Trinh, đánh giá cao ảnh hưởng của Cụ đối với phong trào cách mạng của đất nước. Nguyễn Ái Quốc viết: “Nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, một người thuộc phái quốc gia khác vừa qua đời. 30.000 người An Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vòng vài ba ngày, một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang Cụ.

Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu, v.v... để phản đối lại, học sinh đã bãi khóa...”.

Ở tác phẩm *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam*, Nguyễn Ái Quốc nhắc lại phong trào cả nước để tang cụ Phan Châu Trinh.

“Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Châu Trinh. Khắp trong nước đều tổ chức lễ truy điệu. Chữ “chủ nghĩa quốc gia” từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít-tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn là nơi tổ chức đám tang, đã tuyên bố bãi khoá. 20.000 người đi theo linh cữu, mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử”.

Nguồn: Bác Hồ với đất Quảng, Tỉnh uỷ Quảng Nam.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

4. BÁC HỒ VỚI CỤ PHAN BỘI CHÂU

Bức thư Phan Bội Châu gửi Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc)

Người cháu rất kính yêu của Bác,

Hôm trước anh Lâm (Đức Thu) và anh Hồ (Hồ Tùng Mậu) gửi lại thư của Cháu, trong thư có nói tường tận về chuyện ông Hy Mã (Phan Châu Trinh). Tuy thư đưa trực tiếp trên chuyện thật nhưng ngụ ý thật sâu sắc, mà lối lập luận lại dựa trên những ý tưởng lớn, nhân đó mới biết là học vấn, tri thức của cháu nay đã tăng trưởng quá nhiều, quả thật không phải như hai mươi năm về trước.

Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gò án ngâm thơ, anh em cháu đều chưa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ rằng sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này. Bây giờ đem so kẻ già này với cháu thì bác thấy rất xấu hổ. Nhận được liên tiếp hai lá thư của cháu, bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân bác, mà mừng là mừng cho đất nước ta. Việc thừa kế nay đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai. Ngày xé đường cùng, chỉ sợ không được thấy ngày đó, làm sao bác không cảm thấy buồn cho chính mình được? Một đời tân khổ, gánh vác công chuyện một mình, được sức lớn của cháu giúp vào thì ắt sẽ có nhiều người hưởng ứng theo. Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ uỷ thác gánh vác trách nhiệm thay mình. Có được niềm an ủi lớn lao như thế, làm sao bác không cảm thấy vui mừng được.

Bác đang định tìm một dịp tốt về Quảng Đông một

chuyển để đàm luận với cháu, không biết cháu còn ở lại Quảng Đông lâu mau, hoặc giả trong tương lai có định đi chỗ khác không? Trong lòng bác có nhiều chuyện muốn hỏi ý kiến cháu, nhưng không gặp mặt thì làm sao có thể bàn cho hết ý được? Làm sao được? Nếu không coi già yếu là đồ bỏ thì cháu viết thư nhiều cho bác, bác thành thật yêu cầu cháu đấy.

Cần nhắc lại là Bội Châu lúc rời nước đã gần bốn mươi (ba mươi chín tuổi đến Nhật) lại không thể tránh khỏi những trách nhiệm này nọ nặng chuyên chủ học hành, cho nên tri thức lúc bây giờ cũng vẫn như xưa. Cháu học vấn rộng rãi, và từng đi nhiều nơi, hơn bác cả chục cả trăm lần. Tri thức và kế hoạch của cháu tất vượt sức đo lường của bác; không biết cháu có thể chia sẻ cùng bác một hai việc? Bác rất hết sức mong đợi, mong cháu không ngại. Vì nếu không có kế hoạch thì bất quá chỉ làm những khách tha hương than thở không đâu cho hồn cố quốc, chà giống ông Hly Mã thì cũng giống Phan Bội Châu mà thôi!

Thư bắt tận ngón, mong cháu hiểu giùm cả những ý không viết thành lời. Chúc cháu bình an.

Ngày 21 tháng 1 lịch ta (14 tháng 2 năm 1925 dương lịch) viết dưới đèn dầu.

Chỗ bác ở đâu nơi đất khách thì Quốc Đống (Hồ Tùng Mậu) đã biết nên không ghi ở đây. Thư này nhờ Quốc Đống chuyển giúp.

Bác

Thứ cụ

Nguồn: Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh,
Mai Văn Bộ. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2000.

5. BÁC HỒ VỚI CỤ HUỖNH THỨC KHÁNG

“Dân ta có Cụ Hồ quả là hồng phúc”

Vào cuối năm 1945, sau hai lần nhận được điện mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng từ Huế đã ra Thủ đô Hà Nội. Gặp nhau, hai người ứa nước mắt. Bác Hồ nói: Việc mời Cụ ra nhậm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ là ý kiến chung của tất cả anh em các đảng phái, chứ không phải ý kiến riêng của tôi, vì Cụ ở lại trong nước, Cụ biết rõ trình độ tiến bộ của đồng bào ba kỳ, đồng thời đồng bào ba kỳ đều tín nhiệm Cụ.

Cụ Huỳnh nói: “Tôi ra đây là cốt gặp Cụ, chớ lúc này là lúc cần tăng gia sản xuất mà tôi không biết cầm cày, cầm cuốc; lại cần phải kháng chiến mà tôi lại không mang súng nổi. Cụ nên kiến nghị người trẻ thạo việc để trao nhiệm vụ thì hơn”.

Sau nhiều lần trao đổi, cuối cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nhận lời tham gia Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Tại cuộc họp đầu tiên của Quốc hội ngày 2/3/1946, khi giới thiệu danh sách Chính phủ Liên hiệp để Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày:

“Bộ Nội vụ: một người đạo đức danh vọng mà toàn quốc dân ai cũng biết: Cụ Huỳnh Thúc Kháng”.

Sau đó cụ Huỳnh lại được cử làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Gọi tắt là Hội Liên Việt).

Sáng ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà

Nội địa Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Sân bay Gia Lâm hôm ấy đông nghịt người ra tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vỗ cờ, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong Cụ “đĩ bất biến ứng vạn biến” (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cầm tay Bác hồi lâu, Bác đã uỷ nhiệm cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, có lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng cảm thấy cô đơn, chán nản. Từ sau khi được gặp và hiểu rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng vui mừng vì được gặp người bạn già tri kỷ là Hồ Chí Minh. Cụ đã nói với một người bạn: “Dân ta có Cụ Hồ quả là hồng phúc”. Trong bài “*Thất thập tự thọ*”, cụ Huỳnh viết:

*“Bảy tuần đầu bạc như bông
Gặp người tri kỷ thôi xong đã già”*

Thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp, cụ Huỳnh đã có bài thơ ca ngợi Người:

*“Tung hoành bể Sở với non Ngô
Đàm lược ai hơn Chủ tịch Hồ
Mưa gió dãi dầu bao tuế nguyệt*

*Nước non gầy dựng nổi cơ đồ
Sen kia chẳng ngại hôi bùn lấm
Tùng nọ bao phen ngọn gió xô
Khắp cả ba kỳ đều tín nhiệm
Rộn ràng muôn miếng tiếng hoan hô”.*

Giải thích về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, cụ Huỳnh nói:

“Hội đồng Chính phủ không bán nước!... Tôi xin tuyên bố vấn đề với anh em, đó chẳng qua là một nước cờ của Hồ Chủ tịch với cả nước Pháp lẫn Tưởng Giới Thạch. Hồ Chủ tịch là một tay cao cờ. Tôi chắc chắn và anh em cứ định ninh rồi đây thế nào mình cũng thắng thế”.

Trước ngày cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngày 3/11/1946, báo cáo trước Quốc hội về việc thành lập Chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại.

Sau đó, Cụ Huỳnh được Bác cử đi kinh lý miền Trung và miền Nam Trung Bộ với danh nghĩa đại diện Chính phủ Trung ương. Cuối năm 1946, khi về thăm quê hương Tiên Phước, cụ Huỳnh tâm tình với bà con: “Tôi đã vào loại sáng nhưng cụ Hồ lại sáng hơn tôi nhiều. Cụ Hồ có những người giúp việc thông minh lắm, giỏi lắm, tin tưởng lắm. Cụ Hồ rất vĩ đại, dưới có đội ngũ giúp việc tài năng, nhất định sẽ đưa dân tộc ta đến toàn thắng. Ở Hà Nội, Hồ Chủ tịch tiết kiệm lắm. Mỗi bữa cơm, cụ Hồ chỉ dùng có một quả trứng...”.

Đầu năm 1947, với danh nghĩa Hội trưởng Hội Liên

hiệp quốc dân Việt Nam, cụ Huỳnh viết bức thư dài bằng chữ Hán (thổ phú) nhan đề: *“Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư”*.

Nói về Hồ Chủ tịch và Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bức thư có đoạn (theo bản dịch của Nguyễn Văn Hạp...):

“Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân ta là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia, chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm...”.

Đầu tháng tư năm 1947, tại Quảng Nam, trong một buổi nói chuyện với các thân hào nhân sĩ, có người lên tiếng hỏi cụ Huỳnh:

“Tôi thuở nay nghe biết tên nhiều nhà cách mạng hoạt động trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhưng chưa từng nghe tiếng ông Hồ Chí Minh. Vậy Hồ Chí Minh là ai?”.

Cụ Huỳnh trả lời:

“Ông Hồ Chí Minh là con cụ Phó bảng Sắc ở Nghệ An, suýt soát lớp ông và tôi. Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước Âu, Á, Phi và hoạt động bí mật, tất nhiên là thay tên đổi họ luôn luôn để tránh mạng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc. Chắc ông biết, nhiều người biết”.

Cụ Huỳnh nhận xét: “Ông Hồ không phải như nhiều người khác mượn hai tiếng cách mạng để rồi làm giàu hoặc làm quan to như các ông tướng đầu. Ông Hồ không đồng xu dính túi. Nói về bằng cấp thì ông Hồ không là

tiến sĩ, phó bảng gì cả. Nhưng nói về tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta không ai bì kịp.

Sự hiểu biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước mà cả việc thế giới nữa. Nước này tương lai sẽ đi về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán”.

Bác Hồ đối với cụ Huỳnh như đối với người thân. Nhiều chi tiết nhỏ trong mối quan hệ giữa Bác và Cụ đã nói lên điều này. Có một chai tương Nam Đàn do bà Nguyễn Thị Thanh (chị gái của Bác) đem ra làm quà, Bác cũng mời cụ Huỳnh đến dùng cơm để cùng thưởng thức hương vị quê hương xứ Nghệ. Lại có lần nhân dân Thái Bình gửi biếu hai chai mứt tôm đặc sản, Bác cũng viết thư gửi biếu Cụ một chai. Cả trong chuyện thưởng ngày giữa hai người cũng hóm hỉnh thân tình. Có một lần vào năm 1946, gặp Bác, cụ Huỳnh ứng tác hai câu thơ “nhắc nhở”:

*Năm mươi sáu tuổi vẫn chưa già
Cụ ông thấy, Cụ bà không?*

Lúc ấy Bác chỉ cười, nhưng rồi trong thời gian sang Pháp, bên cạnh những bức điện văn gửi về hỏi tình hình và thăm cụ Huỳnh, Bác còn có riêng một bài thơ gửi Cụ:

*Nghĩ rằng ra thơ để trả lời
Nhớ ơn Cụ lắm cụ Huỳnh ơi
Non sông một mối chung nhau gánh
Độc lập xong rồi cưới vợ thôi.*

Tháng 4/1947, cụ Huỳnh bị ốm nặng. Từ Quảng Ngãi,

trên giường bệnh, ngày 14/4/1947, Cụ Huỳnh đọc cho người thư ký riêng của mình ghi bức thư gửi Hồ Chủ tịch:

"Kính gửi Hồ Chủ tịch

Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả.

Chỉ tiếc không được gặp Cụ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để điều dắt quốc dân trên đường vinh quang hạnh phúc.

Chào vĩnh quyết".

Rất thương tiếc và đau buồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư cho đồng bào cả nước:

"Gửi toàn thể đồng bào sau ngày cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế

Hỡi đồng bào yêu quý,

Vị chiến sĩ lão tiền bối Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân vừa tạ thế.

Trước sự đau xót đó, Chính phủ ta đã ra lệnh làm Quốc tang.

Nhân dịp này, tôi có vài lời báo cáo cùng đồng bào.

Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây Cụ bị bọn thực dân làm tội, đẩy ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường, gian nan cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của cụ Huỳnh, chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan.

Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập.

Đến nay nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã hơn 71 tuổi, nhưng Cụ vẫn hăng hái nhận lời. Cụ nói: “Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái, ai cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc”.

Nay chẳng may cụ Huỳnh sớm tạ thế, trước khi được thấy kháng chiến thành công.

Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước, vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta.

Hỡi đồng bào yêu quý,

Chúng ta thương tiếc cụ Huỳnh vô cùng. Nhưng chúng ta không nên thương tiếc bằng cách than khóc rầu rĩ. Chúng ta thương tiếc Cụ bằng cách: càng đoàn kết chặt chẽ, càng hăng hái kháng chiến; bằng cách: theo gương dũng cảm, noi chí quật cường của Cụ; bằng cách: hoàn thành sự nghiệp cứu nước, cứu dân mà Cụ đã ra sức đeo đuổi suốt đời. Chúng ta phải đồng thanh thề trước tiên linh của cụ Huỳnh rằng:

Đồng bào Việt Nam quyết theo gương kiên quyết của Cụ.

*Con Rồng cháu Tiên quyết không làm nô lệ.
Tinh thần kháng chiến của cụ Huỳnh sống mãi.
Việt Nam thống nhất và độc lập muôn năm!*

*Ngày 29 tháng 4 năm 1947
Hồ Chí Minh”*

Ngày 3/5/1947, phóng viên các báo Việt Nam đi thăm mặt trận X, may mắn lại được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đến thăm mặt trận đó. Nhắc đến Huỳnh Bộ trưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rơi nước mắt mà nói rằng:

“Cụ Huỳnh là một nhà cách mạng rất kiên quyết, trung thành. Cụ mất là một điều thiệt thòi lớn cho dân tộc, cho Tổ quốc ta. Nhưng tôi tin chắc rằng sẽ có hàng vạn hàng ức đồng bào theo gương dũng cảm vì nước vì dân của cụ Huỳnh”.

Nhân ngày giỗ đầu của cụ Huỳnh, Người có điện thăm hỏi đến gia đình.

*“Điện gửi gia đình cố Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng
Gửi gia đình Huỳnh Bộ trưởng,*

Nhân ngày giỗ đầu cố Bộ trưởng, thay mặt Chính phủ, tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn Cụ và xin gửi gia đình Cụ lời chào thân ái và quyết thắng.

*Ngày 21 tháng 4 năm 1948
Hồ Chí Minh”*

**Nguồn: Bác Hồ với đất Quảng, Tỉnh ủy Quảng Nam.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.**

6. TÔI LÀ NGƯỜI CỘNG SẢN NHƯ THẾ NÀY NÀY!

Bác Hồ của chúng ta, từ sau khi bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba tại Đại hội Tua Đảng Xã hội Pháp đêm 30/12/1920, thì cũng từ giờ phút ấy, Người trở thành người cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, như Người đã nói rõ, là do trải qua thực tế đấu tranh và nghiên cứu lý luận, Người đã hiểu được rằng “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Trong gần 50 năm mang danh hiệu người cộng sản, khi thuận lợi, lúc khó khăn, dù khi chỉ là một người thợ ảnh bình thường hay đã trở thành vị Chủ tịch nước đầy uy tín và danh vọng, ở buổi cách mạng thắng lợi ròn rã hay khi bị kẻ thù dồn dập phản kích, lúc nào Bác Hồ của chúng ta cũng tỏ ra là một người cộng sản kiên định, thủy chung, nghĩa khí, thắng không kiêu, bại không nản, vô cùng khiêm tốn nhưng cũng rất mực tự hào về danh hiệu người cộng sản của mình.

Đã có thời, có người nhân mạnh quá đáng phẩm chất siêu việt của người cộng sản, cho rằng đó là những người có một tính cách *đặc biệt riêng*, v.v... được cấu tạo bằng

một chất liệu *đặc biệt riêng*. Không biết đó có phải là một trong những nguyên nhân đẻ ra cái gọi là “thói kiêu ngạo cộng sản” hay không?

Có điều chắc chắn rằng Bác Hồ của chúng ta không tán thành cách nói thậm xưng đó, nhất là vào khi Đảng cầm quyền, vào lúc cách mạng đang thuận lợi. Người nói: “Đảng viên chúng ta là những người rất tầm thường, vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động... thế thôi. Chính vì chúng ta rất tầm thường nên Đảng ta rất vĩ đại”.

Người đã từng nói nhiều lần: Người cộng sản cũng là con người, nên có ưu, có khuyết, có tốt, có xấu.

“Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra”. “Cũng như những người hàng ngày lội bùn mà trên mình họ có hơi bùn, vết bùn... Cần phải tắm rửa lâu mới sạch”. Vì vậy, Người dạy: Không phải cứ khắc lên trán hai chữ “cộng sản” là được nhân dân tín nhiệm đâu; phải khiêm tốn, không hiếu danh, không kiêu ngạo, phải nhớ mình vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân.

Bác Hồ của chúng ta, trong cuộc đời hoạt động cách mạng đi Âu về Á, đã từng giáp mặt với bao gian khổ, khó khăn (hai lần ngồi tù: 1931 - 1933 và 1942 - 1943), đã từng lãnh án tử hình vắng mặt (năm 1929); nhưng vì tin vào lý tưởng, tin vào nhân dân, tin ở chính mình, nên lúc nào Người cũng ung dung, tự tại, luôn thể hiện nhân cách cao đẹp của người cộng sản.

Năm 1931, khi Người bị giam trong nhà ngục Vich-to-ri-a của đế quốc Anh tại Hồng Kông hoặc khi bị bệnh phải đưa vào nhà thương, nhiều “ông bà” người Anh có quyền thế và cả một số nhân viên người Trung Quốc đã rủ nhau đến xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi “lạ lùng” của một người cộng sản! Cuối cùng, họ đã bắt gặp một nhân cách lớn mà họ rất khâm phục và sẵn lòng giúp đỡ từ đó.

Năm 1944, tại Liễu Châu, tuy Người được ra khỏi ngục Quốc dân đảng, nhưng vẫn bị quản thúc vì họ biết Người là lãnh tụ cộng sản, không muốn thả cho về nước. Bác Hồ nói thẳng với Trương Phát Khuê: “Tôi là người cộng sản, nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do của nước Việt Nam”. Chính lòng yêu nước, đức độ và tài trí của Bác Hồ đã làm cho Trương cảm phục, trả lại tự do và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Người trở về Việt Nam.

Năm 1946, ở Pa-ri, trong một cuộc họp báo, một nhà báo Pháp muốn làm giảm thiện cảm của những người Pháp không ưa cộng sản đối với Bác, bằng cách đưa ra một câu hỏi:

- Thưa Chủ tịch, Ngài có phải là cộng sản không?

Bác Hồ của chúng ta liền đi đến lẵng hoa bày trên bàn, vừa rút ra từng bông tặng mỗi người, vừa vui vẻ nói:

- Tôi là người cộng sản như thế này này!

Đó cũng là điều giúp ta có thể hiểu được vì sao mấy chục năm qua, thế giới có bao sự đổi thay, Bác Hồ vẫn luôn được cả thế giới tôn kính và ngưỡng vọng, coi như

một biểu tượng cao cả của nhân đạo, chính nghĩa của hoà bình, một kiểu người cộng sản hài hoà giữa yêu nước và quốc tế, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá, phương Đông và phương Tây.

Có thể dẫn ra đây một ý kiến, trong rất nhiều ý kiến của nhà báo Mỹ Sa-phơ-len, viết từ năm 1969:

“Trong rừng Việt Bắc, Cụ Hồ như một ông tiên. Nếu có ai bảo đây là một người cộng sản thì tôi có thể nói Cụ là một người cộng sản khác với quan niệm chúng ta vẫn thường nghĩ; và theo tôi, có thể dùng một từ mới: Một người cộng sản phương Đông, một người cộng sản Việt Nam”.

Theo Trần Hiếu Đức,
Nguồn: Bác Hồ, con người và phong cách,
NXB Lao động, Hà Nội, 1993, tập 1.

7. MỘT LÀN NHỚ MÃI

Đầu năm 1967 Bác về Thái Bình. Ô tô đưa Bác đến bến Triều Dương thì phải sang phà. Máy đồng chí ở Tỉnh uỷ đến đón, một cán bộ định giới thiệu với Bác. Bác nói:

- Thôi, thôi đi về cho sớm.

Ca-nô mắc cạn loay hoay mãi vẫn chưa cập được bến.

Trời chiều, không thể để Bác chờ lâu nên đành phải đưa thuyền nan ra đón Bác vào bờ. Bác trèo lên đê, hỏi cô Định thường vụ tỉnh uỷ:

- Có còn lối nào đi lý thú hơn nữa không?

Cô Định thành thật thưa:

- Bác phải đi xe, chứ về chúng cháu còn xa lắm.

Anh cán bộ đi theo Bác cười:

- Bác phê bình khéo đấy! Rồi nói khế “tường bở”.

... Về xã Tân Hoà, cán bộ địa phương mời Bác ngồi ghé giữa ưu tiên. Bàn kê thì chật, Bác lựa mãi mới đứng lên được.

Bác mở đầu như một vế đối:

- Ghế ưu tiên nên người không nhúc nhích...

Anh chị em chỉ biết cười trừ.

... Đến bữa cơm, Bác giờ cơm nắm ra ăn. Cô Định cứ năn nỉ mãi, mời Bác dùng cơm nóng, Bác bảo:

- Bác dùng cơm này đã quen rồi...

Trong bữa cơm có bát dưa. Cô Định cứ gấp mãi dưa, Bác hỏi:

- Dưa có ngon không?

Cô Định nói một mạch:

- Ngon lắm ạ. Tỉnh chúng cháu năm nay trồng dưa thừa ăn còn đem bán cho các tỉnh bạn.

Bác tủm tỉm cười:

- Dưa này không phải dưa Thái Bình đâu. Dưa Bác đem từ Hà Nội về đây...

Sau này, cô Định nói: Chỉ một lần ấy mà tôi nhớ đời. Học được bao nhiêu điều.

Theo Lê Văn
Sđd, T. 2, tr. 119.

8. “VỪA ĐẸP VỪA ĐỠ CHÓI MẮT ĐỒNG BÀO...”

Năm 1956, Bác Hồ đón một vị Tổng thống tại khu vườn Phủ Chủ tịch.

Một số công nhân Nhà máy đèn Hà Nội được Bác “mời vào mắc đèn điện trên các cành cây giúp Bác”.

Anh em làm việc suốt ngày, ròng dây dẫn điện lắp đèn nhiều loại màu sắc trên ngọn, trên cành trong các lùm cây.

Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, Bác ra vườn thăm anh em. Bác nói:

- Các chú bật đèn lên cho Bác xem đi.

Sau khi đóng cầu dao, những bóng đèn điện bỗng vụt hiện lên, lung linh như trong một hội hoa đăng. Đồng chí tổ trưởng công nhân điện mời Bác đi xem và kiểm tra.

Bác chú ý từng ngọn đèn, từng đoạn dây dẫn đã an toàn chưa, gật gật đầu tỏ ý hài lòng.

Đến một đèn pha chiếu sáng đặt dưới một gốc cây, Bác dừng lại nói:

- Ngọn đèn này phải để khuất trong lùm cây, vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào đi qua đường.

Bác nhanh nhẹn bước tới ngọn đèn. Đồng chí tổ trưởng Dương Văn Hậu lo Bác vấp ngã vì đôi guốc mộc dưới chân Bác đi trên đường rải sỏi, chạy vội đến:

- Bác để chúng cháu làm.

Nhưng Bác đã cúi xuống, rất “nghề nghiệp”, hai bàn tay bưng lấy thân ngọn đèn pha dẫu vào một lùm cây đình hương.

Ngon đèn pha mới được đặt, đẹp hẳn lên, người ngoài nhìn vào không bị chói mắt, mà chỉ thấy những tia sáng chiếu qua các kẽ lá hắt lên một màu xanh dịu.

Lần sau, anh em nhà máy điện Hà Nội lại được đến Phủ Chủ tịch mắc đèn dây để Bác tiếp khách.

Rút kinh nghiệm lần trước, lần này anh em làm khác hẳn lối treo đèn cũ, như để thưa với Bác “phải luôn luôn đổi mới, không ngừng phát huy sáng kiến” - như lời Bác dạy.

Anh em đặt một dây đèn màu từ dưới gốc cây dừa nước lên ngọn rồi toả ra các cành, mỗi cành một đèn màu khác nhau. Ở các thân cây có quả đèn màu trắng, cành cây đèn màu xanh, gần quả, một chùm đèn nhỏ màu đỏ. Chéch hai bên đặt hai đèn pha dầu trong lùm cây hắt nghiêng lên.

Như lần trước, vừa chập tối, Bác đã đến trước khách, thăm anh em công nhân điện và kiểm tra. Bác khen:

- Lần này các chú mắc đẹp đấy. Chắc khách quý của chúng ta cũng sẽ khen...

Bác lấy thuốc lá chia cho anh em công nhân điện mỗi người một điếu (sau này được biết là thuốc lá thơm Cu-ba do Thủ tướng Phi Đen Cát-xtrô tặng Bác. Bác chia gần hết hộp thuốc. Một công nhân trẻ, thấy Bác vui, hộp thuốc đã cạn, muốn có một kỷ niệm về Bác, mạnh dạn thưa với Bác xin cái hộp. Bác cười và nói:

- Các chú đã có phần rồi. Cái hộp này Bác để dành cho các cô để các cô đựng kim chỉ chứ!

Theo **Minh Anh** viết theo lời kể của **Dương Văn Hậu**,
Sđd, T. 2, tr. 123.

9. BÁC TẶNG KHĂN QUÀNG

Đầu năm 1964, đồng chí Xu-pha-nu-vông và đồng chí Kay-sôn Phom-vi-hăn sang Hà Nội thăm Bác.

Hai đồng chí và Bác gặp nhau, tình cảm Lào - Việt vô cùng thân thiết. Đồng chí Xu-pha-nu-vông ôm chặt Bác, hai bàn tay Hoàng thân vỗ nhẹ vào lưng Bác một hồi lâu.

Gió mùa đông bắc mới về lùa hơi lạnh vào phòng khách. Thấy Bác húng hắng ho, đồng chí Kay-sôn nói:

- Bác không được khỏe?

Bác lắng sang chuyện khác:

- Ở Lào không rét như ở Việt Nam. Các đồng chí có lạnh lắm không? Sao hai đồng chí lại không choàng khăn cổ?

- Thưa, hôm sang Hà Nội, trời còn ấm...

Bác đứng dậy mở tủ lấy ra hai khăn quàng mới, rồi nói:

- Đồng chí Xu-pha-nu-vông và tôi là người già, nhiều tuổi, mỗi người một khăn quàng mới...

Bác tháo chiếc khăn đang quàng, đưa đồng chí Kay-sôn:

- Bác trao khăn này để đồng chí Kay-sôn quàng.

Trên đường về, đồng chí Xu-pha-nu-vông nói:

- Chà, Bác với tôi mỗi người một khăn mới. Mới như nhau.

Đồng chí Kay-sôn thì gật gật đầu:

- Còn tôi, tôi “kế thừa” chiếc khăn quàng của Bác...

*Nguồn: theo Ngô Tuyền
Sđd, T. 2, tr. 125.*

10. NGƯỜI CÔNG GIÁO GHI ƠN BÁC HỒ

Ngày 12/6/1987, tại Hội thảo khoa học “Bác Hồ với Huế - Huế với Bác Hồ” do Thành uỷ Huế tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày Bác Hồ về thăm Đồng Hới - Quảng Bình, lúc đó thuộc tỉnh Bình - Trị - Thiên, linh mục Nguyễn Văn Ngọc đã kể một kỷ niệm không bao giờ quên của đồng bào công giáo xứ Huế về đức bác ái bao la của Bác Hồ:

Năm 1949, Việt Minh bao vây kinh tế thành phố Huế. Linh mục Nguyễn Văn Ngọc, khi đó, đảm đương công việc ruộng đất của Nhà Chung tại giáo xứ Lương Văn, có trách nhiệm cung cấp lương thực để đài thọ cho 600 linh mục, chủng sinh dòng tu nam, nữ của thành phố. Trong điều kiện Huế bị bao vây, linh mục không có cách nào chở được số lúa gạo vào thành phố cho Nhà Chung ăn tiêu.

Linh mục rất lo lắng, đem chuyện này thưa lại với đồng chí Quế, lúc đó là cán bộ Việt Minh của mặt trận Thừa Thiên - Huế, vẫn có liên lạc với giáo xứ Lương Văn. Sau một hồi suy nghĩ, đồng chí Quế khuyên linh mục Ngọc nên viết thư xin phép Bác Hồ, đồng chí sẽ cố gắng tìm cách chuyển giúp.

Không còn cách nào khác, linh mục Ngọc đánh bạo viết thư lên Cụ Chủ tịch, thực lòng cũng không dám hy vọng sẽ đến được với Bác Hồ trong hoàn cảnh chiến tranh, Người lại ở quá xa và đang bận rộn trăm nghìn công việc lớn lao của đất nước.

Thật bất ngờ, một tháng sau, đồng chí Quế chuyển đến cho linh mục Ngọc một cái thiếp có chữ ký và dấu của Cụ Chủ tịch. Nội dung gồm hai điểm:

1- Cho phép linh mục Nguyễn Văn Ngọc được phép chở 9000 thúng lúa lên thành phố Huế trong vòng một tháng để trợ cấp cho Nhà Chung.

2- Linh mục Ngọc được tự do đi lại trong tỉnh Thừa Thiên để coi sóc ruộng đất của Nhà Chung, tiếp tục trồng cây, không được để ruộng đất bỏ hoang.

Nhờ có giấy phép đặc biệt của Bác Hồ, linh mục Ngọc đã hoàn thành được nhiệm vụ, chở được lương thực lên thành phố, cứu nguy cho hơn 600 con người đang trong cảnh nguy ngập. Ai cũng mừng rỡ và hết lòng ca tụng Bác Hồ, vị Chủ tịch có lòng bác ái mệnh mông của Chúa, tất cả vì lợi ích và cuộc sống của con người, không phân biệt lương hay giáo. Bác Hồ đúng là hiện thân của chính sách đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết tôn giáo.

Để kỷ niệm và ghi ơn Bác Hồ, vị giám mục người Pháp địa phận Huế đã gửi tám thiếp của Người về Pa-ri và hiện nay tám thiếp đó vẫn đang được trang trọng lưu trữ tại Hội Thừa Sai Pa-ri.

Theo lời kể của **Nguyễn Văn Ngọc**, S.Th. ghi,
Sđd, T. 2, tr. 126.

11. BỮA CƠM GIA ĐÌNH

Khoảng cuối năm 1951, trong một lần đến thăm và nói chuyện với học viên lớp chính trị của quân đội ở Việt Bắc, Bác bảo anh Phương - chồng tôi là cán bộ phụ trách lớp:

- Chiều nay, chú cho Bác ăn bữa cơm, vì nói chuyện xong, tối, Bác còn phải đi họp với một chi bộ ở Định Hoá.

Bây giờ tôi cũng làm văn thư ở Hiệu bộ, nên anh Phương cử người nhắc tôi chuẩn bị.

Công việc của Bác xong xuôi, Bác về đến cơ quan thì cơm nước cũng đã sẵn sàng. Sinh hoạt ở rừng còn thiếu thốn, kham khổ. Anh em muốn “bồi dưỡng” cho Bác, để Bác khoẻ, nhưng lại sợ. Nhưng rồi cũng quyết định thịt một con gà “tăng gia” kiếm ít măng rừng làm cơm mời Bác.

Bác ngồi vào bàn ăn, bảo anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp), hai vợ chồng tôi và đồng chí cảnh vệ cùng ăn. Tôi cứ một mực từ chối:

- Thưa Bác cháu ăn rồi. Mời Bác và các anh, các chú xơi cơm đi...

Mãi sau, Bác mới đồng ý và bắt đầu dùng cơm. Vào bữa cơm Bác nói:

- Cô cho Bác xin quả ớt.

Tôi vội thưa:

- Thưa Bác, trong bát măng có ớt rồi đấy ạ.

Nhưng khi ăn, Bác tìm mãi không thấy ớt.

Tôi ngại quá, bèn nói thật:

- Thưa Bác, chúng cháu sợ Bác ăn ớt có hại sức khỏe nên không dám cho vào măng nấu ạ.

Bác quay sang anh Phương:

- Chắc chú lệnh cho cô văn thư chứ gì. Thế là chú quan liêu rồi...

Anh Văn chỉ tùm tùm cười nói thêm:

- Ớt là “vi-ta-min ơ” của Bác đấy.

Bữa cơm của Chủ tịch nước giản dị, vui vẻ, thân mật như bữa cơm trong một gia đình ấm cúng.

Cơm nước xong Bác hỏi tôi:

- Cô thư ký được mấy cháu, tên là gì?

Anh Phương đỡ lời tôi:

- Thưa Bác, được ba cháu gái đặt tên là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân.

Bác cười hiền từ, nói:

- Tôi có hỏi chú đâu! Sao đặt tên “văn chương” thế! Gọi là “Thu Ngô, Thu Khoai, Thu Sắn” có hay không?

Mọi người cùng cười vui vì biết Bác liên hệ với phong trào tăng gia sản xuất, trồng thêm màu ngô, khoai, sắn... sản xuất nhiều lương thực đóng thuế nông nghiệp, nuôi bộ đội đánh giặc, mà Chính phủ mới phát động.

Lát sau, Bác lại bảo:

- Bác nói vui thế thôi. Những cái tên Việt Nam ấy rất đẹp.

Chưa kịp nghỉ ngơi, Bác đã chuẩn bị lên đường, Bác đeo balô đi trước, hai đồng chí cảnh vệ, anh Văn tiếp bước sau Bác. Mới đông mà sương chiều Việt Bắc đã xuống rất nhanh tụ thành những đám mây lùa mỏng trắng bìa rừng.

Chúng tôi nhìn theo Bác, ung dung, khoan thai như đi dạo cảnh thiên nhiên hùng vĩ, ngõ ngàng như vừa được qua một giấc mơ đẹp trong một bữa cơm gia đình.

Thủy Vân ghi theo lời chị **Thu Hương**,
Sdd, T. 2, tr. 126.

12. “LỊCH SỬ” BA BỘ QUẦN ÁO CỦA BÁC

Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai bộ quần áo được anh em giúp việc đặt tên là “bộ kháng chiến”, “bộ ka ki vàng”.

“Bộ kháng chiến” được may từ khi Bác lên Việt Bắc và Bác đã mặc trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp.

Ngoài hai bộ trên, Bác còn một bộ quần phục màu xanh, một bộ lụa Hà Đông màu gụ. Mùa rét, Bác mặc bên trong một áo len, khoác ngoài một áo “ba-đờ-xuy” chiến lợi phẩm dài quá đầu gối, quà của một đơn vị tặng Người. Trong chiến dịch Biên giới 1950, khi đến thăm thương binh, thấy một chiến sĩ bị mất máu nhiều, rét, Bác đã cởi chiếc “ba-đờ-xuy” này đắp lên người đồng chí đó.

Trên chiếc áo quần phục có một miếng mạng ở vai áo phải, “kỷ niệm” một đầu nhọn chiếc đỉnh đòn gánh của một cụ già dân công phục vụ chiến dịch Biên giới, qua suối, trượt chân ngã đã làm toạc vai áo Bác.

Thường khi đưa áo đi giặt, Bác nhắc:

- Giặt xong các chú xem áo có chỗ nào sờn thì sửa lại cho Bác, đừng đem nhờ các cô ở cơ quan. Các cô còn bận nhiều việc để dành thì giờ cho các cô chăm sóc dạy dỗ các cháu nhỏ...

Bích Hạnh ghi theo lời kể của đồng chí **Trường**,
Sdd, T. 2, tr. 130.

13. BÁC HỒ THÍCH ĂN MÓN GÌ NHẤT

Nhiều người quan tâm đến sinh hoạt đời thường của Bác Hồ đã có lúc đặt ra câu hỏi ấy. Mới xem qua, dường như nó chẳng có ý nghĩa gì mấy, bởi nó riêng tư, mỗi người đều có sở thích của mình, khẩu vị và thị hiếu là vấn đề không thể bàn cãi!

Đúng như vậy. Nhưng tìm hiểu sở thích của một người cũng là một hướng tiếp cận tính cách của con người đó, càng cần thiết hơn khi đó là một vĩ nhân.

Cũng như mọi người, có món ăn Bác Hồ rất thích, nhiều món ăn được, có món không thích. Ví dụ qua bữa cơm với bà Thanh được kể lại, ta biết cậu Thành từ nhỏ không ăn được tỏi.

Nét nổi bật là vị Chủ tịch nước đầu tiên của chúng ta lại rất thích ăn các món ăn dân dã như mắm, cà dầm tương, canh cua ăn với rau chuối thái ghém,...

Có lần, trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí Chủ tịch Liên khu IV Lê Viết Lượng có gửi lên Việt Bắc biểu Bác một lọ cà dầm mắm. Bác rất thích ăn. Ngày đó, Bác vẫn thường ăn chung với các nhân viên phục vụ của mình. Có bữa bận phải ăn sau, Bác dặn:

- Các cô chú cứ ăn thịt cá, để phần Bác món cà dầm mắm.

Ở rừng, thỉnh thoảng vẫn thiếu rau. Bác bảo:

- Ta thiếu rau nhưng nhiều mít, cô Mai (vợ bác sĩ Chánh) làm món nhút ăn cho đỡ xót ruột.

Chị Mai thú thực không biết làm. Bác lại bày cho cách làm nhút từ quả mít xanh. Có lẽ trong các món mang hương vị quê hương, Bác thích nhất món cá bống kho lá gừng. Hôm nào đồng chí Cần, cấp dưỡng của Bác, làm món ăn đó, Người thường ăn hết, để món thịt lại.

Có lần Bác được mời đi nghỉ tại Liên Xô. Bạn cho ăn toàn những món đặc sản vào loại tuyệt hảo. Bỗng một hôm Bác bảo: “Mình nhớ món cá bống kho lá gừng quá!”. Một chuyện thật đơn giản, nhưng trong hoàn cảnh đó thực hiện lại không dễ. Nấu ở nhà nghỉ thì không ổn, hơn nữa bạn lại rất sợ mùi nước mắm. Kho ở sứ quán rồi mang vào, lại sợ bạn biết sẽ phạt ý. Cuối cùng, nhờ sự trợ tài khéo léo của đồng chí Vũ Kỳ trong việc giới thiệu các món ăn cổ truyền của dân tộc, món cá bống kho lá gừng đã được thực hiện.

Ở Việt Bắc, hôm nào có điều kiện ăn tươi, Bác lại bảo: ra gọi cô Cúc (vợ đồng chí Phạm Văn Đồng) và cô Mai vào trợ tài cho Bác cháu mình thưởng thức. Chị Mai làm món gà rút xương, thịt băm trộn nấm hương nhồi đuôi gà, đem hấp. Chị Cúc làm món bít-tết. Bác khen ngon, vì làm rất công phu. Bác nhận xét:

- Gia vị đối với món ăn Việt Nam rất quan trọng. Thiếu gia vị, món ăn sẽ giảm hương vị đi rất nhiều.

Coi trọng nội dung, Bác cũng nhắc nhở cần chú ý đến cả hình thức trình bày. Hồi ở Việt Bắc, có lần đi công tác, buổi trưa, Bác cháu dừng lại bên bờ suối nấu ăn. Bác bảo: các chú nấu cơm, để Bác rán trứng cho. Bác làm rất thạo. Trứng rán xong mà cơm chưa chín. Bác lấy que sắt nung

trên than hồng rồi đặt lên khoanh trứng thành những hình quả trám rất đẹp. Anh em cười thán phục. Bác bảo:

- Khi có điều kiện làm cho ngon hơn, đẹp hơn thì ta cứ làm chứ các chú!

Ngày 16/6/1957, Bác đi thăm Đồng Hới (Quảng Bình). Trong bữa cơm trưa có đủ các món đặc sản của Đồng Hới: mắm tôm chua, rau muống chẻ, cá thu kho,... Bác cháu vừa ăn vừa trò chuyện. Bác chỉ tay sang bác sĩ Nhữ Thế Bảo nói đùa:

- Bác sĩ khuyên mọi người ăn chín, uống sôi, còn bản thân bác sĩ thì lại ăn rau muống sống hơi quá nhiều đấy!

Mọi người cười vang. Bữa ăn ngon lành càng thêm vui vẻ.

Trần Song ghi theo lời kể của đồng chí **Vũ Kỳ**
và vợ bác sĩ **Chánh**, Sdd, T. 2, tr. 140.

14. TÀI ỨNG KHẨU CỦA BÁC

Bác là một lãnh tụ, nhưng khi hoà mình với nhân dân, không chỉ bằng những lời giáo huấn đơn điệu, mà là sự kết hợp hài hoà giữa tác phong quần chúng, những lời nói bình dị, dễ hiểu và khả năng gây cười, sự dí dỏm tự nhiên. Phản xạ, ứng đáp nhanh nhạy trước mọi tình huống ở Bác có nét đặc trưng riêng, đã trở thành thói quen phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, thích ứng đối với mọi hoàn cảnh xung quanh. Đó là kết quả của một trí tuệ mẫn tiệp, của thái độ, phong cách quần chúng. Bác luôn tạo nên một không khí hòa đồng, một mối liên hệ gần gũi giữa người nói, người nghe, xoá đi những cách biệt, những suy nghĩ tự ti của người dân trước lãnh tụ và đưa lại không khí tự nhiên vốn có giữa con người với con người. Nó không chỉ dừng lại ở nghệ thuật ứng xử mà là phản xạ tự nhiên của lãnh tụ rất nhân dân.

Một lần tại bữa tiệc do Hữu Chí Minh (người góp phần đưa Bác ra khỏi nhà tù của Tưởng Giới Thạch) chủ nhiệm Cục chính trị đệ tứ chiến khu chiêu đãi, hôm đó có Bác và Nguyễn Hải Thần cùng dự. Nguyễn Hải Thần rất tự phụ về vốn Hán học của mình và nhân dịp này đã ra một vế đối:

“Hữu Chí Minh - Hồ Chí Minh, lưỡng vị đồng chí, chí giai minh”

(Hữu Chí Minh - Hồ Chí Minh, hai vị đồng chí, chí đều sáng).

Khi mọi người còn đang nghĩ về đáp, thì Bác ứng khẩu:

“Nhĩ cách mệnh ngã cách mệnh, đại gia cách mệnh, mệnh tất cách”

(Anh cách mạng tôi cách mạng, mọi người cách mạng, mạng phải cách).

Chỗ khó và hay của vế đối là hai chữ “chí” và “minh” là tên của hai nhân vật chính trong bữa tiệc, cái tài tình trong vế đáp của Bác là vừa kịp thời, hợp cảnh và chuẩn chỉnh cả ý lẫn từ, nhưng nâng tầm nhận thức, tư tưởng cao hơn, mang tính cách mạng hơn. Hầu Chí Minh hết lời ca ngợi người đối đáp “đối tuyệt lắm, tuyệt lắm”. Nguyễn Hải Thần cung kính thốt lên: “Hồ tiên sinh, tài trí mẫn tiệp, bội phục, bội phục”.

Năm 1946, Bác sang Pháp, người phụ trách làm hộ chiếu xin phép Bác làm thủ tục, Bác vui vẻ nói: “Chú cứ hỏi, Bác trả lời đầy đủ”. Đến câu thân sinh Bác là gì? Bác cười, trả lời hóm hỉnh: “Bác là Hồ Chí Minh thì ông cụ thân sinh là... Hồ Chí Thông”. Mọi người nhìn nhau cười vui vẻ.

Một lần có nhà báo nước ngoài hỏi Bác: “Có phải Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc không?”. Bác trả lời: “Ông cứ đến ông Nguyễn Ái Quốc mà hỏi”.

Lần khác, nhà báo nước ngoài xin phỏng vấn Bác, ông ta đặt câu hỏi: “Thưa Chủ tịch, trước hoạt động ở nước ngoài, vào tù ra khám, nay làm Chủ tịch nước. Chủ tịch thấy có gì thay đổi trong đời mình không?”. Bác trả lời hóm hỉnh: “Không, không có gì thay đổi cả, lúc bị tù ở

Quảng Tây luôn luôn có hai lính gác giải di, lúc trong tù mỗi ngày 5 phút được hai người lính bông súng dẫn ra dạo chơi. Nay làm Chủ tịch nước đi đâu cũng có hai đồng chí mang súng lục đi theo, ông thấy có gì thay đổi không nào?”. Lần khác, Bác lên tàu đàm phán với Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ ở Vịnh Hạ Long, khi gặp, Bác chủ động ôm hôn Đô đốc, các đồng chí đi theo thắc mắc, Bác nói: “Đánh nhau thì đánh nhau, mình hôn nó một cái thì có mất gì”. Hôm sau báo chí đưa ảnh và bình luận: “Hò Chủ tịch ôm hôn Đô đốc chính là ôm chặt để bóp chết...”.

Năm 1946, trên đường từ Pháp về Việt Nam, đến vùng biển Cam Ranh, Bác nhận được bức điện của Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ xin gặp Bác trong cảng, mục đích của chúng là giễu võ, gương oai để uy hiếp tinh thần Bác. Trong bộ quần áo giản dị Bác ngồi giữa một bên là Đô đốc hải quân Pháp, bên kia là Thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông với những bộ quân phục sáng loáng các thứ bội tinh, quân hàm, quân hiệu. Đắc-giăng-li-ơ nói bóng gió: “Thưa ông Chủ tịch, ông đã bị đóng khung giữa hải quân và lục quân đó”. Bác thân nhiên mỉm cười: “Đô đốc biết đó, chính bức họa mới đem lại giá trị cho bộ khung”. Bất ngờ và cay cú trước tài ứng xử thông minh của Bác, cả hai không dám nói xách mé nữa mà tỏ ra lịch lãm và kính phục.

Khi bàn về quy định các phù hiệu đi lại trên xe của Ủy ban Liên hiệp thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, phía Pháp đề nghị trên xe có hai lá cờ một bên của ta một bên của Pháp, còn phía dưới là cờ chính quyền Bảo Đại. Việc được hỏi ý kiến Bác, Bác bảo cứ chấp nhận đi rồi sẽ có những diễn

biến lý thú. Đúng như Bác nói, khi xe đi đến đâu dân cũng chố giễu lá cờ ăn theo ngoại bang. Chuyện tếu lan khắp nơi “3 cột 3 cờ” có ý nhạo báng cờ Bảo Đại. Bọn bù nhìn nguy quyền phân đôi đòi thay đổi. Ta lấy cớ, đó là ý của Pháp nêu ra.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, có một cán bộ cấp cao nước ngoài đứng trước hàng quân cứ nói thao thao bất tuyệt, nào là chê ta cái này cái nọ, cứ yêu cầu làm theo họ thế này thế kia. Bác nghe, rất bực nhưng không nói gì. Đến giờ nghỉ, cùng ngồi uống nước, Bác giới thiệu đồng chí Hoàng Đạo Thuý trước đây là hướng đạo sinh, nay là cán bộ phụ trách công tác thông tin của quân đội. Vì cán bộ nọ hết sức thắc mắc vì sao lại giao một nhiệm vụ quan trọng như thế cho một hướng đạo sinh, Bác bảo: “Nước chú khác, nước chúng tôi khác”. Ông ta chắc hiểu ý Bác.

Đầu năm 1950, Chính phủ Liên Xô mở tiệc chiêu đãi trọng thể Chủ tịch nước láng giềng của ta. Hôm chiêu đãi có mời Bác đến dự. Khi chuyện trò, Bác hỏi đồng chí Liên Xô: “Các đồng chí đã ký hiệp ước với nhau, nhân dịp tôi ở đây chúng ta cùng ký một hiệp ước với nhau”. Chuyển đi của Bác lúc đó là bí mật, nên đồng chí Chủ tịch trả lời Bác là: “Người ta sẽ nói đồng chí ở đâu đột ngột đến thì không tiện”. Bác trả lời: “Cái đó dễ thôi, đồng chí cho một chiếc máy bay đưa tôi bay một vòng trên trời, sau đó cho người ra đón, rồi quay phim chụp ảnh đưa tin là ổn.

Năm 1967, Liên Xô quyết định tặng Bác huân chương Lênin. Nếu Bác từ chối không nhận thì không thuận cho quan hệ ngoại giao. Bác vốn xưa nay chưa bao giờ nhận

huân chương, lần này Bác có cách từ chối khéo. Bác viết thư chỉ xin hoãn việc trao huân chương, chờ khi nào giải phóng hoàn toàn Tổ quốc lúc đó Bác sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam, nhận huân chương cao quý đó. Hôm sau, các báo ở Liên Xô đăng trang trọng trên trang nhất quyết định tặng huân chương của Nhà nước Liên Xô và thư của Bác. Qua đó nhân dân Liên Xô càng yêu quý Bác hơn.

Nhớ lần Bác đến thăm một nông trường ngoại ô Ki-ép, Bác đi xuống nơi công nhân đang lao động, thấy Bác mặc giản dị ai cũng quý, cũng muốn đến gần. Khi đó có một cô công nhân đứng cạnh Bác, mạnh dạn hỏi: “Thưa Bác, cháu trộm nghĩ một mình Bác chắc chắn không tiêu hết lương Chủ tịch nước?”. Bác nhăm nhăm và vui vẻ trả lời: “Thế tính ra lương cháu gấp đôi lương Bác đấy”.

Hồi kháng chiến chống Pháp, Bác thường đi xuống thăm các đơn vị cơ sở. Một lần đi thăm xưởng quân giới Lê Tổ. Bác trả lời câu hỏi của anh chị em ngắn gọn, dễ hiểu. Có người hỏi, khi nào thì đồng tiền Việt Nam trở lại có giá trị như khi nó mới có, Bác trả lời: “Khi các cô chú tăng gia sản xuất tăng hai lần thì nó trở lại hai lần, tăng ba lần nó trở lại ba lần”. Có người hỏi, Đảng ta sắp ra công khai, vậy Bác có ra không, tên thật Bác là gì? Khi nói đến Bác có ra không? Cả hội trường cùng cười. Bác nói: “Đấy, cười là trả lời rồi đấy”. “Tên thật Bác là Bác”. Có câu hỏi: “Khi nào thì Bác có Bác gái? Toàn thể reo cười, Bác trả lời: “Khi nào có thì Bác sẽ trả lời”. Câu hỏi tiếp: “Phụ nữ các nước dân chủ họ làm gì ạ?”. Bác trả lời: “Họ cũng lao động và tăng gia sản xuất, và học hát, các cô các thím thua họ ở chỗ học hát”...

Năm 1948, nhân ngày phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bác vui vẻ ra câu đối:

“Giáp phải giải Pháp”.

Các vị có mặt gặp thế bí vì vế đối nói lái này gói gọn ý Đại tướng Giáp phải giải giáp được quân Pháp.

Ông Tôn Quang Phiệt nhìn Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến đọc vế đối:

“Hiển tài, hái tiền”

Bác khen vế đối hay, đạt cả ý lẫn lời, nên Bác tặng tác giả một quả cam.

Sau cuộc họp lớn, giữa trưa hè nắng đẹp, mọi người đứng dẫu vào dẫu cả rồi, thợ ảnh cứ chạy bên này bên kia, chọn góc chụp, Bác đứng cạnh nhà thơ Tú Mỡ, Bác nói vui:

- “Chú chụp nhanh không thì tất cả bọn này thành Tú Mỡ cả”.

Mọi người được phen cười vui vẻ. Bác vừa nói theo nghĩa tiếng Pháp (tout là tất cả, mỡ là mồ hôi) vừa theo nghĩa tiếng ta, ngụ ý dí dỏm, vui vẻ.

Đồng chí Nguyễn Đăng Bảy, thời kỳ kháng chiến là phóng viên nhiếp ảnh thông tin Trung ương, khi chụp được một số ảnh của Bác, anh em bàn đưa ra trưng bày triển lãm. Hôm đó Bác tình cờ vào xem. Đồng chí đang hý hoáy trang trí, Bác hỏi: “Chú treo được bao nhiêu bức ảnh tất cả?”. Đồng chí Bảy trả lời Bác là được tất cả 20 tấm ạ, Bác nói: “Hơn chứ, chú đếm lại xem thử”. Đồng chí đếm

đi tính lại cũng chỉ có 20. Lúc ấy, Bác cười, chỉ vào mình mà nói: “Còn đây là chiếc thứ 21 chứ”.

Hôm khai mạc lớp chính huấn có vui văn nghệ. Có đồng chí xung phong lên đọc thơ của Huy Cận, Bác hỏi vui: “Cái tác giả bài thơ có ở đây không?”. Nhà thơ Huy Cận thưa có. “Thế thì mời “tác thật” lên đọc thơ của mình “cho nó thật hơn”. Sau Bác hỏi: “Có chú nào dân tộc Mường lên hát một bài tiếng Mường cho mọi người thưởng thức”. Có đồng chí xung phong đọc bài thơ lục bát tiếng Kinh, đọc lơ lơ, bỏ hết dấu, Bác bảo “đấy không phải tiếng Mường”.

Bác đến thăm nhà chị Loan (người kéo cò ở quảng trường Ba Đình ngày 2/9, sau là phu nhân Đại tướng Hoàng Văn Thái) ở chiến khu. Vào đến nhà thấy đông con nhỏ, Bác nói vui: “Ồ tưởng đây là nhà cô Loan, hoá ra mình vào nhầm nhà trẻ”. Biết Bác phê bình khéo, chị ngượng cười và báo cáo: “Thưa Bác đây là “tiểu đội” của vợ chồng cháu đấy ạ”. Bác vui vẻ bảo chị tập trung “tiểu đội” cứ lần lượt bé nhất đứng trước để Bác chia kẹo, chị đang loay hoay sắp xếp đội hình, Bác bảo: “Tiểu đội trưởng cũng đứng vào hàng chứ”. Bác chia kẹo cho các cháu và cho cả chị nữa. Khi đến lượt chị, Bác nói vui: “Bác khen là cô đã có công nuôi dạy các cháu ngoan”.

Nhớ lần Bác đến thăm một gia đình cán bộ, thấy ba cháu gái xinh xắn ra chào Bác, Bác hỏi vợ chồng chủ nhà tên các cháu là gì. Chủ nhà thưa Bác tên các cháu là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân, Bác cười hiền lành và nói: “Sao đặt “văn chương” thế, gọi Thu Ngô, Thu Sấn, Thu

Khoai có hay không”. Khi ra về Bác bảo: “Nói vui thể thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”.

Đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác có chai mật ong, Bác gửi tặng cháu, tự tay Bác viết “nhân hiệu” tặng cháu Quang. Thời gian sau, Bác ghé vào thăm nhà đồng chí Bửu, Bác gọi âu yếm “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ra ông bế nào”. Rồi Bác chụp ảnh với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Một lần đến dự cuộc họp Trung ương, thấy một cô gái đứng cạnh đường, chào Bác, Bác hỏi, cháu đứng đây làm gì, được biết cô là lính bảo vệ, Bác hỏi vui: “Thế cháu đứng bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?”.

Có lần Bác đến thăm một địa phương, đồng chí Bí thư tỉnh uỷ đứng lên thưa với Bác, có câu: “Thưa Bác Hồ, vị cha già dân tộc”, Bác ngoảnh lại nói với mọi người: “Bác chưa già đâu”. Buổi đó Bác được tặng ba bó hoa, Bác hỏi đồng chí Bí thư: “Theo chú thì Bác nên tặng hoa cho ai?”. Đồng chí trả lời Bác: “Thưa Bác, Bác tặng cho phụ nữ, thanh niên...”. Bác cười và nói vui: “Phụ nữ, thanh niên không tặng Bác thì thôi...”. Bác xuống sân và tặng một cụ già cao tuổi nhất, một cháu thiếu nhi và cho bộ đội.

Lần Bác tiếp các anh hùng quân đội, Bác hỏi: “Chú nào hạ được nhiều máy bay nhất?”. Thưa Bác, đồng chí Cốc ạ. Mọi người đồng thanh trả lời. Bác gọi: “Chú Cốc lên đây Bác bắt tay”. Bác nói: “Năm nay mong chúng ta có nhiều Cốc hơn nữa”.

Đến thăm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bác đến

gần một cô gái và hỏi: “Đơn vị cháu có mấy người trong đoàn?”. Cô gái lúng túng trả lời: “Thưa Bác, chỉ một mình cháu được đi thôi ạ”. Bác dí dõm: “Thế đơn vị cháu nhiều người tiêu cực thế à, chỉ được một mình cháu?”.

Một đoàn cán bộ vào gặp Bác, Bác mời ăn kẹo nhưng ai cũng muốn nghe Bác nói chuyện chứ không muốn ăn, thấy thế Bác bảo: “Không ai ăn kẹo thì Bác cho mang về”. Lúc đó, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền hóm hỉnh nói: “Bác cho, ta đưa cả về”. Bác cười vui nói ngay: “Bác cho đưa kẹo về, đĩa phải để lại Bác còn tiếp khách chứ”.

Nhớ lần đi “dã ngoại” bữa ăn mang theo có thịt bò, đến bữa ăn, đồng chí Vũ Kỳ chỉ vào đĩa thịt, hỏi đồng chí bảo vệ: “Đồ biết đây là thịt gì?”. Đồng chí này trả lời là thịt bò, đồng chí Vũ Kỳ hỏi tiếp: “Nhưng mà thịt bò gì chứ?”. Đồng chí bảo vệ đang băn khoăn chưa kịp trả lời, đồng chí Vũ Kỳ nói tiếp: “Đây là thịt bò rừng, loại này đặc biệt lắm, người ta không bán được nó mà phải dùng muối bỏ vào bẫy rồi mới bắt được nó”. Đang lúng túng lại nghe kể có vẻ ly kỳ, nên đồng chí có vẻ chăm chú lắng nghe, tưởng như thật. Thấy vậy, Bác vỗ vai vừa cười vừa hỏi: “Thế Bác đồ chú một cân sắt nặng hơn hay một cân bông nặng hơn?”. Nghe Bác đó, lúc đầu đồng chí định trả lời là cân sắt nặng hơn, nhưng nhìn ánh mắt vui vẻ của Người, đồng chí bình tĩnh cân nhắc trả lời là nặng bằng nhau. Bác nói đùa vui: “Cân sắt chắc nặng hơn chứ” như muốn nói thịt bò nào mà chả giống nhau, cái chính là phải trả lời dứt khoát để người ta khỏi vạ vạ, quanh co.

Một lần đến thăm đơn vị bộ đội, đi đường xa trời nắng,

nhưng tới nơi Bác đi thăm anh em ngay, Bác đến thăm nơi ăn chốn ở, thăm nơi sinh hoạt văn hoá, thấy tờ báo tường viết câu: “Hồ Chủ tịch muôn năm” kẻ đẹp nắn nót nhưng không có dấu, Bác bảo vui: “Ừ đúng, Bác đi mệt, Hồ Chủ tịch *muốn năm*”, rồi Bác hỏi: “Sao viết không có dấu, người đọc có thể đọc sai ý”. Có đồng chí trả lời Bác là thêm dấu nó mất đẹp đi, Bác nói: “Các chú viết đẹp nhưng chưa đúng nên mất đẹp đi đấy, chữ Việt ta rất đẹp, khi đúng, dù dấu càng đẹp hơn”. Lần đến thăm xã Sài Sơn, thấy tấm biển treo trên trụ sở Việt Minh xã có dòng chữ không dấu “TRU SO VIET MINH”, Bác liền đọc: “Sô viết mình”, rồi Bác bảo các chú viết thế ai mà đọc đúng được. Tấm biển được thêm dấu nên rõ ràng hơn, ai mới biết chữ cũng đọc được. Bác vào thăm nông trường Sông Hiếu, cùng đi với đồng chí giám đốc vào trung tâm nông trường, Bác chỉ câu khẩu hiệu viết không dấu, Bác hỏi: “...LAM TRA NOI SONG” là gì? Đồng chí thưa Bác câu khẩu hiệu là: “Hưởng ứng chiến dịch Lam Trà nổi sóng”. Bác bảo: “Thế thì chú phải cho một người đứng đây để đọc dịch câu khẩu hiệu đó chứ”. Khi Bác đi thăm xong nông trường thì câu khẩu hiệu cũng được sửa xong. Lần Bác đi qua nhà máy cơ khí Gia Lâm, đến trước cổng nhà máy thấy dòng chữ to chạy dài trên cổng nhà máy: “NHA MAY CO KHI GIA LAM”, Bác bèn đọc: “Nhà máy có khi già lắm”. Bác phê bình, chữ viết phải có dấu để người đọc khỏi nhầm.

Nguồn: Hồ Chí Minh, chân dung đời thường,
NXB Lao động, Hà Nội, 1996.

15. CÁCH ỨNG ĐÁP MẢN TIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Năm 1946, một nhà văn là uỷ viên thường trực Ban vận động Đời sống mới đến gặp Hồ Chủ tịch để xin ý kiến Người về nội dung cuộc vận động. Bác Hồ nói nên vận động nhân dân thực hiện mấy chữ: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

- Thừa cụ, mấy chữ ấy rất hay nhưng nghe có vẻ cổ. Cụ có thể thay bằng mấy chữ khác không ạ?

- Thế cơm ông cha ta đã từng ăn hàng ngàn năm trước, hiện nay chú và tôi hằng ngày vẫn ăn, chú thấy có cổ không? Không khí ông cha ta đã từng hít thở, ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục hít thở, chú thấy có cổ không?

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mấy chục vạn quân Tưởng kéo vào tìm cách khiêu khích để lấy cớ tiêu diệt cách mạng Việt Nam. Bác Hồ triệu tập các vị lãnh đạo cao cấp để xử lý một vấn đề “hệ trọng”, Bác nói:

- Tướng T. V. của quân đội Trung Hoa dân quốc có gửi cho tôi một bức công văn, nội dung như sau:

“Kính thưa Cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

Yêu cầu Cụ cho mượn một cái nồi nấu cơm”.

Không cần phải nói, ai nấy đều có thể hình dung không khí tức giận bao trùm lên cuộc họp. Có những ý kiến đòi đánh.

Với phong thái bình tĩnh, ung dung, Bác Hồ nói: “Nền độc lập ta vừa mới giành được giống như một chiếc bình ngọc. Nay có những con kiến bò trên miệng bình, nếu ta dùng gậy đập kiến, chưa chắc kiến đã chết mà bình ngọc vỡ. Nếu ta lấy một cái que bắc cầu cho chúng xuống thì kiến sẽ đi hết, như vậy có hơn không? Còn trong sự việc vừa đem ra bàn, họ mượn cái nồi nấu cơm thì ta cho họ mượn, việc gì các chú phải nổi nóng như vậy?!

Khoảng giữa năm 1949, một nhà báo Thái Lan trực tiếp phỏng vấn Hồ Chủ tịch để thăm dò xem Việt Nam đứng về phía nào trong cuộc chiến Quốc - Cộng ở Trung Quốc.

- Thưa Cụ Chủ tịch, nước Việt Nam của Cụ đứng về phía ông Tưởng hay ông Mao? Xin Cụ miễn cho câu trả lời “đứng trung lập”.

- Chúng tôi đứng trung lập. Cũng như Thái Lan của ông đang đứng trung lập giữa Anh và Mỹ!

- Nghe nói quân giải phóng nhân dân Trung Hoa đã gửi cho Cụ súng cối và súng liên thanh. Cụ đã nhận được chưa, nếu chưa thì Cụ có định nhận không?

- Chúng tôi chưa nhận được gì hết. Còn đúng như ông nói là họ có ý định gửi cho chúng tôi thì trong trường hợp này, ông khuyên chúng tôi nên làm như thế nào?

Ngày 5/10/1959, ông Si-ra I-si Bôn, cố vấn biên tập báo A-xa-hi-sin-bun Nhật Bản phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều vấn đề, trong đó có việc Chính phủ Nhật Bản dự định bồi thường chiến tranh, mà phía Nhật lại chọn Việt Nam lúc đó do nguy quyền Sài Gòn kiểm soát làm đối tác. Câu hỏi và trả lời như sau:

Hỏi: Việc đàm phán về vấn đề bồi thường chiến tranh đã được tiến hành giữa Chính phủ Nhật Bản và Việt Nam. Ngay ở Nhật Bản cũng có người chỉ trích việc đàm phán này và tin tức cho biết Ngài không hài lòng.

Theo ý Ngài, nhân dân Nhật Bản cần được hiểu vấn đề này như thế nào? Theo ý Ngài, vấn đề này cần được giải quyết như thế nào mới đúng?

Trả lời: Trong cuộc Đại chiến lần thứ hai, quân phiệt Nhật Bản đã xâm chiếm nước Việt Nam và đã gây ra nhiều tổn thất cho nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền đòi hỏi Chính phủ Nhật Bản tiến hành đàm phán và ký kết bồi thường chiến tranh với chính quyền miền Nam Việt Nam là không hợp pháp.

Nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà thấy rằng, việc đòi hỏi Nhật Bản bồi thường sẽ là một gánh nặng cho nhân dân Nhật Bản. Vấn đề cốt yếu trong quan hệ giữa hai nước không phải là việc đòi bồi thường, mà tình đoàn kết hợp tác giữa hai dân tộc Việt - Nhật đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình là quý hơn hết.

*Nguồn: Trần Thành - Huệ Chi,
Báo An ninh thủ đô, số 562 ngày 20/2/2001.*

16. TRONG QUỐC DÂN ĐẠI HỘI TÂN TRÀO

Nhớ lại sự kiện “Quốc dân đại hội Tân Trào”, đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể:

Ngày 16/8/1945, đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào đem gạo, trâu, bò, gà đến mừng đại hội... Đồng bào bị bòn rút đến xương tủy, ai nấy đều tiêu tụy, rách rưới. Đáng thương nhất là các em vùng dân tộc thiểu số gầy gò, vàng vọt. Chúng ở trường tòng ngồng theo người lớn đến chào Quốc dân đại hội.

Bác đến gần các cháu, chỉ vào chúng và nói với các đại biểu: “Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm ăn, có áo ấm, được đi học, không lam lũ mãi thế này”.

Chúng tôi đều cảm động. Câu nói ấy, về sau này, Bác thường nhắc nhở luôn.

*Nguồn: Những lần gặp Bác,
Báo Nhân dân, số ra ngày 22/9/1963.*

17. CÙNG HỒ BIẾT THUỐC GIỎI LẮM

Thời kỳ ở Pác Pó, do phải giữ gìn bí mật, Bác Hồ ít tiếp xúc với các cháu thiếu nhi ở bên ngoài mà thường chỉ ra khu nhà đồng chí Dương Đại Lâm.

Nhà đồng chí Đại Lâm rất đông anh em và nhiều cháu bé. Những lần Bác ra chơi, ngoài việc trò chuyện với ông cụ thân sinh đồng chí Đại Lâm, Bác còn chăm sóc các cháu nhỏ, giúp đỡ gia đình đồng chí Đại Lâm.

Do các cháu chơi nghịch đất cát, quần áo lem luốc, bẩn thỉu; mặt khác do đời sống thiếu thốn, khó khăn vì sự bóc lột của bọn thống trị, có cháu đầu bị chốc lở, tanh tươi mà không có thuốc chữa chạy.

Bác Hồ chữa cho các cháu bằng cách đem nước nóng rửa thật sạch chỗ lở chốc, rồi lấy tro bếp nóng, gói lại đắp lên đầu cho cháu. Bác làm việc này với tất cả sự cẩn thận, tận tình nên chỉ trong một thời gian ngắn, lở chốc trên đầu cháu bé bay đi đặng nào. Cháu lại chơi vui. Nhân dân ở đó kháo nhau “Cùng Hồ biết thuốc giỏi lắm!” (Cùng Hồ tiếng địa phương là Bác Hồ). Thực ra, Bác Hồ chữa bệnh cho các cháu không chỉ bằng thuốc mà bằng tấm lòng thương yêu của một người cha, một người ông lúc nào cũng mong cho con cháu khoẻ mạnh, lớn khôn. Chính vì lo lắng đến tương lai hạnh phúc của con em, Bác đã không chỉ quan tâm mà còn rất chú trọng đến việc tổ chức giáo dục nhi đồng. Bác Hồ luôn nhắc

nhờ cán bộ phải chú ý đến “Hội nhi đồng cứu quốc”.
Đồng chí Đức Thanh nghe lời dạy của Bác đã tổ chức ra
Hội nhi đồng cứu quốc thôn Nà Mạ, trong đó có Kim
Đồng, người thiếu niên anh dũng đã cống hiến tuổi thiếu
niên đẹp đẽ, bất diệt của mình cho cách mạng.

Theo **Bác Hồ kính yêu**, tập 1.
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1975.

18. MỘT NGÀY THU KHÔNG THỂ QUÊN

Một chiều thu tháng 8/1942, bầu trời xanh ngắt, gió nhẹ thổi, không gian thoang thoảng mùi hương của đồng lúa sắp chín. Kim Đồng xách ống nước ở dưới suối lên, thấy anh Ngự Mạn đã đợi ở dưới chân cầu thang. Với nét mặt rạng rỡ, anh Ngự Mạn ghé sát vào tai Kim Đồng nói nhỏ:

- Có một cán bộ cao cấp vừa đến, cho gọi em lên gấp đây!

- Anh có biết ai không?

- Suyt... ! Nguyên tắc bí mật cơ mà.

Kim Đồng hồi hộp bước theo anh Ngự Mạn lên ngọn núi sau bản. Đến trước cửa hang Nục Én, anh ra hiệu cho Kim Đồng đợi một chút. Lát sau Kim Đồng thấy anh Đức Thanh bước ra, vẫn đôi mắt lúc nào cũng dịu dàng âu yếm, anh đưa Kim Đồng vào trong hang. Trống ngực Kim Đồng bỗng đập rộn lên khi nhìn thấy một “ông Ké” ngồi trên một tảng đá, dựa lưng vào thành hang, chòm râu và mái tóc đã điểm bạc. Trên khuôn mặt gầy, hơi xanh, sáng rực một đôi mắt như hai vì sao ấm áp. “Ông Ké” nhìn Kim Đồng trìu mến. Vẫn còn đang lúng túng chưa kịp chào, Kim Đồng bỗng thấy “ông Ké” hỏi:

- Cháu là Kim Đồng, đội trưởng Đội Thiếu nhi cứu quốc phải không?

- Vâng ạ!

- Lại đây với Bác nào!

“Ông Ké” vẫy Kim Đồng lại gần và kéo vào lòng, đưa tay xoa đầu âu yếm:

- Cháu có ghét bọn Tây không?

- Dạ, có ạ!

- Vì sao nào?

- Vì bọn Tây sang cướp nước ta làm cho dân ta khổ.

“Ông Ké” khen Kim Đồng và đề nghị Kim Đồng kể về hoạt động của Đội cho mọi người cùng nghe. Nghe kể xong, “ông Ké” khen Đội đã có nhiều hoạt động phong phú, mưu trí và dũng cảm.

“Ông Ké” còn khuyên Kim Đồng nói đúng và các đội viên vừa hoạt động, vừa phải học văn hoá, học chính trị để mai này nước nhà độc lập, có đủ tài sức xây dựng đất nước.

Buổi chiều đó, Kim Đồng được “ông Ké” giữ lại ăn cơm. Chờ đêm xuống, Kim Đồng được cử theo ba anh đưa “ông Ké” vào Pác Pó an toàn. Do nguyên tắc bí mật, ngày đó, Kim Đồng chưa được biết rằng “ông Ké” đó chính là Bác Hồ kính yêu, vị cha già của dân tộc Việt Nam.

Theo cuốn **Bình minh Nà Mạ**,

Sdd, T. 2, tr. 162.

19. BÁC HỒ VỚI TRUNG THU ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

Chiều hôm đó, thứ 6, ngày 21/9/1945 tức ngày 15/8 năm Ất Dậu, tan giờ làm việc, Bác bảo đồng chí thư ký về nhà trước, còn Bác ở lại Bắc Bộ phủ để đón các em thiếu nhi vui Tết Trung thu.

Ngay từ chiều, Bác đã cho mời đồng chí Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và một đồng chí phụ trách thiếu nhi của Thanh niên đến hỏi về tổ chức Trung thu tối nay cho các em. Nghe báo cáo chỉ có ba địa điểm xung quanh Bờ Hồ để bày mâm cỗ cho hàng vạn em, Bác bảo các anh chị phụ trách phải tổ chức cho thật khéo để em nào cũng có phần. Về chương trình vui chơi, Bác khen là có nhiều cố gắng về mặt hình thức và căn dặn là phải đảm bảo an toàn, nhất là đối với các em nhỏ.

Sau đó, Bác trở về phòng làm việc của mình trên căn gác 2 ở Bắc Bộ phủ. Nhưng chốc chốc Bác lại hỏi:

- Các em đã tập trung đủ ở Bờ Hồ chưa?

Trăng đã bắt đầu lên. Bác Hồ ra đứng ở cửa ngắm đêm trăng và lắng nghe tiếng trống rộn ràng từ các đường phố vọng đến. Ai mà biết được niềm vui lớn đêm nay của Bác Hồ, người chiến sĩ cách mạng đã bôn ba khắp năm châu, bốn bể, nếm mật nằm gai, vào tù ra tội, chỉ nhằm một mục đích duy nhất là đem lại độc lập cho Tổ quốc, no ấm cho nhân dân và đặc biệt, cháy bỏng trong lòng Người là niềm mong ước hạnh phúc ấm no cho lớp trẻ thơ.

Đêm nay, giữa lòng Hà Nội, ngay trong Dinh Chủ tịch, Bác Hồ hồi hộp chuẩn bị đón tiếp “Bầy con cưng” của mình.

Trước Trung thu mấy hôm, Bác đã viết một lá thư dài gửi các em nhân ngày tựu trường.

...

Liên sau đó, Bác lại viết “Thư gửi các cháu thiếu nhi” nhân dịp Tết Trung thu. Thư viết trước Trung thu một tuần lễ để kịp đến với các em khắp các miền đất nước. Bác Hồ bao giờ cũng chu đáo như thế.

Và đêm nay, Trung thu đã thực sự đến trong nỗi bồi hồi mong đợi của Bác. Theo chương trình thì đúng 21 giờ các em mới đến vui chung với Bác Hồ. Thế mà lúc này chưa đến 20 giờ Bác đã bồn chồn đi lại trong phòng, xem lại đề cương bài phát biểu lát nữa sẽ nói với các em, xem lại những tấm ảnh lát nữa Bác sẽ tặng cho mỗi em một tấm... Thật khó mà hình dung được một cụ già đã gần tuổi 60, một vị Chủ tịch nước, một nhà hoạt động quốc tế nổi tiếng, một con người vốn có bản lĩnh ung dung, bình thản trong mọi tình huống, đêm nay lại nóng lòng chờ đợi, gặp gỡ các em nhỏ như vậy.

Hồ Hoàn Kiếm tung bừng náo nhiệt. Những bóng điện lấp lánh trong các vòm cây. Hàng ngàn, hàng vạn đèn giấy trên tay các em soi bóng xuống mặt hồ. Trên đỉnh Tháp Rùa rực sáng ánh điện với băng khẩu hiệu “Việt Nam độc lập”.

Đúng 20 giờ, lễ Trung thu độc lập đầu tiên bắt đầu. Sau

lễ chào cờ, một em đại diện cho hàng vạn thiếu nhi Hà Nội phát biểu niềm vui sướng được trở thành tiêu chủ nhân của nước độc lập. Tiếp đó đồng chí Trần Huy Liệu, đại diện Chính phủ, trình trọng đọc thư của Bác Hồ gửi thiếu nhi, căn dặn các em cố gắng học tập để xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc của Bác.

Buổi lễ kết thúc, các đoàn đội ngũ chỉnh tề đều bước trong tiếng trống vang vang hướng về Bắc Bộ phủ. Dẫn đầu đoàn là những đội múa lân, múa sư tử cùng hàng ngàn, hàng vạn chiếc đèn giấy lung linh uốn lượn như một dòng sông sao...

Đúng 21 giờ các em có mặt trước Bắc Bộ phủ. Bác Hồ xuất hiện tươi cười, thân thiết. Tiếng hoan hô như sấm dậy. Tiếng trống rộn ràng. Sư tử lại nhảy múa. Tất cả sung sướng hò reo. Chúc mừng Bác Hồ kính yêu.

Bác Hồ xúc động bước xuống thêm đón các em, tiếng hoan hô lại dậy lên. Một em đứng trước máy phóng thanh đọc lời chào mừng. Đọc xong em hô to “Bác Hồ muôn năm!”. Lập tức tiếng hô “Muôn năm” rền vang không ngớt.

Bác Hồ giơ cao hai tay tỏ ý cảm ơn các em rồi Bác lần lượt bước đến bắt tay từng em đứng ở hàng đầu. Cặp mắt của Bác ánh lên một niềm vui đặc biệt. Trong lúc ở phía ngoài, các đoàn “xe tăng”, các binh sĩ của Hai Bà Trưng, của Đinh Bộ Lĩnh, các đội sư tử với rất nhiều em đeo mặt nạ... ùn ùn kéo vào dinh của Chủ tịch trong tiếng trống hò reo vang dậy, khu vườn Phủ Chủ tịch bỗng nhiên im

phăng phắc khi đồng chí phụ trách giới thiệu Bác Hồ sẽ nói chuyện với các em.

Bằng giọng xứ Nghệ có pha lẫn giọng các miền của đất nước, Bác thân thiết trò chuyện với các cháu: “Các cháu! Đây là lời Bác Hồ nói chuyện...”.

Cuối cùng Bác nói: Trước khi các cháu đi phá cỗ, ta cùng nhau hô hai khẩu hiệu: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng!*”, “*Việt Nam độc lập muôn năm!*”.

Tiếng hô hưởng ứng của các em rền vang cả một vùng trời.

Trăng rằm vàng vạc toả sáng. Niềm vui tràn ngập cả Hà Nội. Bác Hồ vui sướng đứng nhìn các em vui chơi.

Ai hiểu được hết niềm vui của Bác Hồ lúc này. Bao nhiêu năm xông pha chiến đấu, phải chăng Bác cũng chỉ mong ước có giây phút sung sướng như đêm nay.

“Trẻ em Việt Nam sung sướng!”. Khẩu hiệu đó của Bác Hồ cách đây 45 năm, vẫn đang là mục tiêu phấn đấu của các thế hệ hôm nay và mãi mãi mai sau.

Vũ Kỳ - Báo Hà Nội mới số ra ngày thứ tư,
3/10/1990.

20. BÁC NHỚ CÁC CHÁU THIẾU NIÊN DŨNG SĨ MIỀN NAM

Tháng Chạp năm 1968, các dũng sĩ thiếu niên miền Nam đang học ở Tả Ngạn thì có mấy chú đưa xe ô tô đến đón về Hà Nội. Luyện, Thu, Nét, Phổ, Mên, Hoà... chưa hiểu có chuyện gì. Về Thủ đô hôm trước thì 5 giờ chiều ngày hôm sau có xe đến đón đi, vào đến sân Phủ Chủ tịch mới biết là được vào gặp Bác Hồ.

Vừa bước chân xuống xe, các cháu đã thấy Bác Hồ và Bác Tôn ngồi ở một cái ghế gỗ dài kê trước cửa nhà. Tất cả chạy ào tới chào hai Bác.

Bác cháu trò chuyện với nhau. Sau đó hai Bác bảo:

- Thôi, các cháu vào ăn cơm với hai Bác!

Bữa cơm chẳng có thịt cá gì nhiều, nhưng rất ấm cúng. Các dũng sĩ thiếu niên được ngồi ăn cùng Bác Hồ, Bác Tôn. Nét người nhỏ quá, cái đầu chỉ lấp ló cạnh bàn, được Bác gấp thức ăn cho luôn.

Vừa ăn, Bác cháu vừa nói chuyện rất vui. Ăn xong, hai Bác cho mỗi cháu một bông hồng, một quả táo, một quả lê và ba quyển sách “Người tốt việc tốt”.

Sau đó, Bác Hồ bảo:

- Các cháu lại cả đây hôn hai Bác rồi về.

Các dũng sĩ hôn hai Bác xong, Bác Hồ dặn lại:

- Các cháu về trường cố gắng học tập cho giỏi.

Tất cả đều cảm động, Đoàn Văn Luyện lên tiếng thưa với Bác:

- Thưa Bác chúng cháu cứ tưởng hai Bác gọi chúng cháu về có việc cần.

Bác Hồ cười hiền từ và bảo:

- Hai Bác nhớ các cháu cho nên gọi các cháu về để hai Bác gặp hỏi chuyện.

Nghe nói, Luyện và các bạn cảm động muốn trào nước mắt. Hai Bác tuổi đã cao, trăm nghìn công việc, vậy mà vẫn nhớ đến các cháu miền Nam. Luyện nghĩ:

“Mình được ở ngoài Bắc mà hai Bác còn lo và thương biết chừng nào!...”.

Theo **Bác Hồ** kính yêu.

T. 2, tr. 167.

21. BA LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Hồ Thị Thu kể:

Khi cháu ở trong Nam, cháu được nghe các chú đọc lời dạy của Bác Hồ, cháu càng thương nhớ Bác nhiều. Cháu và các bạn cháu mong sao nước nhà thống nhất, cùng đồng bào miền Nam đón Bác vào thăm. Qua thời gian chiến đấu, cháu được Đảng, Mặt trận cho ra miền Bắc để học tập, cháu vinh dự được gặp Bác.

Lần đầu cháu được gặp Bác, Bác hỏi cháu đã biết chữ chưa. Cháu vòng tay trả lời Bác mà cháu nói không nên lời, vì cháu cảm động quá. Sau, cháu cố gắng trả lời để Bác nghe:

- Dạ thưa Bác, cháu chưa biết chữ nào ạ. Vì gia đình cháu nghèo, ba má cháu mất sớm, cháu đông em nên không được đi học.

Vừa nói xong, cháu ngược lên nhìn Bác. Hai hàng nước mắt Bác rung rung làm cho cháu càng thêm cảm động hơn.

Lần thứ hai cháu được gặp Bác. Bác hỏi cháu:

- Đồng bào miền Nam đấu tranh và chiến đấu như thế nào?

Cháu liền đứng lên vòng tay lại:

- Dạ, thưa Bác, đồng bào miền Nam đấu tranh không sợ gian khổ, chiến đấu không sợ bị thương, không sợ hy sinh, mà chỉ sợ mù hai mắt, sau này nước nhà thống nhất, Bác vào thăm không nhìn thấy Bác.

Cháu ngược nhìn lên lại thấy Bác rung rung nước mắt. Bữa ấy Bác cho cháu ăn cơm. Cháu ngồi bên Bác, Bác gấp thức ăn cho cháu...

Lần thứ ba, cháu được gặp Bác ở hội trường Ba Đình. Cháu mừng rỡ chạy lại ôm và hôn Bác. Bác hỏi cháu:

- Kỳ này cháu có ăn được cơm không, ăn được mấy bát?

Cháu đáp:

- Dạ, thưa Bác, cháu ăn được hai bát ạ!

Ăn thế là ít đấy! Cố ăn nhiều cho khoẻ vào.

Bác dặn thêm cháu phải giữ gìn sức khoẻ cho thật tốt, học tập văn hoá, chính trị, lao động cho thật tốt, đoàn kết tốt, thương yêu đồng đội tốt, phải nghe lời các cô, các chú dạy bảo.

Sau những giờ phút quý báu ấy cháu ra về, không muốn rời Bác, chỉ mong sao gần Bác luôn luôn.

Ngày tháng qua đi, bệnh của cháu lại phát triển, nên các chú đưa cháu vào viện. Được tin ấy, Bác điện vào thăm cháu. Lúc ấy bệnh cháu quá nặng, đến khi cháu tỉnh dậy, các chú nói lại, cháu vô cùng xúc động, vì Bác bao nhiêu là công việc mà Bác còn quan tâm đến sức khoẻ của cháu. Thời gian sau cháu xa Hà Nội về trường học, hàng ngày cháu luôn thực hiện lời Bác dạy.

Hồ Thị Thu - Dũng sĩ thiếu niên miền Nam,
Đời đời ơn Bác. NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1970.

22. BÁC CÙNG CÁC CHÁU THIẾU NIÊN DỪNG SỞ MIỀN NAM TIẾP ĐOÀN ĐẠI BIỂU HỘI HỮU NGHỊ CUBA - VIỆT NAM THĂM NƯỚC TA

Đoàn Văn Luyện kể: Tết năm 1969, chúng cháu lại được đón về Hà Nội. Các chú bảo đón về ăn Tết. Nhưng về đến cơ quan, nghe các chú dặn không được đi đâu trong buổi chiều hôm ấy, chúng cháu đoán ngay là được gặp Bác, nhất là khi thấy chiếc xe màu sữa của Phủ Chủ tịch đến đỗ xích ở cổng. Chúng cháu ủa lên xe. Hà Nội đang chuẩn bị Tết rất tưng bừng. Đường phố nào cũng thấy hoa đào.

Bác ra đứng ở trước nhà để đón chúng cháu. Cháu nhìn kỹ Bác, thấy Bác yếu hơn lần gặp trước, tuy Bác hồng hào. Bác hôn chúng cháu rồi bảo:

- Mấy cháu vào đây chơi rồi tiếp khách với Bác.

Chúng cháu lại được ăn cơm với Bác. Cơm xong, Bác lên xe đi đến phòng khách. Cháu nhìn theo, xe chỉ chạy chừng một trăm mét rồi dừng lại. Bác xuống xe đi vào nhà khách. Cháu nhìn Bác đi, lo lắng vô cùng. Trước kia có bao giờ Bác chịu lên xe để đi đoạn đường ngắn như vậy.

Chúng cháu đi lên theo. Đoàn đại biểu Cuba chưa đến. Bác bảo các cháu đến ngồi bên, rồi hỏi mấy cô phục vụ, mấy chú quay phim... Đoàn Cuba đã đến (đoàn đại biểu

Hội Hữu nghị Cuba - Việt Nam). Bà trưởng đoàn bắt tay Bác rồi xúc động khóc, Bác cũng rất xúc động. Bác giới thiệu từng cháu với Đoàn. Bác thuộc tên từng đứa một. Đến lượt cháu, Bác nói thêm:

- Cháu Luyện này lúc ra còn bé. Bây giờ đã lớn như thế này rồi.

**Đoàn Văn Luyện, Dũng sĩ diệt Mỹ tỉnh Quảng Nam,
Bác Hồ với thiếu nhi. NXB Kim Đồng, 1977**

23. NHỮNG KHÁCH “ĐẶC BIỆT” CỦA BÁC HỒ

Vào một buổi sáng mùa thu tháng tám năm 1990, trong đoàn người kéo dài vô tận vào thăm nhà sàn, nơi Bác Hồ kính yêu đã từng sống và làm việc, có hai cha con người Pháp. Người phụ nữ ngoài 50 tuổi, gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, dáng người mảnh mai, đi bên người cha có gương mặt đôn hậu, chất phác. Đó là hai cha con ông Ô-brắc, một gia đình người Pháp có nhiều kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Người phụ nữ mảnh mai kia là Ê-li-da-bét, người con gái đỡ đầu của Bác Hồ. Đi cùng với dòng người ngắm nhìn vườn cây ao cá, dừng chân hồi lâu bên nhà sàn, ông Ô-brắc bảo với con gái của mình:

- Đây là toàn bộ gia tài của người cha đỡ đầu của con đó, con có hiểu không con?

Những giọt lệ lăn trên má chị. Chẳng lẽ Bác Hồ - người cha đỡ đầu của chị không có một cái gì khác ngoài căn nhà sàn đã đi vào huyền thoại về lối sống trong sáng, giản dị, vườn cây, ao cá và thiên nhiên xanh ngắt quanh mình. Điều khó tin nhưng có thật. Mới đó mà đã 54 năm trôi. Biết bao kỷ niệm về Bác Hồ kính yêu không bao giờ phai mờ, nhạt nhòa trong ký ức của mỗi thành viên trong gia đình chị. Nhìn những em bé như bầy chim non vào Lăng viếng Người, chị càng hiểu sâu sắc câu nói không chỉ ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên trái đất, nơi Bác Hồ đã từng đến, ai ai cũng thuộc:

“Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

... Ngày ấy, khi chị mới ra đời trong một nhà hộ sinh ở một làng thuộc ngoại ô Pa-ri. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trên đất Pháp với tư cách là một thượng khách của Chính phủ Pháp. Báo chí xuất bản ở Thủ đô Pa-ri hoa lệ đều trang trọng in trên đầu trang nhất bức chân dung của Bác Hồ với những hàng tít lớn trang trọng.

Hội nghị Phông-ten-nơ-blô đang họp, Bác Hồ là thượng khách, tâm trí Người luôn hướng tới việc giành lại nền hoà bình, độc lập cho dân tộc, vấn đề Nam Bộ “là máu thịt của Việt Nam”. Ở trong toà lâu đài sang trọng, Bác Hồ cảm thấy không thoải mái vì không có vườn cây, thiếu hoa lá, thiên nhiên. Khi ông Ô-brắc đề nghị Bác đến ở tại ngôi nhà cổ kính của ông ở ngoại vi Pa-ri, Bác Hồ đã nhận lời dọn đến ở 6 tuần lễ.

Nơi đây, cứ chiều chiều sau giờ hội đàm, gặp gỡ với các chính khách, Bác Hồ thường dắt cháu Giăng Pi-e, 7 tuổi, con trai đầu lòng của ông bà Ô-brắc chủ nhà, đi dạo chơi khắp làng, thăm hỏi đời sống của bà con lao động, nói chuyện với ông lão trồng hoa, vui đùa với các em bé vùng ngoại ô. Có buổi trưa, ông Ô-brắc còn thấy Bác Hồ đang cùng con trai ông, Giăng Pi-e nghỉ trưa thanh thản trên bãi cỏ trong vườn.

Chính trong dịp này, vào ngày 15/8/1946, gia đình ông Ô-brắc đón một tin vui mới: cô con gái út vừa chào đời. Được tin này, Bác Hồ ngồi trên xe có hộ tống đến tận nhà hộ sinh chúc mừng bà Ô-brắc và cháu bé mới sinh. Bác Hồ đặt tên cho cháu bé là Ba-bét và nhận cháu làm con gái đỡ đầu của Người.

Từ ngày xa Pa-ri, xa vùng ngoại vi Pa-ri trở về nước, dù bận trăm công ngàn việc, lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc trường kỳ kháng chiến và những năm hoà bình ở miền Bắc cũng như cuộc đấu tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ vẫn luôn dành tình cảm của mình cho con gái đỡ đầu Ba-bét. Tháng 6/1967, ông Ô-brắc được Hội đồng các nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ô-brắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất vui và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Ba-bét của mình. Ông Ô-brắc chuyển cho Người món quà mà chị Ba-bét nhờ gửi đến cha đỡ đầu: một chiếc hộp vuông bên trong đựng một quả trứng được làm từ thứ đá quý. Theo chị cho biết thì “quả trứng đó là biểu hiện của sự sống, tương lai và hoàn hảo. Cha đỡ đầu của chị là hiện thân của những điều đó”. Khi chia tay, Bác Hồ gởi một tấm lụa nhờ ông Ô-brắc chuyển cho “con gái đỡ đầu của tôi để cháu may áo cưới”.

Hàng năm chị Ba-bét vẫn gửi thư đều cho Bác Hồ. Ngày Bác qua đời, cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hoà bình, cả gia đình ông Ô-brắc vô cùng thương tiếc Người. Bao nhiêu kỷ niệm, những món quà Bác gửi cho chị Ba-bét vẫn còn đó: bức ảnh nhỏ của Người, các con vật dễ thương bằng ngà, bằng sứ, tấm lụa Bác gửi để chị may áo cưới... vẫn còn đây. Và lần này, chị được sang thăm đất nước, thăm nơi ở, nơi làm việc của người cha “đỡ đầu về tinh thần” của mình...

Khi nghe chị thuyết minh nói rằng hai hàng ghế đá và bể cá vàng là nơi Bác Hồ thường dùng để tiếp các khách tí hon, “khách đặc biệt” của mình, chị Ba-bét nước mắt tuôn trào. Chị lặng lẽ ngồi xuống tấm ghế đá mát lạnh, mắt nhìn những con cá vàng tung tăng bơi lội trong bể, thả lòng mình trong những hoài niệm không bao giờ quên về Người. Tình thương bao la của Bác vẫn dành cho tất cả mọi người, đặc biệt nhất vẫn là các em nhỏ “như búp trên cành”. Chị Ba-bét cũng là một trong những “cháu bé” ngày nào đã được sưởi ấm bằng “muôn vạn tình thương yêu của Bác”.

Nguồn: Kim Dung,
Hồ Chí Minh bên Người toả sáng,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1977.

24. ĐÔI THỦ ĐÁNG YÊU

Ngày 7/2/1958 hơn 3.000 em thiếu nhi Ấn Độ đồng diễn chào mừng Bác Hồ. Các em hô vang sôi nổi “Cha, Cha Hồ!” (Bác Hồ). Thủ tướng Nê-ru ngồi cạnh Bác sung sướng nói vui:

- Ngài là đôi thủ đáng yêu của tôi, vì được các em gọi là Bác.

Ở Ấn Độ, các em thiếu nhi chỉ gọi Nê-ru là Bác Nê-ru, và Bác Hồ là người thứ hai được các em gọi là Bác.

Không khí hôm đó vui như ngày hội. Các em ùa lên tặng hoa, có em tặng Bác Hồ hai cái kẹo. Có em mù cả hai mắt được Bác ẵm lên sờ râu, sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách âu yếm. Trước tình cảm đó ai cũng cảm động.

Bá Công sưu tầm theo **Time of India** 8/2/1958,
Báo Nhân dân chủ nhật số 40 ngày 12/11/1989

25. QUÀ CỦA BÁC HỒ TẶNG CÁC CHÁU

Ngày Tết dương lịch năm 1960, mọi người lên Phủ Chủ tịch để chúc Tết Bác Hồ. Các cơ quan, đoàn thể trong nước, đoàn ngoại giao và Ủy ban Quốc tế đều đến đông đủ.

Vẫn trong bộ ka-ki giản dị, với phong thái ung dung, chủ động, Bác đáp lễ vui vẻ và nói lời chúc mừng.

... Sau tiệc ngọt, Bác cầm lấy một quả táo to cùng một túi kẹo đứng lên...

Bác đi đến chỗ ông đại sứ Ấn Độ và hỏi:

- Ngài đại sứ có đưa phu nhân sang đây không?

Vị đại sứ râu hùm, hàm én, lẫm liệt oai phong là vậy mà lúc ấy, vì vô cùng xúc động trước vinh dự bất ngờ, bỗng lộ vẻ lúng túng, ấp úng đáp:

- Thưa Chủ tịch... Cảm ơn Chủ tịch... Tôi chỉ đưa theo sang đây cháu trai năm nay chín tuổi.

- Thế thì - Bác Hồ nói - tôi gửi ông mang về cho cháu quả táo này và gửi cháu những cái hôn.

Mọi người đều xúc động và vô cùng cảm phục một cử chỉ vừa thân mật, tự nhiên của Hồ Chủ tịch.

Rồi quay lại phía khách nước ngoài, Bác nói:

- Tết nhất, ở nhà các vị chẳng thiếu thứ gì. Nhưng xin các vị hãy cầm lấy chút hoa quả ở trên bàn và mang về gọi là quà của Bác Hồ tặng các cháu ở nhà.

Cả phòng khách ồn ào nhộn nhịp hẳn lên. Khách nước ngoài, khách trong nước ủa đến bàn tiệc cầm lấy lê, táo, bánh kẹo, nét mặt hớn hờ.

Theo câu chuyện **Quả táo Bác Hồ**. Sdd, T. 2, tr .177.

26. MỘT CUỘC ĐỐI THOẠI SINH ĐỘNG

Một lần, thăm trại thiếu nhi Tiệp Khắc gần Pra-ha, Bác Hồ đã có một cuộc đối thoại sinh động với các cháu:

- Các cháu thân mến! Các cháu có biết Bác là ai không?
- Ano (Có ạ). Strycek Hồ! (Bác Hồ). Các cháu ríu rít trả lời.

- Bác từ nước nào đến?

- Việt Nam! Tất cả đồng thanh nói to.

- Các cháu có yêu học tập không?

- Ano!

- Có yêu lao động không?

- Ano!

- Bác Hồ rất yêu các cháu. Các cháu có yêu Bác Hồ không?

- Ano! Nhiều cháu chen nhau xin được hôn Bác. Bác cười đôn hậu nói vui:

Bác Hồ gầy, các cháu hôn Bác nhiều quá, Bác sẽ gầy hơn. Các cháu hãy cử đại biểu đến hôn Bác vậy.

Tất cả cười ngặt nghẽo.

Lê Bá Thuyên - Chủ tịch Hồ Chí Minh
sứ giả cho tình hữu nghị, Sđd, T. 2, tr. 181.

27. CHÁU CỦA BÁC HỒ

Vừa là người lo toan thế hệ nối tiếp cho tương lai, vừa là người thân chăm lo cho con cháu, có lẽ cũng vì vậy, mà dân ta, già trẻ, lớn bé đều gọi Người là Bác. Mà không chỉ nhân dân ta!

Rô-mét Chăn-đra, nguyên Chủ tịch Hội đồng hoà bình thế giới đã phát biểu trong dịp dự Hội nghị quốc tế “Việt Nam và thế giới” những lời chân tình, thân thiết: “Ở Việt Nam, các bạn tự xưng rất đúng mình là cháu của Bác Hồ. Các bạn đã cho phép chúng tôi thay mặt hàng trăm triệu nhân dân thế giới được có mặt hôm nay tại đây. Chúng tôi yêu cầu các bạn thêm một đặc ân nữa: Mong các bạn, những người cháu của Bác Hồ cho phép chúng tôi từ các nơi trên thế giới đều được tự nhận là cháu của Bác Hồ. Tất cả chúng ta, cháu của Bác Hồ ở tất cả các nước trên thế giới, sẽ tập hợp lại để giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh tiến lên những thắng lợi mới hơn nữa”.

Cháu của Bác Hồ.

Bác Hồ của các cháu.

**Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta,
Hồi tưởng của Vũ Kỳ, Sđd, T. 2, tr. 186.**

28. THƯỜNG NGÀY BÁC YÊU TRẺ CON MỘT CÁCH LẠ

Mọi người chúng ta đều biết Bác Hồ yêu thương trẻ em như thế nào. Chúng ta có thể kể ra biết bao hình ảnh sinh động, những kỷ niệm sâu sắc, nói lên tấm lòng yêu thương thấm thiết của Bác Hồ đối với trẻ em. Nghĩ đến trẻ em, tự nhiên chúng ta nghĩ đến Bác Hồ. Những đồng chí có vinh dự được sống gần Bác đều kể lại rằng, Bác Hồ có cảm tình đặc biệt đối với trẻ em.

Đồng chí Hoàng Hữu Kháng, Cục cảnh vệ Bộ Nội vụ kể:

“Có một đêm, Bác ngủ trên gác một căn nhà, tới 4 giờ sáng Người thức giấc. Ngoài trời gió vun vút đập vào cửa kính. Ngồi trong nhà còn thấy lạnh, thế mà đã có tiếng trẻ rao hàng dưới đường phố vọng lên. Bác mở cửa ngó xuống nhìn cho đến khi em bé đi khuất mới từ từ khép cửa lại”.

Nhà thơ Tú Mỡ nhớ lại trong Đại hội chiến sĩ thi đua năm 1952, sau một buổi chiếu bóng, mọi người lục tục đứng dậy ra về, Bác vội đứng lên đưa tay ra lệnh trật tự và nói to:

“Hãy khoan đã, để cho cháu bé ra trước, kéo lộn xộn các cháu sẽ lạc đấy”. Đồng chí Tú Mỡ thốt lên:

“Chao ôi! Óc sáng suốt của Bác thật lạ kỳ hiếm có! Bác chăm lo hàng vạn việc lớn mà không quên sót một việc

nhỏ mà người khác thường không nghĩ tới. Ai chú ý chăm sóc các cháu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

“*Chuyện thường ngày của Bác Hồ*” do đồng chí Hoàng Quốc Việt viết đã khẳng định:

“Bác yêu trẻ con một cách lạ! Đang trò chuyện, đọc báo mà nghe trên đài có tiếng trẻ em bé hát là Bác dừng lại nghe. Đã nhiều lần Bác thi với đồng chí phục vụ đoán xem em bé vừa hát xong mấy tuổi. Rồi Bác bảo đồng chí ấy, lúc nào tiện, hỏi bên đài phát thanh xem. Mặc dù đồng chí ấy thường ngày về nhà vẫn chăm sóc con nhỏ mà lại hay đoán sai, còn Bác thường là đoán trúng. Bác bảo một đồng chí ở gần Bác thỉnh thoảng đưa cháu nhỏ năm tuổi đến chơi với Bác. Nhưng vì Bác bận, phải chọn thời gian vào buổi sáng sớm. Cháu bé sắp được đến với Bác Hồ thì thích lắm, tự mình thức dậy rất sớm, giục bố đi từng phút một. Có lần đến, thấy trên nhà sàn chưa bật đèn, bố con chưa dám lên. Khi Bác bật đèn bố con lên nhà thấy Bác đã cầm sẵn trên tay mấy bông hoa cho cháu, Bác hỏi chuyện cháu rồi bảo hai bố con ngồi chơi đợi Bác tập thể dục. Bác tập xong vào nhà, thấy đồng chí ta không dám lấy kẹo bánh Bác bày sẵn cho ăn, Bác không bằng lòng và bảo:

- Ở nhà, cháu nó là con của cô chú, nhưng đến đây cháu là khách của Bác, chú có nhiệm vụ giúp Bác đãi khách chứ!”.

Kể chuyện Bác Hồ,
Sđd, T. 2, tr. 189.

29. DÀNH CHO CÁC CHÁU

Trước khi thiết kế ngôi nhà sàn gỗ của Bác tại Phủ Chủ tịch (tầng trên có hai phòng, một phòng Bác dùng làm việc, một phòng nghỉ. Còn tầng dưới là nơi Bác họp và tiếp khách). Bác có ý kiến:

- Khách của Bác có nhiều, có lúc Bác phải tiếp đông các cháu, vì vậy chú thiết kế cho Bác một hàng ghế xi măng bao quanh.

Vâng lời Bác, các đồng chí đã thiết kế hàng ghế đó. Mỗi lần các cháu đến, các cháu đều quây quần bên Bác và được Bác chia bánh kẹo.

Một hôm, Bác nói với đồng chí giúp việc:

- Chú xem, khách “tí hon” của Bác khá nhiều, để các cháu vui thì phải có cảnh cho các cháu xem, chú gắng kiếm một chiếc bể về để nuôi cá vàng làm cảnh cho các cháu.

Vâng lời Bác, đồng chí giúp việc đi tìm mua một bể nuôi cá đặt tại hành lang của tầng dưới ngôi nhà sàn và thả ba con cá vàng rất đẹp.

Hàng ngày, sau giờ làm việc, Bác thường cho cá vàng ăn. Người để dành những mẫu bánh mì làm thức ăn cho cá. Được Bác chăm sóc, ba con cá vàng ngày một lớn và phát triển.

Mùa đông trời lạnh, Bác nói:

- Cá cũng như người, mùa đông phải giữ nhiệt độ đủ ấm. Chú nên làm một chiếc nắp đậy bể cá để bảo đảm độ ấm cho cá.

Khách đến thăm nhà Bác, nhất là khách “tí hon” rất thích thú đứng ngắm bể cá vàng. những con cá màu sắc thật sặc sỡ, tung tăng, lấp lánh, bơi lặn trong bể nước.

Theo Bác Hồ người Việt Nam đẹp nhất,
Sdd, T. 2, tr. 189.

30. ĐỂ CÁC CHÁU LÀM CHỦ

Cũng chính tại ngôi nhà của Bác ở Phủ Chủ tịch có một sự kiện đáng ghi nhớ, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ với thiếu nhi. Từ ngày 22/6 đến ngày 11/7/1961, Bác đã dành chỗ đó cho các cháu làm phòng triển lãm “Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy”. Trong 20 ngày, có gần 10 vạn thiếu nhi đến xem triển lãm và vui chơi trong dịp hè. Bác Hồ, Bác Tôn đã đến nói chuyện và dự liên hoan với 2.000 thiếu nhi trong buổi bế mạc ngày 11/7/1961.

Đồng chí phục vụ Bác cảm thấy như vẫn còn sôi động khi vào dịp hè năm 1961 các cháu thiếu nhi tổ chức triển lãm “Làm theo 5 điều Bác Hồ dạy” trong nhà khách Phủ Chủ tịch.

Trung tâm triển lãm chính là phòng khách long trọng của ngôi nhà. Nhiều lần đầu tiên được đến nơi này thích lắm, chỗ nào cũng sờ, sung sướng lẫn cả ra nhà, ra bãi cỏ.

Những tiếng hát, tiếng cười nói vang vang, đúng là ngày hội. Có đồng chí sợ tiếng loa làm ảnh hưởng sang các cơ quan xung quanh nên xin Bác bỏ bớt loa đi, nhưng Bác bảo:

- Triển lãm của các cháu phải để loa mới vui.

Bác còn nhắc phải có nhiều kem, xi-rô, nước và bánh kẹo để phục vụ các cháu.

Thỉnh thoảng những khi nghĩ, Bác cũng ra xem các

cháu vui chơi. Có hôm Bác đi dạo ở phía dưới, thấy một phòng có kê các ghế băng. Bác hỏi các đồng chí ghế đó để làm gì. Đồng chí phục vụ thưa:

- Thưa Bác để dành cho các cháu bị một ạ.

Thấy vậy, Bác bảo:

- Sao dành cho các cháu mà lại không có giường?

Ngày hôm sau, các đồng chí phục vụ triển lãm đã liên hệ với Bộ Y tế, và các ghế băng được xếp lại nhường chỗ cho những chiếc giường xinh xắn.

Bác Hồ là như vậy. Khách của Bác, dù là những người nhỏ bé nhất cũng luôn được tôn trọng và quan tâm chu đáo.

Bác Hồ người Việt Nam đẹp nhất,
Sđd, T. 2, tr. 193.

31. TRONG ĐẠI HỘI ANH HÙNG CHIẾN SĨ THI ĐUA CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

Đại hội năm ấy, có sáu thiếu nhi đi dự, được Bác rất quan tâm. Hôm cuối Đại hội, các cháu rất vinh dự được lên ghế Đoàn Chủ tịch với Bác. Sướng quá, các cháu chạy ùa lên. Bác Hồ và Bác Tôn kéo ghế ra cho các cháu đứng vào cạnh hai Bác.

Trong đoàn thiếu nhi có Hoa Xuân Tứ bị cụt cả hai tay. Bác Hồ chăm chú nhìn Tứ, kéo Tứ lại gần. Bác giới thiệu với Đại hội:

- Dân tộc ta rất anh hùng, người lớn anh hùng, thiếu nhi cũng rất anh hùng. Như cháu Hoa Xuân Tứ này cụt hai tay mà vẫn học giỏi.

Rồi chỉ vào Đinh Thị Lê Kim, cô bé “Ba đảm đang”, Bác bảo:

- Cả cô bé hạt mít này cũng học lớp 6 rồi đấy.

Bác bắt nhịp cho Đại hội hát bài “Giải phóng miền Nam”, Bác không hát nhưng vỗ tay theo nhịp, mắt Bác nhìn triu mến.

Sau đó tất cả đại biểu anh hùng và tập thể anh hùng cùng các cháu thiếu nhi được chụp ảnh chung với Bác. Bác đứng giữa, các cháu thiếu nhi vây quanh.

... Bác lại cho đoàn đại biểu thiếu nhi được gặp riêng Bác.

Ngồi quây quần quanh Bác, các cháu được Bác hỏi tên từng người. Bác chia cho mỗi cháu một cái bánh, Bác hỏi:

- Về dự Đại hội, các cháu muốn nói gì nữa không?

Đinh Thị Lê Kim kể với Bác Hồ ở Thái Lan, Kim không được học, phải đi bán bánh, bị cảnh sát đánh. Kể đến đây, Kim khóc, Bác vỗ vai an ủi Kim, rồi Bác kể chuyện Bác hoạt động ở Thái Lan, Bác khen thiếu nhi ta rất anh hùng, dù là ở trong nước hay nước ngoài.

... Các cháu lại được chụp ảnh chung với Bác, hát cho Bác nghe bài “Nguyễn Bá Ngọc, người thiếu niên dũng cảm”.

Khi các cháu thiếu nhi ra về, Bác Hồ đứng trông theo cho đến khi xe của các cháu rời bánh.

Bác Hồ với thiếu nhi,
Sdd, T. 2, tr. 193.

32. BÁC HỒ CHỨ CÒN AI!

Trong Chiến dịch Biên giới, một lần đi gần tới Đông Khê (Cao Bằng), Bác rẽ vào nhà một đồng bào nghỉ ngơi. Một em bé Nùng gánh đôi báng nước từ dưới suối đi lên trông thấy cụ già quen quá mà không rõ gặp ở đâu rồi. Em nghĩ chưa ra thì cụ đã tới gần. Giọng cụ ấm áp:

- Cháu gánh có nặng không?

- Ô! Không nặng đâu!

Em bé vội đáp, ngạc nhiên trước cử chỉ của cụ. Em xốc lại đòn gánh thong thả bước. Cụ già bước theo lên cầu thang. Vào nhà, cụ hỏi em bé:

- Cháu tên là gì?

- Là Phấn.

Cụ già xoa đầu Phấn.

- Pá (bố) đi dân công phải không? Cháu làm việc nhiều quá.

- Pá đi dân công phục vụ chiến dịch. Cháu ở nhà giúp mẹ (mẹ) gánh nước. Không mệt đâu.

Cụ già lại hỏi:

- Cháu có biết đi dân công để làm gì không?

- Đi dân công để giết Tây.

Phấn trả lời cụ già, rồi kể:

- Thằng Tây nó ác hơn cọp ông à! Tàu bay nó bắn cháy

trường cháu ba lần. Bây giờ trường phải dời vào lũng xa lắm. Nó bắn chết cả Pu, con trường thôn.

Cụ già đặt tay lên vai Phấn, đôi mắt hiền từ nhìn Phấn, khẽ nói:

- Bao giờ hết giặc, cháu sẽ không phải vất vả như thế này nữa.

Hai Bác cháu nói chuyện thêm một lát nữa. Rồi Bác nhắc Phấn đi ngủ.

Đêm gần về sáng. Phấn còn đang yên giấc ngủ thì cụ già đã cùng mấy người khác đi. Lúc tỉnh dậy, thấy nhà trống trải, vắng vẻ quá, Phấn bật lên khóc. Nhìn lọ thuốc ho, chiếc khăn quàng cổ cụ già cho, lòng Phấn càng nhớ cụ khôn xiết.

Cho đến lúc ấy, Phấn chưa nhận ra cụ già trợ ở nhà mình là ai? Mãi đến khi Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, bố Phấn đi dân công về nghe chuyện mới quả quyết với con rằng:

- A lúi! Bác Hồ chứ còn ai!

Và hai bố con rất tiếc, nhưng rất sung sướng là Cụ Hồ đã đến ở nhà mình.

Bác Hồ kính yêu

Sđd, T. 2, tr. 197.

33. CUỘC GẶP BẤT NGỜ

Một lần vào đầu mùa xuân 1963, sau khi thăm cơ sở xong, trên đường về Hà Nội, thấy ngọn đồi có cây cối sum suê, Bác cho nghỉ lại. Lúc này giữa trưa vắng vẻ, mấy Bác cháu giờ cơm nằm ra vừa ăn vừa ngắm cảnh.

Vừa ăn xong, ngồi nghỉ được một lát thì nghe có tiếng lội bì bõm và tiếng người nói rì rầm. Mấy đồng chí đi theo Bác chạy ra thì thấy hàng chục thiếu nhi trai có, gái có, cháu cầm cào cỏ, cháu xách rổ hái rau, đang hướng về chỗ gốc cây to nơi Bác ngồi nghỉ. Đồng chí bảo vệ báo cáo tình hình với Bác, Bác cười:

- Các chú đi mời các cháu lại đây chơi với Bác, nhưng nhớ đừng làm các cháu sợ.

Các cháu sung sướng chạy ùa đến và quây thành vòng tròn quanh Bác, cháu nào cũng hớn hờ vui mừng.

Bác trìu mến nhìn khắp lượt và hỏi vui:

- Các cháu làm gì mà đông thế?

Một bé trai đáng lém lỉnh lễ phép đáp:

- Thưa Bác, một bạn thấy Bác xuống xe liền bảo chúng cháu ra xem Bác ạ!

Bác cười rất vui vẻ:

- Muốn xem à? Bác ngồi đây, cháu nào muốn xem thì xem cho kỹ.

Cả Bác, cháu và các chú cùng đi cười vui vẻ. Bác hỏi tiếp:

- Các cháu đều đi học cả chứ? Ở đây có cháu nào không được đi học không?

- Dạ, chúng cháu đều đi học cả ạ

Bác cười hiền hậu:

- Thế là tốt. Thế các cháu học có giỏi không? Có ngoan không nào?

Nhiều cháu phấn khởi trả lời Bác.

- Chúng cháu giỏi ạ, có ngoan ạ!

Bác gật đầu hài lòng và bảo các cháu hát. Các cháu đưa mắt nhìn nhau và cùng hát vang bài “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”.

Thế là giữa thiên nhiên trời đất bao la một dàn đồng ca gồm các nghệ sĩ tí hon biểu diễn say sưa dưới bàn tay bắt nhịp của Bác Hồ kính yêu.

Hát xong, Bác triu mến nhìn các cháu và cất giọng hiền từ:

- Bác cảm ơn các cháu đến thăm Bác, hát cho Bác nghe.

Bác mong các cháu học chăm, học giỏi, vâng lời thầy cô và cha mẹ. Bây giờ Bác phải đi tiếp, Bác cháu ta tạm chia tay nhau ở đây.

Vũ Kỳ kể - Nguyễn Hoàng ghi,
Sdd, T. 2, tr. 201.

34. BÁC HỒ THĂM VƯỜN HOA NGHÌN VIỆC TỐT

Sáng mùng một Tết Đinh Mùi (9/2/1967), Bác Hồ về Tam Sơn gặp mặt đại biểu các dân tộc Hà Bắc họp ở chùa Cẩm Ứng.

Xe Bác vừa tiến vào sân trường, Nguyễn Thế Hải, học sinh lớp một đang nô đùa cùng bạn, bỗng reo lên:

- Bác Hồ! Bác Hồ!

- Bác Hồ về thăm quê hương nghìn việc tốt.

Cả đám thiếu nhi dừng chơi, xúm lại vây quanh xe Bác.

Đồng chí cán vụ từ trong xe bước ra nhắc nhở các em rời mở cửa, mời Bác xuống.

Bác tươi cười nhìn các em rồi hỏi:

- Các cháu đang chơi Tết?

- Thưa Bác vâng ạ!

- Thưa Bác, năm mới, chúng cháu kính chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu!...

Các em đua nhau nói những điều từ lâu mong được thưa với Bác, nhưng hồi hộp quá, nói không được nhiều...

Bác Hồ rất vui. Nghe các em nói xong, Bác bảo:

- Các cháu làm nghìn việc tốt, có nhớ và làm theo những điều Bác dặn không?

- Thưa Bác có ạ! - Nguyễn Thế Hải đứng nghiêm đọc liên hồi 5 điều Bác Hồ dạy như đọc đồng thanh ở lớp.

Tất cả đều cười. Nhưng ai cũng vui vì Hải đã trả lời đúng.

Khi Bác cùng các đồng chí lãnh đạo bước lên chùa, Đội thiếu nhi danh dự đã dâng hoa tặng Bác, Bác nhận bó hoa từ tay Liên đội trưởng Nguyễn Toàn Thắng rồi trao cho đồng chí cán vụ.

Bác hỏi Thắng:

- Cháu học có giỏi không? Có được phần thưởng của Bác không?

- Thưa Bác có ạ! Cháu được nhận phần thưởng của Bác hai lần: Một lần một cuốn sổ, một lần hai quả cam.

- Cháu đã được phần thưởng của Bác, cháu phải giúp đỡ các bạn học thật giỏi, lao động thật giỏi... để nhiều người cùng được phần thưởng của Bác, thế mới tốt!

- Thưa Bác vâng ạ!

Kể chuyện Bác Hồ,
Sdd, T. 2, tr. 203.

35. CÁC EM SẠCH VÀ NGOAN THẬT!

Đầu năm 1967, Bác Hồ về thăm tỉnh Thái Bình. Các em thiếu nhi xóm Dân Chủ hát vang bài “Giải phóng miền Nam” đón Bác. Bác hỏi:

- Các cháu có ngoan không?
- Thưa Bác có ạ! Các cháu cùng trả lời.
- Các cháu có vâng lời cha mẹ không?
- Thưa Bác có ạ!
- Các cháu ăn ở có sạch sẽ không?
- Thưa Bác có ạ!
- Chia tay cho Bác xem nào?

Những bàn tay xinh xắn, chìa ra trước mặt cho Bác xem. Bác gật đầu hài lòng lắm vì thấy cuộc sống của các cháu nhỏ ở nông thôn đã thay đổi dần với cuộc sống của dân làng.

Các em sạch và ngoan thật. Bác Hồ lấy kẹo chia cho các cháu rồi lại tiếp tục đi.

Kể chuyện Bác Hồ

Sdd, T. 2, tr. 203.

36. ĐỐI VỚI CÁC CHÁU BÉ

Đối với các cháu bé, Bác có một sự gần bó mật thiết, một tình cảm triu mến, hiền hòa và chu đáo.

Nhớ lại hồi cách mạng mới thành công, Bác Hồ rất thích thú mỗi khi nghe tiếng trống ếch rộn ràng, nhìn những bước đi cổ tỏ ra vẻ oai nghiêm, nhưng vẫn đầy nét trẻ thơ của các em.

Có những lúc từ buồng làm việc trên tầng cao ở Bắc Bộ phủ, Bác phải đứng nhìn qua vai người khác để các cháu không thấy Bác và Bác được tự do ngắm nhìn các cháu. Trong những ngày vui lúc đó, các em thường mặc đồng phục quần xanh, sơ mi trắng, đầu đội mũ ca-lô. Bác đứng nhìn các cháu rất lâu, rất lâu. Người suy nghĩ điều gì?

Buổi tối, khi làm việc, có tiếng hát của cháu bé, Bác ra hiệu dừng lại, cùng lắng nghe. Rồi Bác hỏi:

- Chú thử đoán xem, cháu bé này bao nhiêu tuổi?
- Thừa Bác, năm tuổi.
- Theo Bác thì ít hơn.

Khi hỏi lại các đồng chí bên Đài phát thanh, tôi thấy Bác thường đoán đúng hơn. Có gì khó hiểu đâu, vì Bác đã nghe rất nhiều, nghe rất chăm chú. Và chắc là, vừa nghe, Bác vừa tưởng tượng ra cô bé hoặc chú bé tí xúu đó!

Nhưng tôi vẫn chưa hiểu vì sao đang làm việc Bác vẫn để dài? Có lần tôi hỏi có nên tắt dài đi không, Bác nhìn tôi trầm ngâm nói:

- Cứ để đấy chú ạ. Để nghe cho có tiếng người. Chú ở nhà, dù con khóc hoặc vợ nói dối, có khi nặng lời, nhưng đều là tình cảm gia đình...

**Theo Vũ Kỳ, Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta,
Sdd, T. 2, tr. 206.**

37. QUẦY QUẦN BÊN BÁC

“Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt Nam”...

Đó là tiếng hát của các em học sinh thuộc hệ sơ trung của Trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Nhạc viện Hà Nội) vang lên sôi nổi trong ngày 1/6/1969 khi các em được vinh dự biểu diễn báo cáo thành tích học tập với Bác Hồ kính yêu lần cuối cùng trước khi Bác mất.

Hôm ấy, tuy sức khoẻ Bác đã yếu nhưng Bác rất vui khi thấy các cháu biểu diễn đàn vĩ cầm, đàn dương cầm rất giỏi và các cháu còn biểu diễn rất hay, rất say sưa những loại dân dân tộc cổ truyền như: sáo, nhị, bầu... Bác gọi các cháu là “những nghệ sĩ tí hon”, “những nghệ sĩ tương lai” rồi Bác hỏi:

- Các cháu phải học giỏi để sau này phục vụ nhân dân.

Bác ôm các cháu vào lòng, hỏi han từng người:

- Cháu chơi đàn gì?

- Bố mẹ cháu làm gì?

Khi các em giới thiệu với Bác cây đàn thập lục và tam thập lục. Bác cười và bảo:

- Ta có tiếng ta, sao các cháu không gọi là đàn 16 dây và đàn 36 dây có hơn không?

Từ đó hai cây đàn này đã được mang một cái tên đơn giản bằng ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã chỉ bảo và mỗi lần nhắc đến cái tên này các em đều nhớ tới Bác.

Sau mỗi tiết mục biểu diễn, Bác vỗ tay thật to và nói:

- Các cháu vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn đánh đàn hay chứ!

Khi chia kẹo cho các cháu, Bác bảo:

- Cho cháu này thêm một cái vì bé nhất và đánh đàn hay.

Quây quần bên Bác có các cháu ở thành phố, ở nông thôn, là con em cán bộ, công nhân, nông dân, các dân tộc miền núi, ở cả hai miền Nam Bắc.

Bác Hồ với các mầm non nghệ thuật,
Sdd, T. 2, tr. 208.

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?
- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.
- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lùi?
- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi và các ngõ phố ạ.

Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?

- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.
- Khổ cực như thế nào?
- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.
- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?
- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: “Từ nay cháu phải phấn đấu bỏ cái tên “lủi”, giữ lại cái tên Quốc...”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thềm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em trèo treo bên hông đi xin sữa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng “có” vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: “Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa”.

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lùi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong trái tim.

Son Tùng, Hoa râu bụt,

Sdd, T. 2, tr. 212.

được dịch ra nhiều thứ tiếng như tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức... Ở Mỹ, ngày 11/8/1971, một nhà xuất bản chuyên ấn hành loại sách phổ cập đã đặt in 50 vạn cuốn *Nhật ký trong tù*. Một tập thơ được xuất bản với số lượng lớn như vậy là điều chưa từng thấy ở Mỹ. Nhiều chiến sĩ đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, bị giam trong các nhà tù của Mỹ, cũng đã thuộc lòng một số bài thơ của Bác. Chẳng phải bây giờ người ta mới thuộc mà trước khi chúng ta xuất bản rộng rãi tập thơ đó, một số đồng chí Trung Quốc đã nhớ nhiều bài trong tập thơ đó.

Quách Mạc Nhược, nhà học giả nổi tiếng của Trung Quốc nhận xét: "... Có một số thơ rất hay, nếu xếp chung vào tập thơ Đường, Tống, c rằng cũng không dễ gì nhận ra". Theo Lô Tấn, thơ theo kiểu cổ, đến nay phần nhiều mất hết sức sống, "tất cả những bài thơ hay đến đời Đường đã làm hết rồi", thì đủ thấy *trình độ Hán học* cũng như thi tài của Bác *uyên thâm xuất sắc* đến mức nào rồi.

Ngoài "*Nhật ký trong tù*" ra, Bác còn làm nhiều thơ bằng chữ Hán, Bác xen vào nhiều bạch thoại, có khi sửa lại câu thơ xưa cho hợp với hiện thực ngày nay. Điều đó chứng tỏ Bác nhớ nhiều và nhớ lâu văn chương cổ điển của Việt Nam, Trung Quốc và vận dụng độc đáo, sáng tạo, linh hoạt trong tác phẩm của mình. Và cũng như trong nhật ký, ngòi bút của Bác chẳng bao giờ ngừng nghỉ, dù là viết chữ Hán đòi hỏi trí nhớ cao. Có thể nói là Bác đã "xuất khẩu thành thơ". Mẫu chuyện nhỏ sau đây đã chứng tỏ điều đó.

Sau khi kết thúc cuộc đi thăm mười nước cộng hoà Xôviết, 19 thành phố và thủ đô trong một tháng trời, sáng

ngày 1/8/1959, Bác sang thăm Trung Quốc. Trên máy bay, Bác thanh thân đọc sách và ngắm cảnh. Khi bay qua biển cát, đến núi Thiên San, thấy phong cảnh nên thơ, Bác đã làm ngay một bài tứ tuyệt như sau:

Vọng Thiên San

*Dao vọng Thiên San phong cảnh hảo
Từ hà bạch tuyết bão thanh san
Triêu dương sơ xuất xích như hoa
Vạn đạo hồng quang chiếu thế gian*

Trông núi Thiên San

*Xa xa trông núi Thiên San, phong cảnh đẹp
Răng tía, tuyết trắng ôm lấy ngọn núi xanh
Mặt trời buổi sáng ló ra đỏ rực như lửa
Muôn tia ánh hồng soi khắp thế gian.
Bài thơ đã được Bác tạm dịch như sau:
Xa trông cảnh đẹp núi Thiên San
Ráng đỏ vây quanh, tuyết trắng ngàn
Sáng dậy mặt trời như lửa tía
Muôn hào quang đỏ, chiếu nhân gian.*

Bác đã dịch, biên dịch hoặc biên soạn được biết bao nhiêu tư liệu quý báu nhằm phục vụ kịp thời cho cách mạng. Sau hơn ba mươi năm trời xa đất nước, Bác lại trở về. Trong chiếc va-li mây của Bác (hiện còn ở Viện Bảo tàng cách mạng) chỉ vền vền có mấy thứ, trong đó có quyển *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* bằng tiếng Hán, Bác lược dịch quyển này làm tài liệu huấn luyện cán

Việc du học bị nghiêm cấm. Thế nhưng Bác vẫn kiên quyết ra đi với hai bàn tay trắng và một vốn tiếng Pháp ít ỏi học được trong nhà trường.

Mùa hè năm 1911, Bác đặt chân lên đất Pháp. Tiếng Pháp là một “trở ngại” trong bước đầu đi tìm đường cứu nước, cứu dân của Bác. Bác hiểu ngay rằng mình phải giao thiệp bằng tiếng Pháp để làm ăn sinh sống, để học tập và hoạt động cách mạng. Nhờ động cơ học tập đúng đắn và mạnh mẽ đó nên Bác đã nhanh chóng tìm ra được nhiều cách học thông minh, sáng tạo. Ngay trên chuyến tàu sang Pháp, Bác đã tranh thủ lúc rỗi để học đọc và viết tiếng Pháp với hai người lính trẻ được giải ngũ trở về Pháp. Họ cho Bác mượn những quyển sách nhỏ bằng tiếng Pháp. Khi đến thành phố Lor Ha-vơ-rơ, Bác học tiếng với cô Sen. Tóm lại, những người xung quanh dạy Bác học. Muốn biết một vật nào đó tiếng Pháp gọi là gì. Bác chỉ vật ấy rồi hỏi, xong viết vào mảnh giấy, dán vào chỗ hay để ý nhất, để vừa làm việc vừa học được. Có khi viết chữ vào cánh tay. Tối đi làm về, Bác rửa tay rồi lại viết các chữ khác. Học được chữ nào, Bác ghép câu dùng ngay. Giảng Long-ghe, cháu ngoại Các Mác, là chủ nhiệm báo “Dân chúng”, cơ quan của Đảng Xã hội Pháp (hồi ấy Đảng Cộng sản Pháp chưa thành lập), đã khuyến khích Bác viết về Việt Nam. Nhưng bây giờ, Bác chưa giỏi tiếng Pháp. Muốn viết gì, Bác phải nhờ luật sư Phan Văn Trường. Ông là một nhà trí thức yêu nước, đậu tiến sĩ luật khoa ở Pa-ri, nhưng ông không muốn ký tên ở dưới và không viết hết điều mà Bác muốn nói, Bác rất khó chịu vì mình kém tiếng Pháp, Bác nghĩ: muốn tuyên

truyền cho nước ta, nhưng không viết được chữ Pháp. Làm thế nào bây giờ? Nhất định phải học viết cho kỳ được”. Bác làm quen với chủ bút tờ báo “Đời sống thợ thuyền”, Bác ngó ý muốn viết bài nhưng ngại vì tiếng Pháp còn kém. Chủ bút bảo: “Điều đó không ngại, có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài cho anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài; năm sáu dòng cũng được”. Viết xong bài, Bác chép thành hai bản, một bản giữ lại. Lần sung sướng nhất trong đời viết văn, làm báo của Bác là bài đầu tiên được đăng trên tờ “Đời sống thợ thuyền”. Năm ấy là năm 1917. Bác đã so lại xem đúng sai chỗ nào, toà báo sửa cho như thế nào. Sau này, khi thấy đã bớt sai, ông chủ bút lại bảo: “Bây giờ anh viết dài một tí, viết độ bảy tám dòng”. Rồi cứ thế, Bác viết được cả một cột báo, có khi dài hơn. Lúc ấy, người chủ bút (là bạn thân của Bác) lại bảo viết ngắn lại. Rút ngắn cũng khó như kéo dài. Nhờ kiên trì rèn luyện nên Bác đã thành công.

Lần sung sướng thứ hai là khi mẫu chuyện về Pa-ri của Bác được đăng.

Thường thì suốt ngày làm việc, Bác đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Thấy Tôn-xtôi viết giản dị, rõ ràng, Bác rất thích và cũng viết một bài phóng sự về khu phố công nhân nghèo khổ nơi Bác ở. Sáng nào cũng viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi. Bây giờ phải đi làm. Khi viết trời rét buốt. Ngón tay tê cóng. Sau một tuần cặm cụi, Bác hoàn thành tác phẩm đầu tiên của mình. Bác nói với các đồng chí trong Ban văn học toà soạn báo “Nhân đạo” rằng: “Tôi rất sung sướng nếu

kiện *lịch sử*, nó cũng là tác phẩm *văn học* lớn bằng tiếng nước ngoài trong văn học sử Việt Nam.

Bác dùng tiếng Pháp rất linh hoạt. Trong quãng đời mười năm ở Pháp, Bác đã *diễn thuyết, nói chuyện, phát biểu* ở nhiều nơi. Nhưng đáng chú ý nhất là lời phát biểu của Bác ở Đại hội Tua (năm 1920) và “Bản tham luận về dân tộc thuộc địa” ở Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5 (năm 1924). Hai lần phát biểu bằng tiếng Pháp đó chứng tỏ nhãn quang sáng suốt và sâu sắc về chính trị cùng tài năng tiếng nước ngoài của Bác, dường như Bác muốn nói gì, diễn tả như thế nào thì tiếng Pháp lúc đó đủ để phục vụ cho nhu cầu đó (Ở Liên Xô còn giữ được bản ghi lời phát biểu bằng tiếng Pháp của Bác ở Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5 và Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã chụp lại được bản ấy). Sau này, khi đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bác vẫn còn dùng tiếng Pháp ở nhiều nơi, nhiều lúc, rất có hiệu quả.

Tháng 5 năm 1946, Bác chủ động đến nói chuyện với một số lính Pháp đóng trong thành Hà Nội. Lúc ấy, quan hệ giữa ta và thực dân Pháp khá căng thẳng. Nhiều đồng chí đã di theo và bảo vệ Bác. Tướng Xa-lăng giờ đủ ngón này ngón nọ ra với ý đồ “tác động tinh thần”. Thật đúng là Bác đang đi vào nơi hang hùm miệng rắn vậy. Thế nhưng, Bác vẫn thản nhiên, ung dung, dùng thứ tiếng Pháp điêu luyện “rất Pháp” của mình để nói về tình yêu quê hương đất nước, về sự giải phóng nước Pháp khỏi bọn phát xít Đức, về nguyện vọng và ý chí của dân tộc Việt Nam là giành cho được độc lập, tự do... Lính Pháp vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Xa-lăng bị một cú bất ngờ, hấn sợ nguy

cơ phản chiến, nên hốt hoảng vội mời Bác nghỉ với lý do là “Sợ Chủ tịch mệt” (!?).

Vài ngày sau, Bác sang Pháp, nhiều người lo cho Bác vì bấy giờ đã có một máy bay Pháp chở một vị lãnh tụ ở Trung Đông đâm vào núi. Thế nhưng, “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, lại cũng vì tin tưởng ở Đảng Cộng sản và các lực lượng cách mạng ở Pháp nên Bác vẫn ra đi. Mấy tháng ở Pháp, Bác đã làm chấn động dư luận Pháp và thế giới, hết sức có lợi cho cách mạng. Có nhiều câu chuyện, ở đây chỉ xin nêu ra một mẫu chuyện có liên quan tới việc dùng tiếng nước ngoài của Bác.

Trong một buổi họp báo của Bác ở Pa-ri có gần một trăm phóng viên các nước đến dự. Một nhà báo tò mò hỏi:

- Thưa ngài Chủ tịch, Ngài là Cộng sản phải không?
- Phải - Chủ tịch Hồ Chí Minh điềm đạm trả lời.
- Ngài đã tham gia phong trào kháng chiến?
- Đã tham gia.
- Bao lâu?
- Gần 40 năm.
- Hình như Ngài đã từng ở tù?
- Ở các nhà tù khác nhau.
- Có lâu không?

Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười. Nhìn thẳng vào mặt nhà báo tò mò, Chủ tịch nói: - Ở trong tù, thời gian bao giờ cũng lâu cả.

Trả lời đơn giản và bất ngờ. Đó là sự chế nhạo kín đáo

hay là ý muốn ngắt lời nhà báo thiếu lễ độ nọ? Có một điều rất rõ, người Pháp, người Anh, người Mỹ đã hiểu được rằng con người có chòm râu nhọn ấy có thể mỉm cười ở Pa-ri, Luân Đôn cũng như ở Hà Nội. Đó là nụ cười của một nhà tiên tri biết mở rộng biên giới của hiện tại.

Câu chuyện dưới đây do giáo sư Trần Hữu Tước, anh hùng lao động, Viện trưởng Viện Tai - Mũi - Họng Việt Nam kể lại:

Trong thời gian đàm phán ở Pháp, hoạt động của Bác thật phong phú, Bác đọc nhiều báo và các bài nói về Việt Nam để nghiên cứu. Bác còn đi nghe hoà nhạc, xem vũ ba-lê, tham quan cơ sở bảo tàng... Sau khi ký bản Tạm ước vào nửa đêm 14/9/1946, Bác cùng vài người nữa về nước trên một thông tin hạm dài hơn trăm mét của Pháp. Lúc qua vịnh Cam Ranh để về Hải Phong, đô đốc Đắc-giăng-li-ơ lúc ấy thay mặt Chính phủ Pháp ở Đông Dương điện ra xin gặp, cho nên tàu ghé vào Vịnh. Thì ra chúng bố trí rầm rộ. Hai thủy phi cơ bay lượn quanh chiến hạm bảy tầng lính thủy của Đắc. Đắc kéo hết các loại cờ, giương hết các nòng pháo. Bác chỉ đi với mỗi giáo sư Trần Hữu Tước lên tàu. Đôi phó như vậy thật hiệu quả ngay. Khi ra cửa tàu đón, Đắc đã phải nói ngay với giọng cáo già: “Thưa Chủ tịch, đến tuổi tôi, tôi lại được học rằng, đi với thầy thuốc là... thượng sách!”. Bác chỉ mặc giản dị, thái độ thản nhiên, đường hoàng với phong cách người chủ ở đây, còn sự loè loẹt của chúng lại trở nên xa lạ, ngượng ngùng. Tiệc trên chiến hạm là một cuộc đấu trí. Đề lưu ý xỏ xiên rằng Bác đang ngồi giữa hai tướng Pháp lừng danh (tức bị “đóng khuôn” kẹp chặt), giữa một bên là

dô đốc thủy quân Thái Bình Dương, một bên là thống soái lục quân Viễn Đông, Đắc-giăng-li-ơ lưỡi dềo quẹo, vừa cười vừa nói: “Monsieur le président, vous voi la bién encadre par l’ Armeéc et la Marine!” (Chủ tịch thật bị “đóng khung” giữa lục quân và hải quân đó!). Hấn cố nói kiểu nhất gừng, tách riêng và nhấn mạnh những tiếng “bién encadre” (thật bị đóng khung). Nói xong, Đắc dương dương tự đắc y cùng đồng bọn cười khoái chí vì câu nói hiểm hóc đó. Nhưng rồi chúng cũng ngồi lịm đi khi Bác mỉm cười, ung dung trả lời ngay: “Mais, vous savez, Monsieur l’ Amiral, c’est le tableau qui fait la valeur du cadre!” (Nhưng mà Đô đốc biết đấy, chính bức hoạ mới đem lại giá trị cho chiếc khung!). Hồi tưởng lại, câu nói của Bác như có một ý nghĩa tiên tri: Pháp thua nhưng “vinh dự là thua Việt Nam”. Trong bữa tiệc, còn nhiều câu trả lời ý vị bằng thứ tiếng Pháp *đúng giọng* và điêu luyện của Bác ứng đối với bọn thực dân. Cuối cùng, chúng thấy thực là đau nên phải thôi cái trò chơi chữ ấy. Nhiều câu chuyện của Bác hồi đó nay đã trở thành những giai thoại diệu kỳ.

Bác Hồ với tiếng Anh

Qua tiếng Pháp, Bác học thêm tiếng Anh.

- *Tại sao đi Anh?*

Bác nói là dễ học tiếng Anh.

Bác sang Anh có nhiều mục đích, nhưng chắc chắn cũng là để học thêm một thứ tiếng nước ngoài ở ngay trên đất nước nói tiếng đó. Bác muốn học được nhanh hơn,

thuận lợi hơn nên sang Anh để có một *môi trường* tiếng Anh tốt hơn là ở đất Pháp. Tất nhiên, vẫn phải *vừa làm vừa học*. Ngày nay, đường phố Hây-ma-kít lớn rộng giữa thủ đô Luân Đôn còn ghi dấu vết tiệm ăn khách sạn Các-lơ-ton (Carlton Hotel), nơi khoảng năm 1914 Bác đã làm phụ bếp ở đây, Khách sạn lớn nhất nước Anh hồi bấy giờ có ông vua bếp nổi tiếng là Êt-cốp-phi-e được huân chương vinh dự. Cũng làm ở tiệm này có ông Nam, người đồng hương với Bác.

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh?

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

- Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Đã hai mươi năm tôi ở thành phố này mà không biết hơn, ngoài hai chữ Yes và No (vâng và không).

- Phải học chứ. Chúng ta sẽ cùng nhau học.

Trước khi đến khách sạn này, Bác đã đi làm công việc đốt lò. “Ở đây thật đáng sợ” vì luôn luôn ở trong cảnh “tranh tối tranh sáng”, vì “trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét”. Không đủ quần áo nên Bác bị cảm, phải nghỉ việc luôn hai tuần. Khi Bác trả tiền thuê phòng, tiền bơ, bánh mì và tiền “sáu bài học chữ Anh” rồi, trong túi chỉ còn vền vền có sáu hào rưỡi! Bác đã phải “thắt lưng buộc bụng” để học tiếng Anh trong một hoàn cảnh khó khăn như thế đấy!

Thường ngày, Bác phải làm từ 8 đến 12 giờ, chiều từ 5 đến 10 giờ. Phương tiện học là vài quyển sách và một cây bút chì. Sớm chiều, Bác đến ngồi ở vườn hoa Hay-đơ, nơi

có nhiều cây to, cột đèn cổ xưa để học. Vườn hoa Hay-đơ (Hyde Park) là nơi mít tinh thị uy của nhân dân lao động ở Luân Đôn. Thật là một cuộc “gặp gỡ” kỳ thú! Trước kia, Lênin và Cơ-rúp-skai-a cũng đã học tiếng Anh ở vườn hoa này! Có lần, khi đến thăm một lớp học, Bác nói rằng học tiếng nước ngoài phải kiên nhẫn, vượt khó, có lúc Bác phải ra vườn hoa Hay-đơ học vì “ở đây lạnh không buồn ngủ”.

Quả là như vậy, một ngày làm đến 9, 10 tiếng vất vả, ăn mặc thiếu thốn, tiếng Anh học đã khó lại thêm phương tiện, điều kiện chẳng có gì. Bác phải *tự học, không thầy, không bạn, không trường, không lớp*. Do đó Bác phải tìm một chỗ học thuận lợi hơn, giúp thêm cho nghị lực quyết tâm và điều kiện học của mình hơn. Đó là điều bình thường thôi. Dĩ nhiên, “hàng tuần, vào ngày nghỉ”, Bác vẫn đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý.

Ở Anh không lâu, thời gian học cũng ngắn, thể nhưng trình độ tiếng Anh của Bác chẳng thua kém gì mấy so với tiếng Hán và tiếng Pháp là những thứ tiếng thành thạo của Bác, Bác học tiếng Anh chủ yếu trong thời gian này. Trong tờ báo “Phong trào”, số tháng 10 năm 1969, Rơ-nê Đi-pét có viết rằng: Trên đường đi tìm hiểu thế giới, ở mỗi nơi tàu dừng lại, “đối với anh Ba, đều là một trường đại học”, ở đó anh đã trực tiếp thu lượm được những hiểu biết về sự tàn bạo của bọn tư bản. Tuy vậy, Bác cảm thấy cần phải mở rộng kiến thức của mình bằng sách vở.

Ở Luân Đôn, Bác đã làm nhiều nghề khác nhau để có tiền ăn học. Trong thời gian chiến tranh, Bác đã để thì giờ

để nghiên cứu lịch sử thế giới, học tiếng Anh và suy nghĩ về tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Qua nhiều tư liệu, ta thấy Bác nói giỏi tiếng Anh, thông thạo văn hoá và lịch sử Anh, Mỹ - nhất là Mỹ. Bác đã dịch nhiều đoạn, nhiều câu rút trong báo chí Anh, Mỹ và các nước khác để đưa vào tiểu phẩm của mình. Tài liệu nói về Mỹ của Bác đã lên đến *hàng mấy trăm bài* với các thể loại khác nhau, đề cập *toàn diện và sâu sắc* đến nước Mỹ (Bác ký nhiều tên khác nhau).

Qua thăm nhiều thành phố ở Mỹ như Oa-sinh-tơn, Niu Oóc, Bô-ston... xem nhiều sách báo về Mỹ, những việc đó đã phần nào giúp Bác hiểu tường tận hơn về những *dự đoán khoa học, kết luận cách mạng* thiên tài hơn. Qua nghiên cứu, ta thấy Bác là nhà lý luận về chủ nghĩa thực dân nói chung cũng như về chủ nghĩa thực dân (kiểu mới) nói riêng. Chính tiếng Anh (của Bác) đã giúp nhiều cho Bác trong hoạt động đó. Bác đã đọc biết bao nhiêu là sách tiếng Anh, nào là Uy-li-am Sécch-xpia (1564 - 1616), nhà viết kịch thời Phục hưng, nào là Sác-lơ Đích-ken (1812 - 1870), nhà văn hiện thực phê phán vĩ đại, nào là Ha-ri-ét-bít-chơ Stao (1811 - 1896)... cho đến đủ loại báo chí tiếng Anh như báo “Bang Oóc-lê-ăng mới”, báo tin tức hàng ngày ở Giắc-xơn... Bản thân Bác cũng là một nhà báo đã từng viết bài bằng chữ Anh. Khi cùng làm việc với Bô-rô-đin, cố vấn Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ cách mạng Quảng Châu, Bác giữ nhiều nhiệm vụ quan trọng trong đó có việc phiên dịch từ tiếng Hán sang tiếng Anh và ngược lại, Bác đã viết bài và phụ trách mục tuyên truyền cho tờ Quảng Đông ra hằng ngày, báo bằng chữ

Anh của Trung ương Quốc dân đảng. Đó là những ngày cuối năm 1924 và đầu năm 1925. Trong thời gian ở Hương Cảng, Bác đã làm cho hãng Thông tấn Rút-sta (Rulcta) của Anh và đã dành dùm tiền lương để nuôi anh em, đồng chí Việt Nam hoạt động ở đây.

Bài viết chữ Anh của Bác thì nhiều lắm. Hiện nay, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng của ta còn giữ được Bản báo cáo của Bác gửi Quốc tế Cộng sản bằng chữ Anh (tháng 2 năm 1924); Bức thư Bác gửi Quốc tế Cộng sản (tháng 12/1924), bản “Đề nghị” (Proposition) và “Lời kêu gọi” (Appeal) bằng chữ Anh. Đó là những văn kiện lịch sử quan trọng.

Dưới sự chủ tọa của Bác, đại diện cho Quốc tế Cộng sản, Hội nghị thành lập Đảng họp vào ngày 3/2/1930 đã thông qua các văn kiện của Đảng, trong đó có “Lời kêu gọi” này của Bác. Hiện nay ta vẫn chưa sưu tầm được bản gốc bằng tiếng Việt của văn kiện, do đó bản tiếng Anh của “Lời kêu gọi” kèm theo Bản báo cáo của Bác gửi cho Quốc tế Cộng sản (cũng vào dịp đó) có một ý nghĩa quan trọng đối với công việc nghiên cứu lịch sử Đảng ta.

Tiếng Anh còn được Bác dùng nhiều trong việc giao thiệp, tiếp xúc, họp báo. Qua cuốn sách của Trần Dân Tiên, ta được biết thêm một chuyện lý thú: “Cuối năm 1944, một chiếc máy bay Mỹ lượn trên Cao Bằng và bị hỏng máy. Phi công trẻ tuổi - trung úy Sao (Shaw) nhảy dù xuống một hòn núi gần tỉnh lỵ. Sao được Việt Minh cứu thoát.

Trước việc này, Việt Minh đã chỉ thị cho các hội viên

trong toàn quốc phải cố gắng giúp đỡ đồng minh. Những người Việt Minh Nam Bộ đã liên lạc bí mật với nhiều lính Mỹ, Anh bị giam ở Sài Gòn, nhưng vì không hiểu tiếng của nhau nên họ không thể thảo luận và làm những việc có ích hơn (...) Sao rất vui sướng khi được gặp Cụ Hồ gần biên giới. Từ một tháng nay nhịn nói, Sao bây giờ có thể tha hồ nói. Sao thỉnh cầu Cụ Hồ đi với mình đến Bộ Tổng tư lệnh Không quân ở Côn Minh. Cụ Hồ vui vẻ nhận lời... Hai người chia tay sau năm ngày đi với nhau trên đất Trung Quốc (Tất nhiên là Sao đã được năm ngày tha hồ nói!). Bác đến Côn Minh (Vân Nam), người Mỹ gặp Bác để cảm ơn. Sau đó Bác đi Quảng Tây và gặp tướng Sen-nô (Chennault), Tổng tư lệnh Không quân Mỹ ở Trung Quốc. Qua nhiều ngày nói chuyện với tướng Sen-nô, với Đại tá Hê-li-oen (Heliwell), với Trung úy Sao,... Bác nắm được nhiều tình hình. Theo Giu-lơ A-sơ trong cuốn *Hồ Chí Minh - chuyện thân kỳ của Hà Nội*, thì hồi ấy, “trong khi chờ đợi, Cụ đã đồng ý dịch viết và dịch nói cho “Bộ Thông tin chiến tranh của Mỹ” những tài liệu quan trọng lấy được của địch (tức của phát xít Nhật).

Qua tiếp xúc với nhiều hoạt động trên, Bác nắm được rất nhiều tin tức, Bác rất chủ động. Chúng phải tin, phục và kính nể Bác. Việc giúp Sao, việc di thương lượng với phái bộ đồng minh (Mỹ) ở Trung Quốc, việc nhận giúp đỡ các nạn nhân của đồng minh thoát khỏi nanh vuốt phát xít Nhật... là để thực hiện một sách lược phong phú và linh hoạt hết sức có lợi cho đấu tranh cách mạng. Hồi ấy, Bác thường đến cơ quan đồng minh Mỹ trong một khu rừng ở Việt Bắc, nhờ thạo tiếng Anh nên nghệ thuật “tác chiến”

đổi ngoại của Bác càng thêm tài tình. Theo R. Sáp-lên, trong *Điều bí ẩn về Cụ Hồ Chí Minh* (Enigma of Hồ Chí Minh) thì tháng 5 năm 1945, một trung úy Mỹ tên là Giôn nhảy dù xuống Việt Bắc với mục đích nhằm xây dựng một cơ sở giúp các cá nhân của đồng minh thoát khỏi vùng do phát xít Nhật chiếm đóng. Giôn đã sống và làm việc với Bác trong vài tháng. Ngay lúc đó, Bác đã chuẩn bị cho bản “Tuyên ngôn độc lập” về vang của chúng ta sau này. Bác hỏi Giôn có thể nhớ một đoạn văn của bản “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ không? Anh ta trả lời rằng “Tôi là một người Mỹ bình thường, tôi không thể nhớ được. Tôi có thể gọi điện đến Côn Minh và sẽ có một bản thả xuống cho tôi”. Sau này Giôn rất khâm phục Bác: “Cụ dường như thực sự biết (về bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ) hơn tôi. Thực tế là, Cụ đã biết hơn tôi về hầu hết mọi thứ”. Mãi sau này, Giôn vẫn còn giữ hai lá thư bằng chữ Anh mà Bác đã gửi cho anh ta ở trong rừng ngay sau khi Nhật đầu hàng đồng minh. Trong thư ấy, Bác đã dùng cả những khẩu ngữ, ví dụ Bác dùng chữ Japs (mang nghĩa xấu, có nghĩa là bọn Nhật - phát xít).

Có lần, một vị Tổng thống của một nước bạn đến thăm. Ta đón tiếp nồng nhiệt. Khách cao tuổi đi không vững. Sau khi ôm hôn, Bác dìu khách đi chậm từng bước dọc theo tấm thảm nhung đỏ. Giản dị, chân tình và khiêm nhường Bác đỡ vị khách lên bục. Khách nói tiếng Anh. Dù Bộ Ngoại giao ta đã bố trí người dịch giỏi, nhưng Bác không câu nệ thủ tục ngoại giao, *nhằm tranh thủ chính trị* nên đã dịch sang tiếng Việt cho mọi người nghe. Không khí gần gũi. Giới ngoại giao ngạc nhiên và xôn xao. Việc

làm ấy, bình thường, không phải công việc của một Chủ tịch nước, nhưng đã có sức cảm hoá lớn. Người ta thấy ngay vẻ ngạc nhiên, kính cẩn của các vị khách đối với “người phiên dịch” hiếu khách, quý bạn vĩ đại này. Ngày lên đường, trong diễn văn từ biệt, vị khách nhiều hơn Bác đến sáu tuổi và là người đứng đầu của một nước lớn này, đã kính trọng gọi Bác là “người anh cả”.

Bác nghe tiếng Anh cũng thạo. Trước cách mạng, hồi còn ở Trung Quốc, Bác đã phải nghe máy thu thanh để theo dõi tin tức quốc tế nhằm phục vụ cho công tác cách mạng. Bác kể lại rằng: Việc nghe ra-di-ô cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến cái máy thu thanh, không biết đài nào phát, phát giờ nào và làn sóng nào. Bác thức suốt năm đêm, vận đi vận lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Qua một số mẩu chuyện trên, ta thấy Bác giỏi tiếng Anh về nhiều mặt, cũng vì vậy nên không ai lấy làm ngạc nhiên khi trong thiên hồi ký của mình, đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhắc đến chuyện hồi còn hoạt động bí mật ở Trung Quốc, nhiều đồng chí Trung Quốc ở Quốc Dương cứ mong đồng chí Hồ Quang (một bí danh của Bác) đến công tác để dạy họ “nói tiếng Nga và tiếng Anh”.

Đồng chí Hoàng Xuân Sính (giáo sư, tiến sĩ toán học) cũng nhớ lại một kỷ niệm xa xưa khi mình còn niên thiếu (khoảng 1945 - 1946).

Bác đến thăm trường nữ trung học ở Hà Nội. Sính đang học bài tiếng Anh thì Bác vào, theo sau là cô Hiệu trưởng.

Cả lớp bật dậy vỗ tay nồng nhiệt. Bác ra hiệu cho tất cả ngồi xuống và Sính được tiếp tục đọc bài tập ghép vần. Giọng Sính không được bình thường vì cô bé xúc động trong niềm vui sướng bất ngờ. Vì thế, Sính phát âm sai khá nhiều. Bác đến gần Sính và ôn tồn đọc lại cho nghe những câu trong bài. Sính chăm chú đọc theo Bác, nhưng cảm động nên vẫn đọc sai. Bác kiên trì chữa lại cho từng câu. Hơi nghiêng người về phía Sính, hai tay đưa lên cổ vũ khích lệ, Bác nói dịu dàng: “Cháu đọc thế này mới đúng”.

Bác Hồ với tiếng Nga

“Ông Nguyễn được dẫn đến khách sạn Quốc tế (...), ông Nguyễn rất bằng lòng được ở một căn phòng rộng rãi, ăn uống đầy đủ, sách báo không thiếu”.

Ông Nguyễn bắt đầu học tiếng Nga.

Hai ngày sau, một người Pháp trẻ tuổi, Pôn, đến tìm ông Nguyễn. Đây là một người bạn thân của ông Nguyễn (...).

- Anh đây ư? - Pôn hỏi.
- Vâng, tôi đây - ông Nguyễn trả lời.
- Anh làm thế nào mà đến đây được?
- Như lệ thường thôi, bằng cách bí mật.
- Anh đến đây vào lúc đang buồn. Lênin vĩ đại vừa mới mất (...). Anh thấy xứ này thế nào?
- Tôi thấy rất rét. Ngoài ra không biết chuyện gì khác, vì tôi đã hứa với người cán bộ là không ra khỏi khách sạn.

- A! Đúng thế, ở đây rất nghiêm ngặt, vì có nhiều do thám ngoại quốc tìm cách lọt vào nước này.

- Còn anh Pôn, anh làm gì ở đây?

- Suýt nữa tôi quên nói cho anh biết nhiệm vụ của tôi. Chính bác Ca-sanh đã bảo tôi đến đây xem có đúng anh không, và đưa anh đến Mạc Tư Khoa.

- Thế thì chúng ta đi ngay, Tôi không muốn mất nhiều thì giờ ở khách sạn này, mặc dầu thịt rán và thuốc lá rất ngon.

- Gavaris po ruski? (Anh biết nói tiếng Nga rồi sao?)

- Đa! (vâng)”.

Qua một số câu đối thoại trên đây, ta thấy Bác bắt đầu *học tiếng Nga lúc mới đặt chân lên đất nước Liên Xô*, đất nước của Lenin vĩ đại. Trải qua bao nhiêu nguy hiểm, gian lao, đến khách sạn sang trọng này bình thường ra mà nói, người ta phải nghỉ ngơi một thời gian, thế nhưng Bác đã *tranh thủ học tiếng Nga ngay*. Và chỉ trong một thời gian ngắn, Bác đã nghe và nói được một số câu thường dùng trong đời sống hàng ngày. Đó là một điều làm anh bạn thân của Bác phải ngạc nhiên. Cũng với tinh thần ham học hỏi đó, mà trước sau trong khoảng 5 năm ở Liên Xô, Bác đã có thể nắm được khá thành thạo thứ tiếng thuộc dòng Sla-vơ này, thứ tiếng mà có lần Bác nói là “khó đọc lắm!”. Ta hiểu rằng tiếng Nga là một thứ tiếng *khác xa* với tiếng Việt, Hán và cả tiếng Anh, Pháp nữa. Nói chung chẳng có gì gần gũi với tiếng Việt. Có người đã nói vui rằng: học xong

sáu cách* thì có một cách thứ bảy nữa là “cách chuẩn!” để chỉ những ai đó học tiếng Nga không bền bỉ, thiếu quyết tâm. *Nếu cố gắng thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua được.*

Anh hùng lao động Đỗ Chanh, người đã vinh dự được gặp Bác đã kể lại rằng:

Cuối tháng 4 năm 1956, khi kết thúc khoá học, anh chị em lớp cán bộ công nghiệp sắp đi thực tập ở nước ngoài vào thăm Bác. Bác hỏi lớp bao nhiêu người, có khoẻ không, vui không...

- Các cô, các chú đi Liên Xô thì có được học tiếng Nga không?

- Có ạ.

- Học mấy tháng?

- Thưa Bác, bốn tháng ạ.

- Học có tốt không?

Tất cả ngập ngừng, không ai dám trả lời. Bác chỉ mỉm cười, chỉ một đồng chí ngồi gần:

- Chú nói xem nào: “ăn”.

Chả biết lúng túng thế nào, đồng chí đó phát âm sai, tiếng “ăn” gần giống như tiếng “tắm”. Tất cả cười. Bác cũng cười vui.

Bác có kinh nghiệm về học và dùng tiếng nước ngoài. Đó là một điều chắc chắn, riêng tiếng Nga chẳng hạn, Bác

* Sáu cách biến đổi ngữ pháp của tiếng Nga.

đều luôn lưu ý học và dùng tiếng Nga trong nhiều lĩnh vực hoạt động. Thời kỳ ở Liên Xô (từ năm 1933 đến 1938) là thời kỳ Bác có điều kiện trau dồi tiếng Nga hơn cả. Bác vào học trường bổ túc các lãnh tụ do Quốc tế Cộng sản mở. Bác lấy tên là Li-nốp, giống với tên gọi Nga. Khi viết bài bằng tiếng Pháp để gửi về nước, Bác lại lấy tên là Lin cho hợp với tên gọi Pháp. Bác cũng làm việc ở Viện Nghiên cứu lịch sử phương Đông của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Theo đồng chí Nguyễn Khánh Toàn thì “Bác vào trường Lênin là trường Đảng cao cấp cho các lãnh tụ các nước ngoài”, rồi sau chuyển hẳn sang Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời làm việc ở Quốc tế Cộng sản. Bác vào học lớp nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Bác cũng đồng thời “nhận phiên dịch ra tiếng Việt tài liệu”.

Bác đã từng viết rất nhiều bài cho một số báo chí Liên Xô như “Đời sống công nhân Ba-kin-xki”, “Tiếng còi”, “Tạp chí Đỏ”, “Thời mới”, “Sự thật”... Bác cũng từng đi nhiều nơi trên đất nước rộng lớn nhất thế giới này, từng tiếp xúc với nhiều người, nhiều tầng lớp. Vì thế, Bác nói và nghe được tiếng Nga.

Theo nhà báo Thép Mới, người được đi cùng với Bác sang thăm Liên Xô năm 1955, thì một đồng chí ở Mạc Tư Khoa cho rằng: Từ trước đến nay, những người nổi tiếng trên thế giới đến Liên Xô mà nói được tiếng Nga có đồng chí Mô-rít Tô-rê (Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp), nhà

nghệ sĩ da đen người Mỹ Pôn Rốp-sơn và nay có đồng chí Hồ Chí Minh nữa là ba”.

Bác đã sang thăm Liên Xô nhiều lần, đi nhiều nơi, đến đâu cũng nói một ít tiếng Nga. Riêng trường “Ngoại ngữ Hồ Chí Minh” ở Iec-kút, Bác đã đến thăm mấy lần. Đây là một học viện dạy tiếng nước ngoài của Liên Xô mang tên Bác vào cuối năm 1969 và là trường kết nghĩa với Trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Nhà trường còn giữ lại nhiều kỷ niệm đẹp đẽ về Bác. Các đồng chí Liên Xô vẫn còn nhắc lại với lòng xúc động về những buổi gặp gỡ Bác xưa kia. Chính tiếng nước ngoài mà Bác đã dùng làm tăng thêm bầu không khí ấm cúng trong tình đoàn kết quốc tế đó.

R. Các-men, nhà điện ảnh Liên Xô, người làm bộ phim “*Việt Nam trên đường thắng lợi*”, đã được gặp Bác trong một căn nhà nhỏ ở Việt Bắc. Bác nói chuyện với Các-men bằng tiếng Nga:

- Cụ học tiếng Nga như vậy có khó khăn không?
- Người cách mạng phải biết tiếng nói của Lênin!

M. Giu-láp-xki, nhà văn và là nhà báo Ba Lan sang thăm Việt Nam, được gặp Bác nhiều lần. Lần gặp thứ hai của ông là một ngày thu năm 1954. Giu-láp-xki bước vào một căn nhà lợp rạ, tường quét vôi trắng. Ông chưa kịp uống nước thì Bác bước vào và chào bằng tiếng Nga. Buổi nói chuyện thân mật bắt đầu. Bác ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không phải dịch nữa, rồi ngồi nghe đồng chí phóng viên báo “Sự thật” (Liên Xô) nói chuyện. Đôi khi Bác trả lời lại bằng tiếng Nga. Thỉnh thoảng Bác còn nói

chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên tạp chí “Đoàn kết” (Unita), cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Ý; bằng tiếng Anh với phóng viên báo “Công nhân” (Worker), cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Mỹ. Tất cả những người nước ngoài có mặt hôm ấy đều tỏ vẻ ngạc nhiên, khâm phục. Dường như đoán được điều đó, Bác mỉm cười nói bằng tiếng Pháp:

- Các nhà báo nước ngoài thường hay kể những chuyện phóng đại về tôi. Nhưng cũng có những chuyện đúng. Khi còn trẻ, quả thật tôi có làm bồi bếp trên tàu, có đến Mỹ, Anh, Đức. Tôi cũng đã từng sống ở Pa-ri và bắt đầu hoạt động cách mạng cùng các đồng chí Pháp. Nhiều lần tôi qua Liên Xô, Trung Quốc. Ở đâu tôi cũng được công nhân dạy cho tiếng của nước họ. Tôi sống cùng với công nhân ở Ý rồi cả ở châu Mỹ nữa...

Đới Hoàng, một nhà văn Trung Quốc, tác giả quyển hồi ký *“Ghi lại những ấn tượng về Chủ tịch Hồ Chí Minh”* cũng nói lên những cảm tưởng tương tự. Nhưng thời gian xảy ra trước buổi gặp mặt trên ít tháng và không gian là một địa điểm kín đáo trong rừng sâu Việt Bắc. Đó là bữa tiệc liên hoan mừng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đới Hoàng có nhiều ấn tượng đẹp đẽ về Bác, trong đó việc sử dụng tiếng nước ngoài của Bác là một “ấn tượng” sâu sắc, Bác đã dùng tiếng Nga, tiếng Pháp thăm hỏi tình hình sinh hoạt của các bạn bè quốc tế, hỏi về việc ăn uống, nhà ở, khí hậu ở rừng xứ nóng, đường sá khô ướt ra sao... Lúc nói với Đới Hoàng, Bác lại dùng tiếng Hán.

Bữa tiệc diễn ra trong bầu không khí tung bừng náo

nhật. Ai cũng muốn vui chung, muốn nói lên những cảm nghĩ đang rạo rực trong lòng mình, nhưng rồi đành chịu ngồi yên vì vương phải “hàng rào ngôn ngữ”. Dường như đoán được điều đó, Bác nói: “Nào các đồng chí có gì cứ nói hết đi, tôi làm phiên dịch cho các đồng chí”. Bác nhắc nhở mọi người ăn, giục “cạn chén”, “không được làm khách”. Câu nào cũng nói bằng đủ các thứ tiếng Nga, Hán, Pháp...

Trong thiên hồi ký của mình, Đới Hoàng cũng khâm phục nhắc đến việc Bác thường trực tiếp đọc và dịch những tác phẩm của chủ nghĩa Mác - Lênin, và đã dịch cuốn tiểu thuyết “Tình uỷ bí mật” của Liên Xô (tiếng Nga) sang tiếng Việt.

Lại nữa, có lần đoàn chuyên gia các nước anh em vào chúc Tết Bác. Vì trường hợp đặc biệt nên lần này không có phiên dịch. Thấy mọi người có vẻ lúng túng, Bác mỉm cười bảo: “Thôi được, Bác sẽ dịch cho!”. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói đến đâu, Bác dịch đến đấy bằng các tiếng Nga, Hán, Anh, Pháp. Các đồng chí chuyên gia nhìn Bác với một vẻ khâm phục, triu mến. Không khí càng thêm chan hoà, thắm tình hữu nghị anh em. Sau buổi tiếp khách, Bác bảo: Dịch không phải dễ đâu, tiếng nói là phải chính xác. Bác kể có một đồng chí phiên dịch đã dịch câu “Chúc Hồ Chủ tịch mạnh khoẻ sống lâu” sang tiếng Việt là “Chúc Hồ Chủ tịch bách niên giai lão!” (Câu dùng để chúc cô dâu chú rể trong các đám cưới). Tất cả mọi người có mặt đều phá lên cười vui vẻ, đồng thời ai nấy đều hết sức thấm thía những lời khuyên của Bác.

Bác thường dùng tiếng Nga để tiếp khách, nói chuyện và thường chỉ dùng một số câu, nhưng cũng có khi Bác trò chuyện khá lâu với các đồng chí Liên Xô. Hai mẫu chuyện sau đây đã chứng tỏ điều đó.

Tơ-ra-chi-a-cốp, Thuyền phó thứ nhất tàu Giắc-gin-xki (Liên Xô) phát biểu rằng: ngày 30/5/1957 là một ngày rất vui mừng của thủy thủ tàu này, vì đồng chí Hồ Chí Minh đã tới thăm tàu, đặc biệt là “trong cuộc nói chuyện thân mật với anh em thủy thủ, đồng chí Hồ Chí Minh luôn dùng tiếng Nga, mà không cần phiên dịch, chúng tôi rất vui sướng khi thấy Người nói tiếng Nga một cách thông thạo”.

Xéc-gây-đô-rốp, Trưởng ban thuộc Viện Nghiên cứu toàn Liên bang về nghề đánh cá biển và bản đồ đại dương của Liên Xô đang công tác ở Việt Nam, đã đến gặp và trò chuyện thân mật với Bác vào một ngày gần cuối năm 1959. Trong thiên hồi ký viết mười năm sau, đồng chí cảm thấy sâu sắc rằng: Dù các buổi gặp gỡ có trôi qua theo năm tháng đi nữa, nhưng đồng chí vẫn nhớ rõ những chi tiết nhỏ nhất của bầu không khí vô cùng ấm cúng và thân thiết mà người đã tạo nên.

Sáng 25/8/1957, Bác đã trực tiếp nghe được “tiếng nói của Lênin” khi tới thăm phòng làm việc của Người ở Điện Xôn-ni, Bác rất chăm chú nghe bài diễn văn của Lênin được thu vào băng đĩa nhan đề: “Chính quyền Xôviết là gì?”. Những câu hỏi, những lời nhận xét của Người chứng tỏ rằng hiểu biết rất rõ, rất sâu sắc ngay cả các vấn đề nghiên cứu khoa học về biển, đại dương.

“Đồng chí Hồ Chí Minh hỏi chuyện chúng tôi bằng tiếng Nga rất thạo”.

Tiếng nói đó cũng góp phần làm tăng thêm bầu không khí đoàn kết hữu nghị giữa các nước anh em. Nhà báo Úc Man-côm Xan-mơn (đã từng dạy tiếng Anh ở Hà Nội trong 3 năm), khi được tin Bác mất đã nhớ lại quang cảnh tiêu biểu, mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, diễn ra hồi 9 năm về trước. Xan-mơn thấy Bác tươi cười từ trong hội trường đi ra, hai tay quàng vai hai người đi hai bên, đó là đồng chí Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô sang dự Đại hội lần thứ 3 của Đảng Lao động Việt Nam, và đồng chí Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc. “Chủ tịch Hồ Chí Minh rất hoạt bát. Cụ quay sang bên này nói bằng tiếng Trung Quốc, lại quay sang bên kia nói bằng tiếng Nga. Dáng người mảnh dẻ của Cụ có sức hấp dẫn hai vị khách. Cảnh tượng đẹp dễ ấy diễn ra ngay trong ngày bế mạc đại hội, lúc các đại biểu chia tay nhau ra về.

Bác Hồ với các thứ tiếng khác

Trong bản lý lịch đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7, Bác đã ghi: biết các thứ tiếng Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga. Trong bản lý lịch in sẵn bằng hai thứ tiếng Anh, Pháp: “Đồng chí biết những thứ tiếng gì?”, Bác đã viết bằng tiếng Nga để trả lời câu hỏi ấy, dưới ký tên bằng chữ Nga (AuI). Như vậy là rõ: Ngay từ năm 1935, ngoài tiếng Hán, Pháp, Anh, Nga được xem là những ngôn ngữ quốc tế thông dụng ra, Bác còn biết cả tiếng Đức và Ý cũng là hai thứ tiếng quốc tế nữa.

Bác học tiếng Đức từ bao giờ?

Năm 1923, trên đường đi công tác, Bác tuy chỉ ghé qua thủ đô Bá Linh trong một thời gian ngắn, Bác vẫn học và có học được tiếng Đức. Lúc học, Bác mua báo Đức để tập đọc. Bác nói: “Tiền mua một tờ báo lúc đó trải rộng ra bằng cả tờ báo!”. Chúng ta biết rằng hồi ấy nước Đức đang bị nạn đói nghiêm trọng, nạn lạm phát tồi tệ. Theo Xanh-tơ-ni, một nhà ngoại giao Pháp thì hồi ấy ở Bá Linh, Bác đã học xong phần cơ bản của tiếng Đức. Nhờ biết nhiều thứ tiếng nên Bác học tiếng Đức cũng nhanh và với việc dùng thường xuyên, với phản xạ nhạy bén mà sau này Bác có thể sửa vài chỗ đồng chí phiên dịch không chính xác. Như khi sang thăm nước Cộng hoà dân chủ Đức chẳng hạn, Bác đến nói chuyện với anh chị em học sinh thực tập sinh Việt Nam cùng các thầy cô giáo Đức. Đồng chí giỏi tiếng Đức nhất lớp được cử ra dịch. Bác giới thiệu có đồng chí Bộ trưởng Bộ Giáo dục cũng đến đây, nhưng đồng chí ấy lại dịch thành Bộ trưởng Bộ Văn hoá. Bác đã chữa lại cho.

Còn nhớ có một lần, một nhà điêu khắc nước Cộng hoà dân chủ Đức tỏ ý mong đắp tượng Bác. Nề lắm Bác mới nhận lời. Trong quá trình làm việc, đồng chí ấy mới biết Bác có thể nói được nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Đức. Nhà điêu khắc tài giỏi này lúc ấy mới thấy mình lãng phí, không điều tra nghiên cứu kỹ tình hình nên đã đưa cả phiên dịch sang.

Về đọc, Bác cũng thành thạo. Khi đoàn Việt Nam đi dự Đại hội liên hoan thanh niên thế giới ở Đức về, đang tự

học quanh đồng lửa thì Bác đến. Một người đưa cho Bác một lá thư dài bằng tiếng Đức. Đây là thư của một tù binh Đức trong quân đội lê dương bị bắt trong chiến dịch biên giới năm 1950. Do chính sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ ta nên anh được trao trả về nước. Người tù binh ấy hiểu rõ sự thật, trong thư, anh gửi tặng Bác ảnh hai vợ chồng, anh báo tin là vợ anh có mang, anh xin Bác nhận làm cha đỡ đầu cho đứa trẻ... Bác dịch ngay tức khắc cho mọi người nghe, dịch tới đâu ai nấy đều phá lên cười vui vẻ đến đấy...

Như vậy là, tiếng Đức tuy Bác ít sử dụng và không được thành thạo bằng các thứ tiếng Pháp, Anh, Nga của Bác thế nhưng nhiều người - kể cả người Đức - cũng vẫn kinh ngạc về vốn liếng thứ tiếng của Mác - Ăng-ghe-nh này của Bác. V. Xan-bao, Ủy viên thường trực Ban thư ký Ủy ban đoàn kết với Việt Nam của Cộng hoà dân chủ Đức được gặp Bác. Đồng chí cảm thấy “một điều rất lạ là sau 37 năm trôi - kể từ năm Bác qua hoạt động bên nước Đức - Bác vẫn nói tiếng Đức một cách chính xác”.

Về tiếng Ý, cũng có một mẩu chuyện vui vui. Khi còn hoạt động bí mật ở nước ngoài, trên đường đi công tác, Bác ghé qua nước Ý. Đến biên giới, bọn cảnh sát canh gác biên phòng của bọn phát xít đã giờ xem quyển “Tự điển chống cộng quốc tế” dày khoảng 2000 trang, ghi tên tuổi những người cách mạng các nước từ vần A đến vần Z. Khi không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép: “Mời ông cứ đi!” Thế là Bác vào được nước Ý, nơi mà phụ nữ “hát rất hay”, “trong như tiếng chuông”. Bác

đã đến cửa biển Náp-lơ, đi thăm núi lửa Vê-xu-vô, đi tích phố Pom-pê-i, thủ đô Rô-ma và đến dự hội chợ Mi-lăng. Ở đây có một cái tháp cao, lên tháp xem phong cảnh xung quanh phải mua vé. Bác đã chào cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý: “Sao cụ, đời sống thế nào?”, “Ồi, khổ lắm ông ạ! Biết bao giờ sẽ chấm dứt chế độ này!”. Rồi Ý, Bác đáp tàu Nhật sang Xiêm.

Về Xiêm (nay gọi là Thái Lan), Bác lấy tên là Thầu Chín, hoặc Chín Thầu nghĩa là ông già Trung Quốc. Bác đóng vai một nhà báo Trung Quốc. Theo đồng chí Lê Mạnh Trinh, người xưa kia đã được Bác dạy bảo thì bây giờ “việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: Ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm cũng không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền, vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp ở nơi đây. Mặt khác, tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối”. Trước tình hình ấy, Bác chủ trương “làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam”, “xin phép Chính phủ Xiêm cho lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm”. Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan hợp tác cùng học chữ Xiêm; số người cùng học được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín đề ra trong thời gian đầu, mỗi ngày học 10 chữ, về sau tăng dần lên. Mọi người chê ít, đòi học nhiều hơn.

Thầu Chín chủ trương học 10 chữ thôi. Mọi người cho

rằng nhất định mình học được. Chưa đầy 3 tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm (còn những người khác thì chỉ hăng hái, vô vấp lúc đầu, về sau dần dần “bữa đục bữa cái”. Kết quả “chữ thầy lại theo thầy!”.

Lớp học tiếng Xiêm kể trên là lớp học ngoài giờ làm việc, “lớp không chuyên”, thì sức học như Bác đề ra là hợp lý, bảo đảm thành công mà trí nhớ không bị suy yếu vì học quá nhiều, quá khó trong một lúc, nhất là vào thời gian đầu. Sở dĩ Bác học chữ, tiếng Xiêm được nhanh và tốt như vậy, là nhờ mục đích cao đẹp tạo nên sự say mê, hào hứng, thái độ nghiêm túc kiên trì, kinh nghiệm già dặn trong việc học tiếng nước ngoài, cộng với một sự hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ của Bác.

Chính nhờ nhiều nhân tố học tập đó mà trong quá trình học tập, rèn luyện, Bác Hồ kính yêu của chúng ta cũng đã nắm được tiếng Tây Ban Nha. Do thông thạo tiếng Anh, Pháp, Bác học tiếng Tây Ban Nha chẳng lấy gì làm khó khăn cho lắm. Hơn nữa, con người với “đôi bàn chân đã đi khắp thế giới” ấy, từng đặt chân lên nhiều nơi ở vùng châu Mỹ La-tinh như Pa-na-ma, U-ru-goay... là những nước nổi tiếng như Tây Ban Nha, lại còn đến cả Tây Ban Nha nữa, thì chắc rằng cái vốn của thứ tiếng quan trọng đứng hàng thứ ba về số người nói (sau tiếng Hán và Anh) này của Bác cũng không phải là quá ít ỏi. Trước khi trúng cử Tổng thống nước Cộng hoà Chi-lê, ông Xan-va-đo A-gien-dê Gớt-xen đã sang thăm Việt Nam. Tháng 6/1969, A-gien-dê được gặp người tượng trưng cho cả dân tộc Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vị chính khách

được gặp Bác này bày tỏ niềm kính phục vô hạn trước đức độ, tài năng của Bác. Riêng về tiếng nước ngoài, xin trích ra đây một đoạn “băng ghi âm” cuộc nói chuyện giữa Tổng thống và nhà báo Pháp Rê-gi Đơ-bray:

Đơ-Bray: Đồng chí Hồ Chí Minh rất giản dị trong cách đối xử.

A-gien-đê: Thái độ của Người giản dị không thể tưởng tượng được. Trong cách đối xử với chúng tôi, Người thân ái một cách đặc biệt! Nổi bật khi Người nói với chúng tôi bằng tiếng Tây Ban Nha: “Cảm ơn các đồng chí!” và bao giờ cũng vậy, Người nói thêm: “Đất nước các đồng chí ở xa quá!”. Tôi ngạc nhiên hỏi Người học tiếng Tây Ban Nha ở đâu?”. Người kể rằng, trước đây, Người đã từng đi dọc bờ biển châu Mỹ La-tinh làm phụ bếp trên những tàu buôn. Con người từng bôn ba ở nước ngoài, từng kiếm sống bằng nghề nấu bếp bình thường ấy đứng trước chúng tôi giản dị như thế mặc dù có một sức hút mạnh mẽ trên thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh hiểu rất rõ thực tế của các dân tộc chúng ta.

Chẳng những Bác hiểu rõ thực tế của các dân tộc Hán, Pháp, Anh, Nga mà còn hiểu cả tiếng nói của các dân tộc ấy nữa. Nhằm phục vụ cho lý tưởng cao đẹp của mình, Bác chẳng nề hà ngần ngại điều gì. Một mặt, Bác học tiếng Hán, Pháp, Anh, Nga... là những thứ tiếng nước ngoài có ý nghĩa “thế giới”, “quốc tế” của nó, mặt khác khi cần thiết, Bác cũng học cả một vài thứ tiếng *ít được dùng* trên thế giới như tiếng Xiêm, Tiệp, và những thứ tiếng của các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Việt

Nam, chỉ lưu hành trên vài vùng nhỏ hẹp mà thôi. Ở Viện Bảo tàng Cách mạng, chúng ta vẫn còn giữ được bút tích Bác học tiếng Tày hồi ở Việt Bắc như thế nào. Mới về Pác Pó, chẳng bao lâu, Bác đã nói được tiếng Nùng, giao thiệp với đồng bào ở vùng “quê hương thứ hai” của Bác (người Pác Pó nói tiếng Nùng). Chẳng những thế, Bác còn đặt một bài hát bằng tiếng Nùng rồi dạy dần cho các đồng chí ở xung quanh. Đó là “Bài hát thiếu niên cứu quốc hội” theo một điệu dân ca Nùng, một số câu dịch ra tiếng Kinh đại ý như sau:

*Thiếu niên ta ở trong Cứu quốc hội
Phải học để cứu nước nhà
Theo người lớn đánh Tây đuổi Nhật
Ta tự cứu lấy ta...*

Bác đã đi hầu hết các tỉnh miền núi ở miền Bắc, Bác lên vùng cao cũng như xuống vùng thấp, quen biết rất nhiều địa phương. Nhiều khi vào một bản, nhân dân vây quanh lại, khi thì Bác nói tiếng Kinh, lúc lại nói tiếng Tày, Nùng... tiếng quê hương của các dân tộc ít người. Bác thường khuyên cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền ngược *cần phải học tiếng địa phương*, nếu không như vậy thì “nửa cầm nửa diếc”, “khó gần gũi quần chúng”. Bác nói: “Người Kinh lên miền núi công tác phải học cho được tiếng dân tộc. Không học tiếng dân tộc, bà con bảo đau đầu lại cho thuốc đau bụng, thế là bệnh chẳng khỏi mà có khi gây nguy hiểm chết người nữa”, “Người dân tộc này phải học tiếng nói của người dân tộc khác để hiểu biết nhau hơn, giúp đỡ nhau học tập dễ dàng hơn và sau này

nếu đi công tác ở vùng không phải dân tộc mình, cũng làm việc được tốt hơn”.

Anh hùng La Văn Cầu người dân tộc Tày, đại biểu Quốc hội được gặp Bác. Trong câu chuyện đậm đà giữa Bác và người anh hùng đã nhờ đồng đội chặt tay mình để xông lên diệt địch này, Bác có dùng xen vào tiếng dân tộc. “Bác phát âm, dùng từ rất đúng”. Bác đề nghị anh nói chuyện cho một số người ở cơ quan trung ương nghe. Anh e ngại vì tiếng phổ thông (tiếng Kinh) chưa thành thạo, mà nói tiếng Tày thì người nghe lại không hiểu. Bác động viên: “Cháu biết tiếng phổ thông thế nào thì cứ nói thế ấy!”. Nhờ sự cổ vũ của Bác, anh đã nói chuyện thành công. Sau đấy, Bác lại còn khuyên bảo thêm: “Cháu nói được tiếng phổ thông rồi, nhưng muốn nói thạo hơn, thì nên xem nhiều sách báo và mạnh dạn dùng tiếng phổ thông, không sợ sai, sai sẽ sửa, trước lạ sau quen”.

Biết bao nhiêu đồng chí ta nhờ vâng theo lời Bác mà đạt được nhiều thắng lợi trong công tác, vừa giỏi chính trị chuyên môn lại vừa giỏi tiếng dân tộc (hoặc tiếng Kinh), tăng cường đoàn kết, giúp đỡ nhau, cùng dắt tay nhau vươn lên, vươn mãi. Và chính Bác cũng là hiện thân của đoàn kết, nguồn gốc của mọi thắng lợi - đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong nội bộ từng dân tộc, giữa các dân tộc với nhau, giữa dân tộc ít người với dân tộc nhiều người, đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân thế giới.

Bác Hồ với tiếng nước ngoài,

Sdd, T. 2, tr. 216.

40. BÁC HỒ Ở PÁC BÓ

Ngày mùng 3 tết, năm Tân Tị, tức ngày 8 tháng 2 năm 1941 Bác về đến Pác Bó. Pác Bó thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Nơi đây núi rừng trùng điệp và địa thế hiểm trở rất có lợi cho hoạt động bí mật của cán bộ Việt Minh, nhiều cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó đã được xây dựng vững chắc. Gia đình cụ Máy Lý là một trong những cơ sở chúng tôi chọn làm nơi để Bác ở và làm việc. Gia đình chỉ có ba người, cụ ông, cụ bà và cô con gái. Nhà không được rộng nhưng thoáng mát, ngay bìa rừng và kín đáo, đi lại rất thuận tiện. Gia đình đón tiếp Bác và chúng tôi rất thân mật.

Sau bữa cơm tết chiều mùng 3, Bác đã chỉ thị chúng tôi phải nghiên cứu từng nơi ở và làm việc cho thích hợp và kín đáo hơn. Bác nói đại ý: “Ở đây dựa vào dân thì có nhiều thuận lợi nhưng cũng có cái không lợi cả cho yêu cầu hoạt động bí mật của ta mà cũng không tiện cho sinh hoạt của dân, nên phải “sáu sán” thôi...”. “Sáu sán” tiếng địa phương có nghĩa là vào núi. Mà đã vào núi thì phải ở hang hoặc dựng lán... Và ngay tối hôm đó bên bếp lửa nhà sàn, Bác hỏi cụ Máy Lý ở đây có chỗ nào mưa không hắt tới không? Như vậy chúng tôi hiểu ý Bác là phải ở hang. Chúng tôi bàn cách tìm hang. Cụ Máy Lý cho biết, gia đình cụ có một cái hang sâu và rất kín dùng lánh nạn khi có biến (có phi về cướp, giết). Sáng hôm sau (ngày mùng 4 tết), chúng tôi mời Bác đi. Xem hang nhà cụ

Máy Lý, Bác ưng ngay. Chúng tôi quyết định tiến hành công tác chuẩn bị vào hang. Anh Phùng Chí Kiên giao cho tôi liên hệ với cơ sở để chuẩn bị các thứ. Anh Cáp, anh Lộc được phân công trở lại hang nghiên cứu thêm lối vào, đường ra và tình hình cụ thể trong hang.

Cụ Máy Lý cho chúng tôi mượn 5 tấm ván gỗ nghiêng. Ván hơi ngắn nên khi kê để ngủ phải nằm hơi co mới đủ chỗ cho 5 người. Chúng tôi chặt cây làm một cái giá trên có tiếp nửa để Bác và anh em đặt túi đựng quần áo.

Ngày 5 tết thì Bác và chúng tôi dọn vào hang. Cùng ở hang với Bác có anh Phùng Chí Kiên, Hoàng Sâm, Thế An, anh Cáp, anh Lộc và tôi. Nhóm công tác của chúng tôi do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, còn các anh Quốc Vân, Đức Thanh (tức Đàm Minh Viễn) là đường dây liên lạc đồng thời phụ trách lực lượng vũ trang bảo vệ vòng ngoài.

Ở hang được ít lâu, chúng tôi thấy trong người rất mệt. Sức khoẻ của Bác lúc đó cũng không được tốt lắm. Người gầy, nước da xấu, ăn uống kham khổ mà Bác lại làm việc căng thẳng nên chúng tôi rất lo.

Tuy nói là bảo vệ Bác, nhưng thực chất Bác lại là người dạy chúng tôi rất nhiều trong công tác bảo vệ. Bác quan tâm giáo dục chúng tôi chi li từng việc rất bổ ích. Những việc tiếp xúc với dân trước hết phải được nhân dân quý mến, tin tưởng nhưng đồng thời phải có câu chuyện hoá trang hợp lý đảm bảo giữ bí mật công việc cách mạng đang làm. Và thực tế chúng tôi đã làm tốt lời

Bác dạy. Những cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó ngày cả như anh Đại Lâm cũng chỉ biết có cán bộ Trung ương quan trọng về nhưng không biết có bao nhiêu người, cụ thể là ai và hiện nay ở đâu.

Còn chuyện nhận lương thực do dân giúp đỡ, Bác dạy mỗi lúc phải có giờ giấc, cách làm, cách đi lại khác nhau không để địch nắm được quy luật hoạt động của ta, ngày nhận lương thực chuyển đến phải luôn thay đổi; mang lương thực trên đường phải hoá trang hợp lý và đường đi phải có hướng thay đổi luôn. Gạo và muối do các cơ sở vận động quyền góp không nên tập trung để ở một nhà, phải phân tán mỗi nơi một ít. Đồ dùng cho hậu cần mượn của dân phải mỗi nhà một thứ, thậm chí có thứ phải mượn nhiều nhà... Bác kể cho chúng tôi nghe rất nhiều những mẫu chuyện về đời hoạt động của Bác khi còn ở nước ngoài, nội dung mỗi chuyện tuy xảy ra ở các nước khác nhau nhưng đều nhằm giáo dục chúng tôi ý thức giữ bí mật. Cuối cùng Bác dạy: “Trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng nước ta hiện nay, bí mật phải được coi là nguyên tắc trong mọi hoạt động của Đảng...”.

Tuy nói lúc đó Pác Bó là khu vực an toàn hơn các khu khác trong vùng, nhưng lại là nơi kẻ địch luôn dòm ngó, tìm kiếm, tổ chức phục kích các ngã đường nghi có cán bộ ta đi qua. Cách nơi Bác về phía bản Lũng 10 cây số, chúng dựng đồn với hơn một trung đội lính đông do Pháp chỉ huy tổ chức tuần tra, kiểm soát, bắt bớ hoặc càn quét những bản nghi có cán bộ ta hoạt động. Đồng thời hoạt

động của bọn phi lúc này cũng rất táo tợn nên chúng tôi càng lo lắng, trần trờ về nhiệm vụ bảo vệ Bác.

Hàng ngày sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường đi dạo leo núi, nhưng thực ra là Bác đi nắm tình hình khu vực, phần lớn anh em chúng tôi hoạt động ở vùng này lâu nay quen với lối suối trèo đèo nhưng đôi lúc phải vừa đi, vừa chạy mới theo kịp Bác. Có nhiều việc rất đơn giản nhưng khi Bác hỏi anh em chúng tôi không trả lời được. Cũng có việc chúng tôi đã làm nhưng khi nghe Bác giảng giải mới biết mình còn đơn giản và khờ dại quá. Ý thức cảnh giác có nghĩ đến nhưng cách giữ bí mật còn tùy tiện, non kém. Bác dạy chúng tôi hoạt động ở vùng núi, dân thưa, khi đi công tác tốt nhất là phải đem theo cơm nắm. Như vậy vừa được việc mà không gây phiền hà cho dân. Kẻ địch lại rất tinh quái, ở đâu mà chúng chẳng cài người vào. Những bang tá, trưởng bản,... và ngay cả những gia đình người dân tộc sống ven đường đi, địch thường dùng vật chất như bạc hoa xoè, muối, vải để mua chuộc làm chỉ điểm. Mình phải sâu sát giáo dục ý thức ủng hộ cách mạng cho đồng bào, nhưng phải chú ý phát hiện tay chân của chúng. Trên đường đi, khi ăn cơm phải tìm nơi suối sạch sẽ, ăn xong lá đùm cơm phải chôn sâu, tiện khi rửa tay khoát cho nước dội hết những hạt cơm vãi xuống suối, cá được ăn mà ta lại xoa được dấu vết làm cho kẻ địch có mắt cũng như mù. Hoạt động bí mật phải “lai vô ảnh, khứ vô hình”. Chúng ta đến địch không biết mà rút đi chúng cũng không hay, thì mới bảo vệ được mình và có nhiều thuận lợi diệt địch.

Tới đây lực lượng cách mạng sẽ phát triển. Kẻ địch lại đang tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng. Tình hình sẽ căng thẳng và phức tạp hơn nhiều. Chúng ta phải vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và làm nhà ngoài rừng để ở... Tăng gia hoặc làm nhà cũng phải biết giữ bí mật. Trồng rau hay gieo bắp cũng phải làm đúng kiểu cách của dân tộc nơi mình ở. Làm lán ở cũng phải giống kiểu lán của đồng bào. Nếu ta làm khác đi là địch và bọn xấu sẽ phát hiện được ngay. Khi làm lán cũng phải biết tính toán sao cho có lợi đôi đường. Mỗi lán chỉ nên làm đủ cho 1 đến 2 người ở là cùng. Nơi làm lán phải xem xét vừa lợi cho việc quan sát phát hiện địch từ xa nhưng đồng thời phải có đường rút khi bị vây. Liếp che chung quanh lán không nên dùng nứa đan vững chắc mà nên lấy cỏ tranh tết nẹp lại thành tấm để thưng. Trường hợp bị địch vây hoặc đến gần mới phát hiện thì chỉ việc lách nhẹ qua liếp tranh cho dễ dàng. Muốn bảo vệ Đảng, trước hết mỗi đảng viên phải suy nghĩ tự bảo vệ mình. Nghĩ lại những năm trước đây, khi Đảng bị khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt bớ tù tội và hy sinh, anh em chúng tôi càng thấm thía lời Bác dạy.

Ở hang đến tuần thứ hai, chúng tôi thấy tình hình sức khoẻ của Bác có hiện tượng mệt mỏi hơn. Chúng tôi ai nấy đều lo lắng cho sức khoẻ của Bác. Có hôm dọn vệ sinh, anh Hoàng Sâm phát hiện thấy rấn độc chui vào hang, nằm dưới tấm phản ngay chỗ Bác. Hàng ngày Bác vẫn miệt mài làm việc, ít khi thấy Bác rảnh rỗi. Mỗi buổi đi dạo, chúng tôi vẫn thấy Bác nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt

bát nên cũng yên lòng. Cứ dăm ba ngày cụ Máy Lý lại đem lương thực vào một lần. Bác tiếp cụ rất thân mật và chuyện trò thật vui vẻ. Ngay cả cụ Máy Lý cũng không biết Bác là ai. Một lần trong câu chuyện vui, cụ hỏi tên Bác, Bác cười rồi chậm rãi giải thích: “Sáu sán” là vào núi còn có nghĩa là “Thu Sơn”. Tên tôi là “Thu Sơn”. Từ đó mỗi lần gặp cụ Máy Lý thường chào Bác bằng câu chào ké Thu Sơn (Già Thu). Chúng tôi và một số anh em khác cũng từ đó dùng cái tên “Già Thu” để giải thích cho các đồng chí khác khi bị hỏi về Bác mà theo nguyên tắc không được nói rõ hơn.

Chúng tôi có ý định làm lán để Bác ở, đảm bảo sức khoẻ hơn. Khi báo cáo ý định đó, được Bác đồng ý, chúng tôi rất mừng. Công việc chuẩn bị được khẩn trương tiến hành. Việc tìm một địa điểm để làm lán theo ý Bác dạy cũng rất khó. Một hôm sau giờ làm việc buổi chiều Bác đi dạo đến một đoạn suối cách cửa hang không xa. Bác dừng lại quan sát và gợi ý chỗ này nếu làm lán ở thì tiện nhất. Nơi Bác chỉ là một khoảng đất bằng ngay cạnh bờ suối. Con suối nước rất trong và ngay bờ có nhiều tảng đá to và đẹp. Phải đi ngược theo dòng chảy mới vào được cửa hang nơi Bác ở. Nhưng đứng ở đây nhìn lên thì lại không thấy được cửa hang. Khi có biển, có thể theo dòng suối rút vào hang hoặc lên triền núi có rừng cây rậm cũng rất tiện.

Thế là chúng tôi bắt tay vào công việc dựng lán ngay. Lán rộng chỉ vừa chiếc chiếu đôi. Cửa lán hướng xuống con đường mòn dưới thung lũng. Chung quanh cũng

dùng cỏ tranh thay liếp nửa như lời Bác dạy, nhưng bên ngoài có treo thêm một số tàu lá cọ trông giống như những cái lán canh nương của đồng bào. Anh Lộc hướng dẫn chúng tôi vào rừng lấy nửa tép (loại nửa chỉ lớn bằng ngón chân cái), vót nhọn làm hàng rào chung quanh. Anh giải thích đây là kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thường dùng loại cây này để rào vườn nhà vì con hổ trông thấy rất sợ.

Lán làm xong, chúng tôi mời Bác ra xem. Bác rất ưng và ngay ngày hôm sau, anh Kiên mời Bác xuống lán ở và làm việc. Bác đồng ý và chỉ ban ngày xuống lán làm việc, ăn nghỉ, còn ban đêm lại vào hang.

Lương thực do đồng bào giúp đỡ thường là gạo ngô (bắp bẹ) xay nhỏ và muối. Có hôm thấy gạo gần hết, Bác bảo chúng tôi nấu cháo ngô (cháo bẹ) ăn thay bữa. Còn rau xanh chủ yếu là măng tự kiếm trong rừng. Có hôm câu được con cá hoặc hái được ít rau rớn (loại giống cây dương xỉ mọc ven bờ suối) thì bữa ăn được cải thiện và ngon miệng hơn. Một hôm Bác và chúng tôi đang ăn cháo ngô, có người nói đùa đây là bánh đúc, thì Bác ung dung đọc mấy câu thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang...*

Thơ Bác làm hiện thực với cuộc sống quá, chúng tôi mỗi người đọc lại một câu và giải nghĩa luôn. Đến lượt

anh Hoàng Sâm đọc câu “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” thì tất cả ai cũng cười vang.

Thật vậy, tôi chen vào: Đúng hòn đá chông chênh thật, nhưng vững lắm đấy. Thế mà có hôm anh Kiên thấy Bác ngồi làm việc lại sợ Bác ngã.

Chúng tôi vui vẻ tranh nhau và đọc đi đọc lại những câu thơ của Bác. Bác nhìn chúng tôi cười hiền hậu và với giọng ấm áp, Bác nói:

- Thôi các chú ăn tiếp đi kéo cháo bẹ nguội mất!...

Từ xuân Tân Tị năm ấy, đến xuân Mậu Thìn năm nay thấm thoát đã ngót gần nửa thế kỷ trôi qua. Thế mà có dịp gặp lại, thấy như mới hôm qua. Bác đã đi xa, nhưng biết bao kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời người chiến sĩ bảo vệ Bác mãi mãi là những bài học truyền thống về vang không bao giờ phai.

**Lê Quảng Ba⁽¹⁾ kể, Cao Bá Sánh ghi trong
Những chuyện vui và cảm động về Hồ Chủ tịch.
NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000**

⁽¹⁾ Sau là cấp tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

41. TỪ PÁC BÓ ĐẾN TÂN TRÀO

Tôi cùng anh Vũ Anh lên Pác Bó. Những ngày qua đã được tin chắc chắn Bác thoát khỏi tù ngục của bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch và đã trở về nước. Nhưng trên đường đi vẫn hồi hộp. Khi được nhìn thấy Bác ở trong căn lán nhỏ trên sườn một quả đồi, mới thực tin là sự thực.

Bác vẫn như xưa với bộ quần áo chàm của đồng bào Nùng. Nhìn lâu, thấy Bác có gầy và già hơn trước. Không biết lấy gì so sánh với nỗi mừng khi được gặp lại Bác.

Những chuyện về thời kỳ Bác bị bắt, sau này chúng tôi mới biết nhiều, lúc ấy Bác chỉ kể qua rồi hỏi ngay về tình hình cách mạng trong nước.

Chúng tôi báo cáo xong, Bác nói: “Phong trào lên, địch không bỏ là chuyện tất nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng”. Bác nhắc lại những cuộc duyệt binh huy động đến hàng ngàn người.

Bác nhận định: “Bây giờ thời kỳ cách mạng hoà bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy mạnh phong trào tiến lên.

Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư cả vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn, phải làm sao cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác để phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...”.

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: “Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”.

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã; từ Tĩnh Túc, Phja Oắc đến Phja Bioóc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, trong suốt thời gian khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hỏi:

- Có thể tìm được một căn cứ “tiền khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ”, mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không thể để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn dóm, Bác và chúng tôi mỗi người gồi đầu lên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo”. Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi cùng một số anh em lên mồm núi sau cơ quan trao đổi làm kế hoạch.

Buổi chiều, cuộc họp lại tiếp tục. Chúng tôi báo cáo lại bản kế hoạch đã dự thảo. Nghe xong, Bác nói:

- Được, tình hình quốc tế đang có nhiều điều kiện thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi.

Đúng vào dịp này, anh chị Tổng Minh Phương và bà

con Việt kiều ở Côn Minh lại mới gửi về một số vũ khí: một khẩu tiểu liên Mỹ Sub Machine gun và 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, một hộp bom nổ chậm. Cùng với số vũ khí này, chúng tôi còn được nhận thêm 500 đồng để chi phí về quân nhu.

Sau khi suy nghĩ, Bác đề nghị thêm hai chữ “tuyên truyền” vào tên đội quân giải phóng cho đúng với nhiệm vụ hiện tại của nó.

Chúng tôi được giao trách nhiệm điều động tất cả 34 đội viên và cán bộ trong các đội vũ trang địa phương, hai khẩu súng thập, 10 khẩu súng trường vừa giáp năm, giáp ba, vừa khai hậu và súng Tàu chế tạo, 14 khẩu súng kíp.

Thế là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Chúng tôi có hỏi Bác: “Đội tuyên truyền hoạt động theo kế hoạch của Liên tỉnh, khi tới một địa phương thì quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương ra sao?”.

Bác nói: “Thông nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương. Hai lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Đội chủ lực có nhiệm vụ diu dắt giúp đỡ các đội địa phương trưởng thành”. Điều Bác nói đó chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng mà chúng ta đã thực hiện trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của toàn dân, và đã thấy được hiệu lực vô cùng mạnh mẽ.

Anh em trong cơ quan mấy ngày trước đã nghe ngóng thấy Bác không đồng ý với nghị quyết phát động chiến

tranh du kích của Liên tỉnh uỷ, kém phần phần khởi, lúc này được biết quyết định mới của Bác, vui hẳn lên.

Một buổi sớm tháng chạp, chúng tôi từ giả Bác, trở về, Bác căn dặn chúng tôi một lần nữa: “Nhớ bí mật: ta ở đông, địch tưởng ta ở tây, “Lai vô ảnh, khứ vô hình”.

Để thi hành đúng chỉ thị của Bác: “Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực nhanh chóng cho bộ đội”. Chúng tôi họp bàn kế hoạch tác chiến, và quyết định sẽ chiến đấu ngay sau khi thành lập đội.

Vấn đề đặt ra là đánh ở đâu? Có ý kiến nêu lên là không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta để tránh cho cơ sở bị địch khủng bố. Nhưng khi bàn, thấy đánh vào nơi không có cơ sở thì chuẩn bị sẽ rất khó khăn, không nắm được tình hình, khi đánh thiếu sự giúp đỡ của nhân dân, khó đảm bảo thắng lợi. Chúng tôi nhận thấy trận đánh đầu tiên chỉ có thể thành công nếu đánh vào những nơi có cơ sở nhân dân thật tốt, giúp đỡ cho bộ đội chuẩn bị thật chu đáo. Các đồng chí tại các địa phương có địch đóng đều yêu cầu cứ đánh, còn đối với sự khủng bố của kẻ địch, chỉ cần có một kế hoạch đề phòng cho nhân dân.

Một điều rất quan trọng khác phải bàn bạc là đánh cách nào? Trong trận đầu chúng ta phải giành được thắng lợi mà không để bị tổn thất nặng nề về người cũng như về vũ khí. Lực lượng của ta trong thời kỳ trứng nước này còn rất mỏng manh. Vũ khí đã thiếu, đạn dược càng thiếu hơn. Mỗi khẩu súng trường trung bình chỉ có hai mươi viên

dạn. Chỉ cần đánh một trận là sẽ bắn đến viên đạn cuối cùng, và khi đó khẩu súng trường, thứ vũ khí chủ lực của đội sẽ trở nên vô dụng. Khi bàn bạc thấy, nếu đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì tương đối dễ đạt thắng lợi và bộ đội cũng đỡ bị tổn thất, nhưng cũng thấy đánh phục kích thì chỉ có thể thu được một số súng mà không giải quyết được vấn đề đạn dược. Bọn chỉ huy người Pháp vốn không tin ở binh lính người Việt, khi đi tuần tiễu chỉ phát cho mỗi tên từ năm đến mười viên đạn. Về vũ khí lúc này, súng chưa quan trọng bằng đạn dược. Mặt khác, muốn đánh phục kích phải có thời gian mới gặp hoặc tạo nên được cơ hội, như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng. Cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định, trong mấy trận đầu phải tập trung vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mặc dầu đánh tập kích khó khăn hơn.

Một số đồn trại địch đóng trên dưới một trung đội trong vùng Kim Mã và Cẩm Li được chọn để tiến hành công tác điều tra: đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần.

Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long được phái đi trinh sát. Thực ra các làng địch đóng đều là quê của nhiều đồng chí trong đội. Địch ở Phai Khắt đóng chính ngay tại nhà đồng chí Lạc. Anh em có thể vẽ sơ đồ đồn địch, rồi phái một số đồng chí đến nơi đối chiếu lại, là biết rõ tình hình. Việc khó khăn hơn là làm sao đột nhập đồn địch, điều tra cách bố trí, sắp xếp bên trong, và mọi quy luật hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của chúng. Người trinh sát đầu tiên của đội lọt vào đồn là em bé Hồng.

Hồng mới mười hai tuổi. Ngày ngày em phải mang bánh và rượu vào đồn cho tên quan Tây trong đồn. Em đã lần la trò chuyện với lính địch, xem kĩ kho lương, kho đạn, nơi ăn ngủ, nơi canh gác, giờ giấc canh gác, giờ giấc sinh hoạt, tập hợp của địch. Đêm đêm em luôn ra khỏi luỹ tre làng đến báo cáo với Đội.

Căn cứ vào những quy luật hoạt động của địch tại vùng này, chúng tôi bàn nhau rất có thể cải trang thành lính đồng để đột nhập đồn địch.

Các đồng chí trung kiên dưới làng đi tìm gặp những hội viên là lính đồng, mượn ba chục bộ quần áo. Cũng phải tìm một số hội viên cựu binh sẽ mượn thêm mấy bộ quần áo ka-ki để cải trang thành lính tập vì những đoàn lính đồng đi tuần bao giờ cũng có lính tập đi kèm. Ngoài ra, còn phải chuẩn bị một số nón lính. Các chị ở dưới làng lên, mang theo vải chàm và kim chỉ để khâu áo nón. Nón của đồng bọc vải chàm, có viền vành trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp. Khi qua cơ quan in báo *Việt Nam độc lập*, tôi đã mượn máy chữ ngồi đánh mấy tờ “Giấy đi tuần” giả. Các đồng chí tại cơ quan đã cắt củ khoai trở một con dấu rất khéo, đóng đỏ chót lên cạnh chữ kí. Hồi đó, những giấy giới thiệu đánh máy là loại giấy có giá trị.

Ba chiếc lán bên cạnh sườn núi đã làm xong. Các đồng chí nhận lệnh điều động đã về đầy đủ. Bà con hội viên ở dưới làng có nhiệm vụ đi lại nơi trú quân để giúp đỡ Đội. Lần đầu thấy quân cách mạng tập trung đông đảo như vậy,

súng ống lại nhiều, mọi người đều hết sức phấn khởi. Không khí tập nập như ngày hội.

Chúng tôi tiếp tục hoàn thành việc thảo những lời thề và những điều kỉ luật của Đội.

Mọi việc chuẩn bị đã xong.

Một ngày trước lễ thành lập Đội, chúng tôi nhận được một bức thư Bác đặt trong một bao thuốc lá. Giở ra, đó là chỉ thị của Bác về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

“Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang, nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”.

*

* *

Về đến Chợ Chu đúng vào ngày mùng 1 tháng 5, chúng tôi dừng lại đây làm mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Một số tin mừng đến. Bên chiến trường châu Âu, phát xít Đức sắp hoàn toàn gục ngã trước Hồng quân Liên Xô và Đồng minh. Cũng lúc ấy, được tin Bác đi xa mới về, đang từ biên giới xuống với chúng tôi. Trước đó, có tin Bác định về dưới này, chúng tôi đã đề nghị Bác đi theo con đường Nam tiến Bác đã vạch ra cho Đội Tuyên truyền ngày trước.

Tôi vội vã đi đón Bác. Dọc đường ngựa phóng nhanh quên nghỉ. Lên Đèo Re, qua Nghĩa Tá, tới Nà Kiên thì gặp Bác đang đi về, Bác ngồi trên mình ngựa, có vẻ mệt sau một chặng đường xa, mặt võ vàng, râu để dài, duy đôi mắt Bác vẫn tinh anh như bất cứ lúc nào.

Từ ngày Bác trao nhiệm vụ xây dựng Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đến bây giờ tôi mới được gặp lại Bác. Tôi không nén được xúc động, báo cáo với Bác:

- Vùng giải phóng đã mở rộng...

Tôi trình bày với Bác tình hình phong trào nhân dân trong những vùng rộng lớn mà chúng tôi đi qua, từ ngày Bác chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi báo cáo đã liên lạc được với Trung ương, đã gặp anh Trường Chinh và các anh, phong trào cách mạng ở miền xuôi đang lên mạnh. Bác chăm chú nghe, bình tĩnh, điềm đạm, trong đôi mắt Bác có ánh vui.

Bác kể chuyện tình hình bên ngoài, thời cơ cũng đang có lợi cho ta. Bác nói, cần chọn ngay trong vùng Cao - Bắc - Lạng hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên một địa điểm có dân tốt, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình tốt, có thể thuận tiện làm một trung tâm liên lạc với miền xuôi, miền ngược và ra nước ngoài.

Tôi trở về Kim Quan Thượng bàn với anh Song Hào. Chúng tôi nhận thấy nên chọn vùng Tân Trào. Tân Trào là một vùng rừng núi hiểm trở, giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái lớn. Từ ngày các anh

Song Hào ⁽¹⁾, Tạ Xuân Thu... thoát ngục Chợ Chu, đã về đây cùng các đồng chí Dục Tôn, Lê Trung Đình... xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân và cơ sở tại đây rất tốt.

Bác về đến Tân Trào vào một buổi trưa, anh Song Hào cùng một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hồng Thái.

Bác ở lại ít ngày tại một gia đình cơ sở ở xóm Kim Lộng rồi chuyển lên một chiếc lán nhỏ làm trên sườn một quả đồi. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: “Có ông cụ đã cao tuổi, sao mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước”.

Thời gian này anh Cầm ⁽²⁾ ở xuôi lên và anh Hoàng Quốc Việt ở nước ngoài mới về, cũng đến Tân Trào. Tôi báo cáo lại với Bác và các anh những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Bác nhận xét hội nghị tiến hành rất tốt, nhưng Bác nói: “Chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy. Vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nối liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là Khu Giải phóng. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt tên là Quân Giải phóng. Bác bàn với chúng tôi làm dự thảo Nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

(1) Sau là Thượng tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

(2) Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Theo nghị quyết của Hội nghị cán bộ ngày 4/6/1945, được triệu tập theo chỉ thị của Bác, Khu Giải phóng phải trở thành một căn cứ địa vững chắc về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc.

Tân Trào được chọn làm Thủ đô của Khu giải phóng.

Tôi làm việc ở dưới làng, hằng ngày vẫn lên cơ quan của Bác để báo cáo.

Các đồng chí ở địa phương đã làm cho Bác một căn lán khá xinh xắn, nấu kín trong khu rừng nửa ở sườn đồi. Lán chia làm hai gian nhỏ, một bên là nơi Bác nằm nghỉ, một bên vừa là chỗ làm việc, vừa là chỗ để tiếp khách.

Bác làm việc không mấy lúc nghỉ ngơi. Lần nào tôi lên cũng thấy Bác đang cặm cụi với công việc. Mọi giấy tờ chỉ thị, Bác đều tự tay đánh máy và đánh số cẩn thận, rõ ràng.

Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7. Tình hình đã khẩn trương lắm. Bác nói: “Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp. Nếu không thì không kịp được với tình hình chung”. Nhưng, dù chuẩn bị rất gấp, các đại biểu của Đảng và các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Việt Minh ở toàn quốc vẫn không thể về đúng hẹn.

Giữa lúc công việc bề bộn như thế, Bác bỗng bị mệt. Đã mấy hôm liền Bác sốt nóng. Song, Bác vẫn gượng làm

việc. Mỗi khi tôi tới thảo luận công việc, hỏi thăm sức khoẻ, Bác chỉ nói: “Chú cứ xuống làm công tác, tôi không việc gì”. Nhưng tôi thấy Bác yếu nhiều, người hốc hác hẳn. Có hôm tôi đến, Bác đang lên cơn sốt, miệng còn nói mê. Thuốc men chẳng có, chỉ kiếm được vài viên thuốc cảm và kí ninh, Bác đã uống mà không thấy đỡ. Thường khi, nếu không phải lúc nghỉ, không bao giờ Bác nằm, thế mà bây giờ Bác phải chịu nằm, lại mê sáng luôn. Bây giờ, trong các đồng chí thường gần Bác, chỉ còn lại mình tôi ở Tân Trào. Hôm ấy Bác mệt lắm, tôi rất lo. Tôi nói: “Hôm nay tôi cũng thông thả, xin ở lại với Bác đêm nay”. Bác mở mắt và hơi gật đầu.

Đêm ấy, tôi nghỉ lại với Bác trên cái lán ở giữa rừng, lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Mỗi lúc nhớ ra điều gì, Bác lại dặn. Bác lúc ấy chắc cũng thấy mình yếu quá, có ý muốn dặn lại công việc. Chỉ có công việc, Bác nói về công tác củng cố phong trào: “Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phân tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc để đề phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được”.

Suốt đêm ấy, Bác vẫn lúc tỉnh lúc mê. Hôm sau, tôi viết thư hoả tốc về Trung ương. Tôi lại tìm hỏi bà con địa phương xem có thứ thuốc men gì không. Bà con nói gần

đây có một ông lang quen trị bệnh sốt nóng. Tôi cho người cưỡi ngựa đi đón ông thầy về. Ông cụ lang già người Tày xem mạch, sờ trán Bác rồi đốt cháy một thứ củ vừa đào trong rừng về, hoà vào cháo loãng. Sau đó Bác tỉnh. Hôm sau, Bác ăn thêm vài lần với cháo loãng nữa, cơn sốt nhẹ dần. Bác lại gượng dậy tiếp tục làm việc ngay.

Mặc dầu Bác đã chỉ thị viết nhiều thư hoà tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu, nhưng vì đường sá trắc trở, liên lạc khó khăn, nhiều đại biểu đã cố gắng đi cho chóng mà mãi tới 13, 14 tháng 8 mới lên tới Tân Trào. Có những đoàn đại biểu 16, 17, 18 mới đến kịp.

Trung ương và Tổng bộ Việt Minh quyết định không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Ngày 11, 12 tin vô tuyến điện cho biết có hiện tượng nguy ngập tan rã trong quân đội Nhật.

11 giờ đêm 13, Ủy ban Chỉ huy Lâm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội.

Nửa đêm nhận lệnh, bộ đội và nhân dân reo mừng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để thực hiện nhiệm vụ lớn. Các đơn vị giải phóng quân đóng tại Chợ Chu, Tuyên Quang được lệnh chuyển gấp về tập trung tại Tân Trào.

Ngày 14/8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp, Bác vừa dứt cơn sốt, gượng tới họp, người còn võ vàng, Hội nghị nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”. Hội nghị quyết định mục đích của cuộc chiến đấu là giành quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành mười chính sách của Mặt

trận Việt Minh, định ra chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Để đạt mục đích đó, phải huy động toàn thể nhân dân gồm tất cả các giới, các đảng phái tham gia phong trào cứu quốc, phải gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Giải phóng quân Việt Nam. Hội nghị định ra nhiệm vụ quân sự cần kíp thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Việt Nam; gấp rút củng cố và phát triển bộ đội, thống nhất biên chế, kỷ luật, tăng cường công tác chính trị, tổ chức Đảng trong quân đội lấy trung đội làm đơn vị cơ sở, củng cố các tổ chức chiến đấu và tiểu tổ du kích để lập những đơn vị Giải phóng quân mới ngoài khu giải phóng.

Sang ngày 15, được tin đích xác Nhật Hoàng đã ra lệnh cho quân đội hấn đầu hàng, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và lập Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Việt Nam.

Một số chúng tôi ngừng họp và nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ cùng Giải phóng quân tiến về phía Nam. Anh Song Hào về phía Tuyên Quang cùng các đồng chí ở đây lãnh đạo nhân dân cướp chính quyền các tỉnh phía Tây.

Chiều 16/8, một đơn vị Giải phóng quân tập họp dưới cờ làm lễ xuất phát tiến về Nam. Các đại biểu về dự Quốc dân Đại hội đều có mặt dưới cây đa cổ thụ, cạnh ngôi nhà Hội đồng Cứu quốc xã Tân Trào để tiễn đưa bộ đội lên đường chiến đấu. Chưa bao giờ Tân Trào lại đón tiếp một đoàn người nhiều màu sắc như vậy. Cùng với màu chàm của rừng núi quen thuộc, còn có màu nâu dày dặn của

đồng bằng và những màu sắc tươi sáng của đô thị. Những chiến sĩ Giải phóng quân, quần áo đủ kiểu, mang trên người dấu vết của những cuộc vật lộn ác liệt với quân thù trên các nẻo đường rừng trên các triền núi đá Việt Bắc, tề tựu nghiêm trang dưới cờ nghe đọc bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa.

“Hỡi quân dân toàn quốc!

12 giờ trưa ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chính của chúng ta đã ngã gục.

Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

Mang nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa toàn quốc cho đến ngày toàn thắng. Ủy ban Khởi nghĩa đã thành lập.

Hỡi các tướng sĩ và đội viên quân Giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy *kiên quyết tiến!*

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo quân Giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.